

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Hà My

Sinh viên thực hiện: Lê Thị Ngọc Diễm

Mã số sinh viên: 2254010097

Khóa học: 2022 - 2026

Lớp: 22KH2

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG

KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày ...tháng...năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Lê Thị Ngọc Diễm
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin.

3. Các số liệu ban đầu thực hiện khóa luận tốt nghiệp:

Số liệu được lấy từ các chứng từ, sổ sách kế toán thực tế của năm 2025 tại phòng kế toán của công ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin.

4. Nội dung

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin

Chương 3: Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin

5. Cán bộ hướng dẫn: Th.S. Nguyễn Thị Hà My

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	1
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:	1
1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ..	2
1.3. Kế toán doanh thu, bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	2
1.3.1. Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ:.....	2
1.3.2. Hình thức thanh toán và thời điểm thanh toán	3
1.3.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4
1.3.4. Chứng từ sử dụng	5
1.3.5. Tài khoản sử dụng	5
1.3.5. Phương pháp hạch toán	6
1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	7
1.4.1 Nội dung	7
1.4.2. Chứng từ sử dụng	7
1.4.3.Tài khoản sử dụng	8
1.4.4. Phương pháp hạch toán	8
1.5. Kế toán giá vốn hàng bán.....	9
1.5.1. Nội dung	9
1.5.2. Các phương pháp tính giá xuất kho.....	9
1.5.3. Chứng từ sử dụng	10
1.5.4. Tài khoản sử dụng	10
1.5.5. Phương pháp hạch toán	12
1.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	12
1.6.1. Nội dung	12
1.6.2. Chứng từ sử dụng	13
1.6.3. Tài khoản sử dụng	13

1.6.4. Phương pháp hạch toán	13
1.7. Kế toán chi phí tài chính	15
1.7.1. Nội dung	15
1.7.2. Chứng từ sử dụng	15
1.7.3. Tài khoản sử dụng	15
1.7.4. Phương pháp hạch toán	16
1.8. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
1.8.1. Nội dung	18
1.8.2. Chứng từ sử dụng	18
1.8.3. Tài khoản sử dụng	19
1.8.4. Phương pháp hạch toán	20
1.9. Kế toán thu nhập khác	22
1.9.1. Nội dung	22
1.9.2. Chứng từ sử dụng	22
1.9.3. Tài khoản sử dụng	23
1.9.4. Phương pháp hạch toán	23
1.10. Kế toán chi phí khác	24
1.10.1. Nội dung	25
1.10.2. Chứng từ sử dụng	25
1.10.3. Tài khoản sử dụng	25
1.10.4. Phương pháp hạch toán.....	26
1.11. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	26
1.11.1. Nội dung	26
1.11.2. Tài khoản sử dụng	27
1.11.3. Chứng từ sử dụng	28
1.11.4. Phương pháp hạch toán.....	28

1.12. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	28
1.12.1. Nội dung	28
1.12.2. Tài khoản sử dụng	29
1.12.3. Chứng từ sử dụng	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN	34
2.1. Tổng quan về công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin	34
2.1.1. Thông tin khái quát về công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin.....	34
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin.....	35
2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin.....	36
2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin	37
2.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý	38
2.2.2. Chức năng từng bộ phận.....	38
2.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin...	39
2.3.1. Bộ máy kế toán:.....	39
2.3.2. Chức năng từng bộ phận.....	39
2.3.3. Chế độ kế toán và chính sách kế toán tại công ty	40
2.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty.....	40
2.3.5. Phần mềm kế toán tại công ty	42
2.4. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	43
2.4.1. Nội dung	43
2.4.2. Tài khoản sử dụng	43
2.4.3. Chứng từ sử dụng và sổ sách sử dụng.....	43
2.4.4. Quy trình ghi sổ	44

2.5. Kế toán giá vốn	57
2.5.1. Nội dung	57
2.5.2. Tài khoản sử dụng:	57
2.5.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....	57
2.5.4. Quy trình ghi sổ.....	57
2.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	66
2.6.1. Nội dung	66
2.6.2. Tài khoản sử dụng	66
2.6.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....	66
2.6.4. Quy trình ghi sổ.....	66
2.7. Kế toán chi phí tài chính	68
2.7.1. Nội dung	69
2.7.2. Tài khoản sử dụng	69
2.7.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....	69
2.7.4. Quy trình ghi sổ.....	69
2.8. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	72
2.8.1. Nội dung	72
2.8.2. Tài khoản sử dụng	72
2.8.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....	73
2.8.4. Quy trình ghi sổ.....	73
2.9. Kế toán thu nhập khác	86
2.9.1. Nội dung	86
2.9.2. Tài khoản sử dụng	86
2.9.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....	86
2.9.4. Quy trình ghi sổ.....	86
2.10. Kế toán chi phí khác	87

2.10.1. Nội dung	87
2.10.2. Tài khoản sử dụng	88
2.10.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....	88
2.10.4. Quy trình ghi sổ.....	88
2.11. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	90
2.11.1. Nội dung	90
2.11.2. Tài khoản sử dụng	90
2.12.3. Sổ sách sử dụng.....	90
2.12. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	94
2.12.1. Nội dung	94
2.12.2. Tài khoản sử dụng	94
2.12.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng.....	94
2.12.4. Quy trình ghi sổ.....	95
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN.....	100
3.1. Đánh giá về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin	100
3.1.1. Ưu điểm.....	100
3.1.2. Hạn chế.....	101
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin.	102

DANH MỤC VIẾT TẮT

BVMT	Bảo vệ môi trường
BĐSDT	Bất động sản đầu tư
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
CCDC	Công cụ dụng cụ
CCDV	Cung cấp dịch vụ
CKTM	Chiết khấu thương mại
GGHB	Giảm giá hàng bán
GTGT	Giá trị gia tăng
HMLK	Hao mòn lũy kế
KC	Kết chuyển
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
LN	Lợi nhuận
LNKT	Lợi nhuận kế toán
NG	Nguyên giá
NVL	Nguyên vật liệu
SXKDDD	Sản xuất kinh doanh dở dang
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán phản ánh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán	8
Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán phản ánh hàng bán bị trả lại	9
Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán	12
Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	14
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính.....	17
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng	20
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp	21
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	24
Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán chi phí khác	26
Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	28
Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	30

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình ảnh 2.1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp trên cổng thông tin quốc gia.....	35
Hình ảnh 2.2. Giao diện phần mềm Trí Việt.....	42
Hình ảnh 2.3. Hóa đơn GTGT ngày 27/05/2025	44
Hình ảnh 2.4. Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT ngày 27/05/2025	45
Hình ảnh 2.5. Phiếu kế toán ngày 27/05/2025	46
Hình ảnh 2.6. Hóa đơn GTGT ngày 30/09/2025	47
Hình ảnh 2.7. Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT ngày 30/09/2025	48
Hình ảnh 2.8. Giao diện “Khai báo tham số hệ thống” trên phần mềm Trí Việt.....	58
Hình ảnh 2.9. Giao diện giá vốn hóa đơn số 47	58
Hình ảnh 2.10. Phiếu xuất kho ngày 27/05/2025.....	59
Hình ảnh 2.11. Giao diện bảng thanh toán tiền lương	59
Hình ảnh 2.12. Giao diện bảng phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn	60
Hình ảnh 2.13. Giao diện bảng phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn	60
Hình ảnh 2.14. Giao diện bảng phân bổ TSCĐ	61
Hình ảnh 2.15 Hóa đơn GTGT số 6565.....	62
Hình ảnh 2.16. Giao diện hạch toán trên phần mềm.....	63
Hình ảnh 2.17. Giao diện hạch toán lương trên phần mềm	63
Hình ảnh 2.18. Giao diện hạch toán BHXH trên phần mềm	64
Hình ảnh 2.19. Giao diện phân bổ chi phí trong phần mềm	64
Hình ảnh 2.20. Giấy báo có ngày 31/12/2025.....	67
Hình ảnh 2.21. Giao diện trả lãi tài khoản trên phần mềm	67
Hình ảnh 2.22. Giấy báo nợ 27/10/2025	70
Hình ảnh 2.23. Giao diện lương trong phần mềm.....	74
Hình ảnh 2.24. Hóa đơn GTGT số 157	75
Hình ảnh 2.25. Giao diện hạch toán hóa đơn ngày 27/12/2025	76

Hình ảnh 2.26. Hóa đơn giá trị gia tăng số 5328	77
Hình ảnh 2.27. Giao diện hạch toán hóa đơn ngày 02/10/2025	77
Hình ảnh 2.28. Giấy nộp tiền thuế môn bài	78
Hình ảnh 2.29. Giao diện lệ phí môn bài ngày 01/01/2025	79
Hình ảnh 2.30. Giao phí ngân hàng ngày 05/06/2025	79
Hình ảnh 2.31. Hóa đơn giá trị gia tăng số 3008171	81
Hình ảnh 2.32. Tiền chậm nộp thuế	88
Hình ảnh 2.33. Giao diện hạch toán tiền chậm nộp thuế	89
Hình ảnh 2.34. Tờ khai quyết toán thuế TNDN.....	93
Hình ảnh 2.35. Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	93
Hình ảnh 2.36. Giao diện kết chuyển của phần mềm	95
Hình ảnh 2.37. Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	99

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài khóa luận “ Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin ”. Sau khi trải qua quá trình thực tập tại đây em thấy mình mở mang và biết thêm được nhiều kiến thức bổ ích hơn.

Đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến cô Nguyễn Thị Hà My đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp

Tiếp theo, em xin gửi lời cảm ơn đến ban lãnh đạo, toàn thể các anh chị công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin đã truyền đạt cho em những kiến thức bổ ích và những vấn đề liên quan đến bài luận của mình

Trong suốt quá trình hoàn thành bài luận tốt nghiệp, em cảm thấy mình đã được trau dồi và học hỏi rất nhiều. Từ đó, bản thân em đã có thêm nhiều kỹ năng và kiến thức giúp ích cho công việc sau này của mình. Với điều kiện hạn chế về thời gian cũng như kiến thức còn hạn hẹp nên bài của em khó tránh khỏi sai sót. Cuối cùng, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của quý thầy, cô để em có thể bổ sung, nâng cao chuyên môn của mình, phục vụ tốt cho công việc thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển, nhu cầu xây dựng các công trình dân dụng, thương mại và chung cư cao tầng không ngừng gia tăng, kéo theo sự phát triển mạnh mẽ của ngành thang máy. Đây là lĩnh vực có tính cạnh tranh cao, đòi hỏi các doanh nghiệp không chỉ chú trọng đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ mà còn phải nâng cao hiệu quả quản lý tài chính nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định và phát triển bền vững.

Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp, lắp đặt và bảo trì hệ thống thang máy. Với đặc thù kinh doanh theo hợp đồng, thời gian thực hiện kéo dài và phát sinh nhiều khoản chi phí phức tạp liên quan đến vật tư, lắp đặt, nhân công kỹ thuật; công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò rất quan trọng. Việc tổ chức tốt công tác này không chỉ đảm bảo tuân thủ nguyên tắc phù hợp trong kế toán, giúp kiểm soát tốt chi phí và quản lý doanh thu hiệu quả, mà còn là cơ sở vững chắc để Ban Giám đốc đưa ra các quyết định kinh doanh và chiến lược phát triển phù hợp.

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp, đồng thời qua quá trình thực tập tại công ty, em đã có cơ hội tìm hiểu thực tế về quy trình hạch toán tại đơn vị. Vì vậy, em quyết định chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin” làm đề tài nghiên cứu cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

Phạm vi nghiên cứu:

- Đề tài nghiên cứu được thực hiện tại Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin
- Số liệu sử dụng: chứng từ kế toán và báo cáo tài chính năm 2025.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Đọc, tìm hiểu, tham khảo các tài liệu trên web, các giáo trình do giảng viên biên soạn.

Phương pháp nghiên cứu lý luận: tham khảo các nguyên tắc, thông tư và chuẩn mực kế toán hiện hành.

Phương pháp thu thập thông tin: Thu thập số liệu tại đơn vị thực tập

Phương pháp phân tích, đánh giá: Tìm hiểu thực trạng của công ty để phân tích tình hình và đưa ra đánh giá.

4. Kết cấu đề tài

Khóa luận tốt nghiệp gồm 3 phần

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

Chương 3: Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Theo quy định tại điều 56 thông tư 133/2016/TT-BTC

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Theo quy định tại điều 59 thông tư 133/2016/TT-BTC

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Theo quy định tại điều 57 của thông tư 133/2016/TT – BTC

Bán hàng hóa: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

Theo quy định tại khoản 8,9 điều 3 của Luật Thương mại 2005 quy định

Mua bán hàng hóa là hoạt động thương mại, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận.

Cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại, theo đó một bên (sau đây gọi là bên cung ứng dịch vụ) có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho một bên khác và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ (sau đây gọi là khách hàng) có nghĩa vụ thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận.

Theo quy định tại điều 68 của thông tư 133/2016/TT-BTC

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh

bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phải đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản lý thông qua việc cung cấp các thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời giúp nhà quản lý phân tích, đánh giá và quyết định phương án kinh doanh cho mỗi doanh nghiệp.

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời khối lượng hàng hóa, thành phẩm bán ra và tiêu thụ nội bộ, tính toán đúng giá vốn hàng đã bán theo phương pháp tính giá xuất kho, chi phí bán hàng và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Phản ánh chính xác doanh thu, chi phí, doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí khác và thu nhập khác để xác định kết quả kinh doanh.
- Tính toán chính xác, kịp thời kết quả của quá trình tiêu thụ hàng hóa
- Kiểm tra giám sát tiến độ thực hiện, kế hoạch bán hàng, xác định kết quả quá

1.3. Kế toán doanh thu, bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.3.1. Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Phương thức bán hàng trực tiếp

Bán hàng trực tiếp là hình thức bán hàng mà người bán và người mua gặp trực tiếp nhau để trao đổi. Đối với hình thức này, bên mua cử đại diện đến kho hoặc các xưởng của doanh nghiệp để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất hàng giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận thanh toán, hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

Bán hàng trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, người mua thanh toán một phần theo quy định của bên bán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và chịu tỷ lệ lãi suất

nhất định. Bán hàng trả chậm, trả góp là khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao quyền sở hữu được coi là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trả tiền ngay. Khoản lãi do khách hàng trả chậm, trả góp sẽ hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

1.3.2. Hình thức thanh toán và thời điểm thanh toán

Hình thức thanh toán không dùng tiền mặt

Theo khoản 2, điều 26 Nghị định 181/2025/NĐCP

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt là chứng từ chứng minh việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán.

Theo khoản 10, điều 3 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP

Phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt (sau đây gọi là phương tiện thanh toán) là phương tiện do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, công ty tài chính được phép phát hành thẻ tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung ứng dịch vụ ví điện tử phát hành và được khách hàng sử dụng nhằm thực hiện giao dịch thanh toán, bao gồm: séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng (bao gồm: thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ trả trước), ví điện tử và các phương tiện thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Hình thức thanh toán bằng tiền mặt

Theo khoản 2, điều 3 Nghị định số 222/2013/NĐ-CP

Thanh toán bằng tiền mặt là việc tổ chức, cá nhân sử dụng tiền mặt để trực tiếp chi trả hoặc thực hiện các nghĩa vụ trả tiền khác trong các giao dịch thanh toán.

Thời điểm thanh toán trực tiếp:

Sau khi người mua nhận được hàng hóa và chấp nhận thanh toán, có thể bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản, thanh toán bằng hàng (hàng đổi hàng), ...

Thanh toán bằng tiền mặt là việc tổ chức, cá nhân dùng tiền mặt để trực tiếp chi trả hoặc thực hiện các nghĩa vụ trả tiền khác trong các giao dịch thanh toán. Theo hình thức này, việc chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa dịch vụ cho khách hàng và tiêu thụ được thực hiện đồng thời và người bán sẽ nhận được số tiền mặt tương ứng với số hàng mà mình đã bán.

Thanh toán không bằng tiền mặt: theo phương thức này người mua có thể thanh toán bằng các loại séc, trái phiếu, cổ phiếu, các loại tài sản có giá trị tương đương

Thời điểm thanh toán trả sau:

Người mua hàng hóa đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán cho doanh nghiệp (người bán). Việc thanh toán sẽ thực hiện theo điều kiện, thỏa thuận của hai bên trong quá trình kí hợp đồng.

Thời điểm thanh toán trả trước:

Người mua hàng phải thanh toán trước một phần hoặc toàn bộ giá trị tiền mua hàng cho bên bán. Sau đó bên bán mới chuyển hàng hóa cho bên mua. Nếu thanh toán trước một phần thì sau khi nhận hàng, phần tiền còn lại cần thanh toán thực hiện theo thỏa thuận của hai bên.

1.3.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.3.4. Chứng từ sử dụng

Bảng báo giá

Đơn đặt hàng

Hợp đồng kinh tế

Hóa đơn GTGT

Biên bản giao nhận hàng hóa

Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có

1.3.5. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong một kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2

Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản 5112: Doanh thu bán thành phẩm

Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 5118: Doanh thu khác

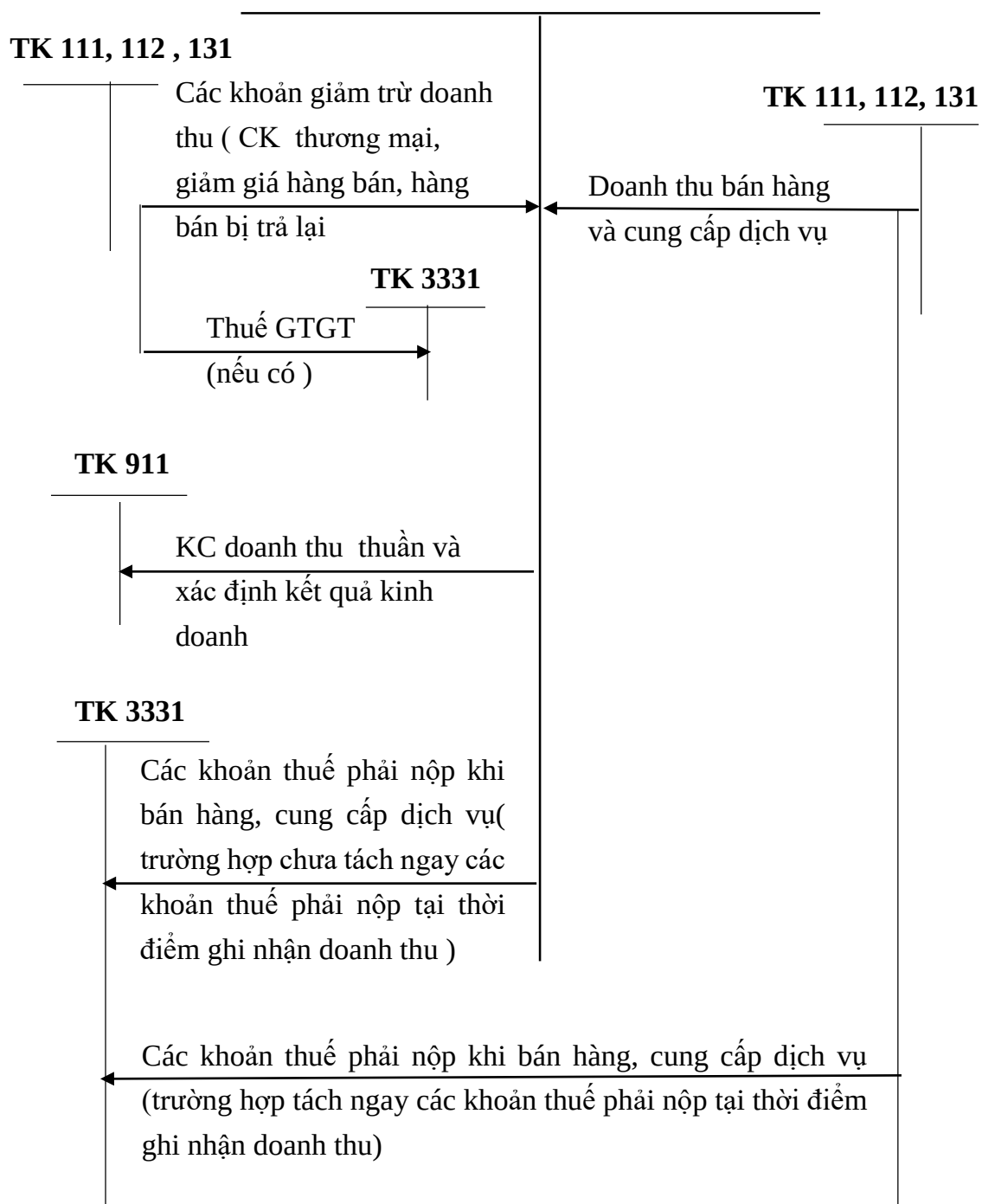
Kết cấu Tài khoản 511

NỢ	TK 511	CÓ
Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT). Các khoản giảm trừ doanh thu Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	X	Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

1.3.5. Phương pháp hạch toán

TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.1. Nội dung

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách do mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách được quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán bị trả lại là hàng bị khách hàng trả lại trả lại do nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu bị trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu bị trả lại một phần hàng), đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng trên.

1.4.2. Chứng từ sử dụng

Chiết khấu thương mại:

Văn bản chính sách về chương trình chiết khấu thương mại

Hóa đơn GTGT

Biên bản chiết khấu thương mại

Hợp đồng kinh tế

Phiếu chi

Giảm giá hàng bán:

Văn bản đề nghị giảm giá hàng bán

Hóa đơn GTGT

Biên bản giảm giá hàng bán

Hóa đơn điều chỉnh kèm bản kê.

Hàng bán bị trả lại:

Hóa đơn GTGT

Biên bản trả lại hàng bán

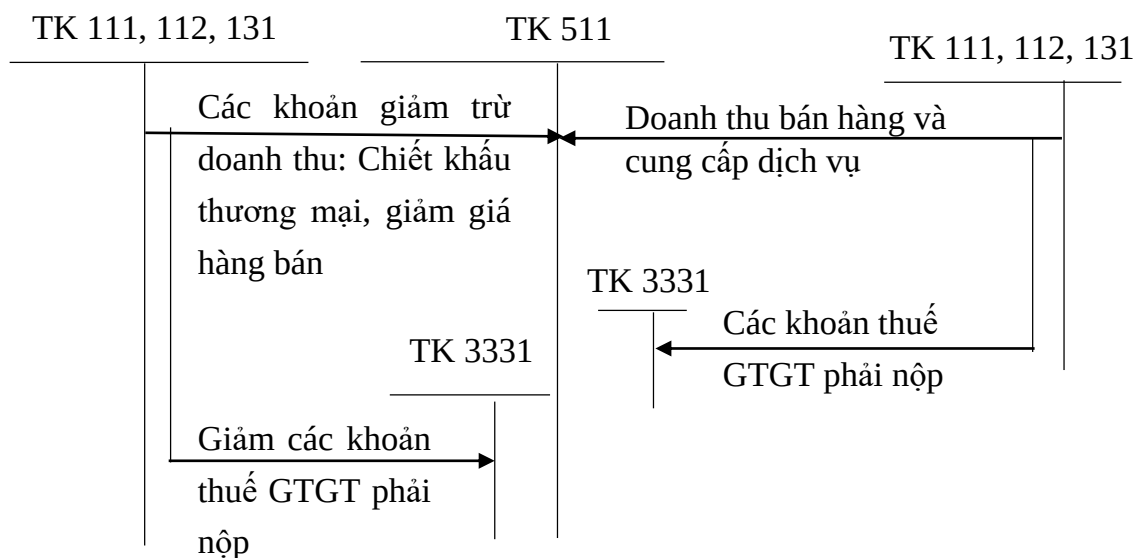
Phiếu nhập kho, phiếu chi, giấy báo nợ.

1.4.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Kế toán ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

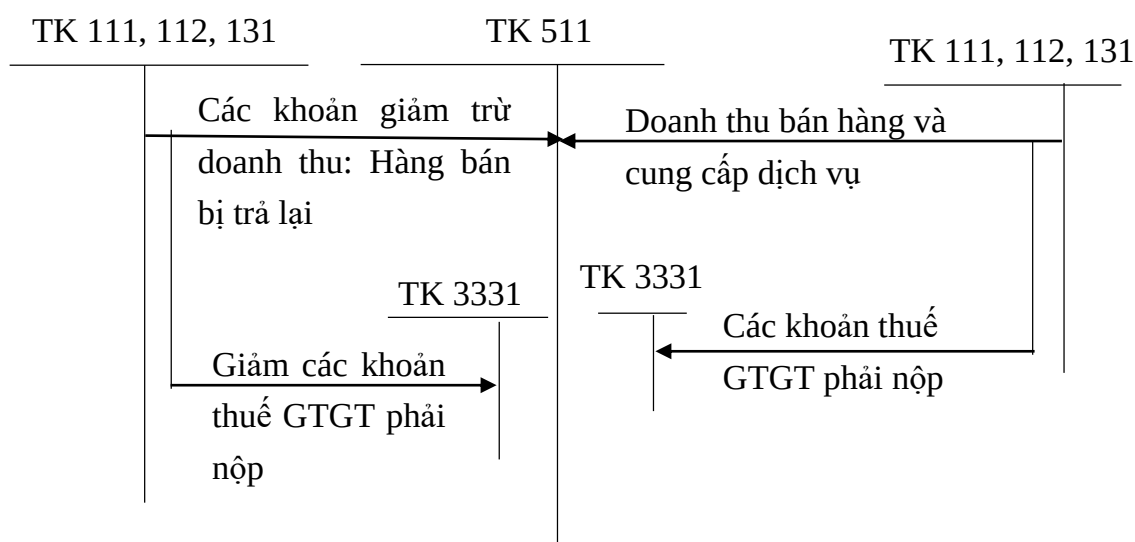
1.4.4. Phương pháp hạch toán

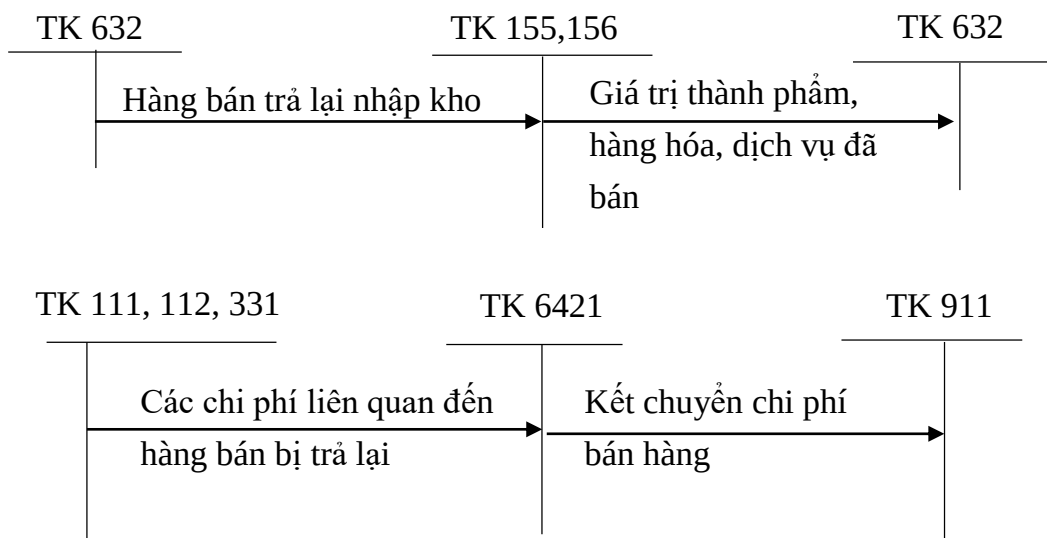
Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ hạch toán phản ánh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán

Kế toán các chi phí liên quan hàng bán bị trả lại





Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hạch toán phản ánh hàng bán bị trả lại

1.5. Kế toán giá vốn hàng bán

1.5.1. Nội dung

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

1.5.2. Các phương pháp tính giá xuất kho

Bình quân gia quyền cuối kỳ:

Phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ; nhập trong kỳ, số lượng hàng tồn trong kỳ; để tính giá đơn vị bình quân. Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ
		Số lượng hàng i tồn đầu kỳ	+	Số lượng hàng i nhập trong kỳ

$$\text{Giá thực tế mặt hàng i xuất kho} = \frac{\text{Số lượng mặt hàng i xuất dùng}}{\text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i}} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i}$$

Bình quân gia quyền mỗi lần nhập (Bình quân thời điểm)

Sau mỗi lần nhập vật tư - hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n}}{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n}}$
---	---	---

$$\text{Giá thực tế hàng i tồn kho cuối kỳ} = \text{Số lượng hàng i tồn kho cuối kỳ} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n}$$

Phương pháp tính theo giá đích danh: Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

1.5.3. Chứng từ sử dụng

Phiếu xuất kho, phiếu kế toán

Bảng tổng hợp nhập xuất tồn

1.5.4. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh giá vốn hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ kế toán, kế sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán.

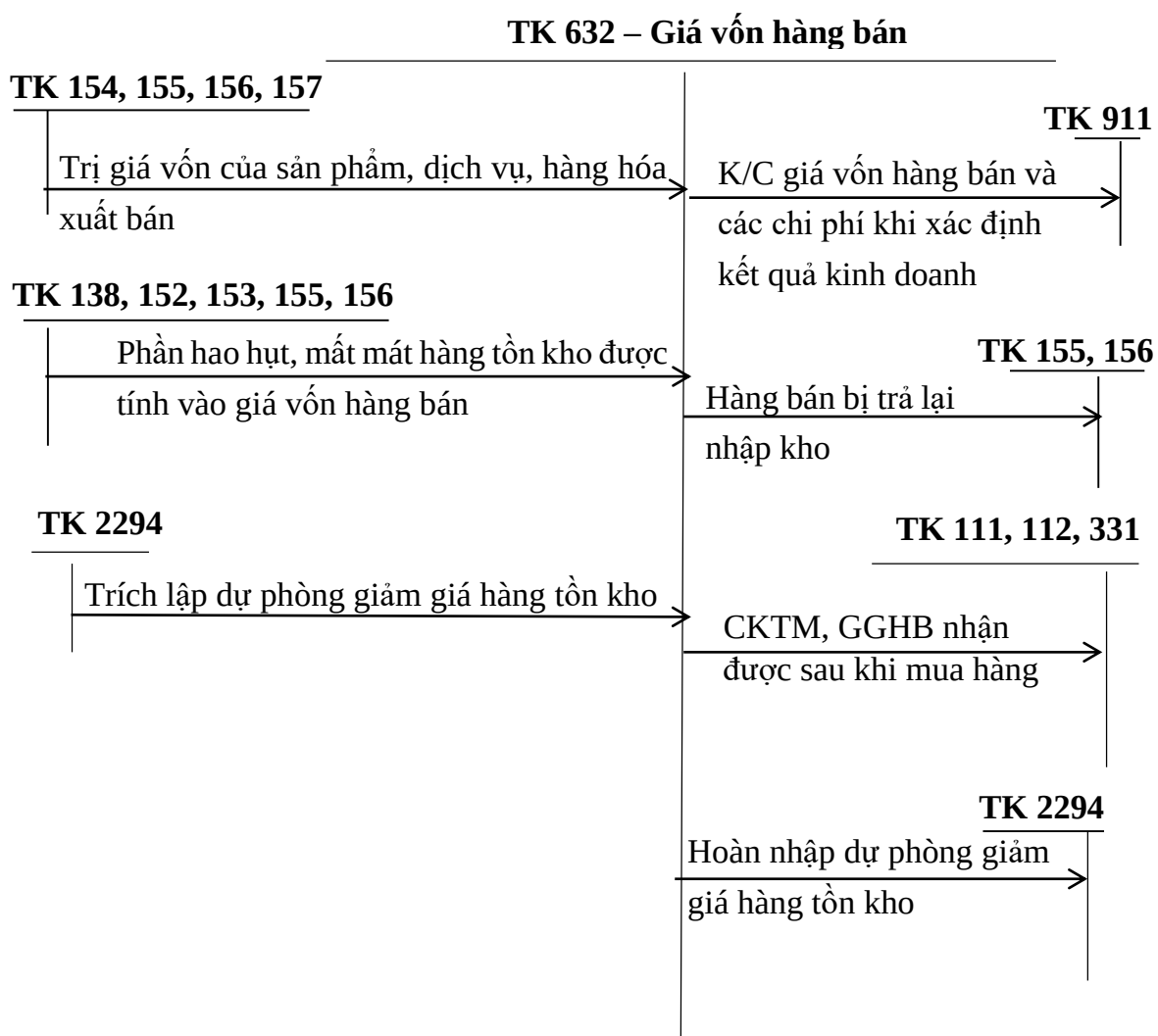
Kết cấu của TK 632

NỢ	TK 632	CÓ
Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh: Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh: Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ; Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT; Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ; Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ; Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ;	Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); Trị giá hàng bán bị trả lại; Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh); Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại; Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.	

TK 632 Không có số dư cuối kỳ

1.5.5. Phương pháp hạch toán

Phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

1.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.6.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 58 thông tư 133/2016/TT-BTC

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; lãi chuyên nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;

Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;

Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.6.2. Chứng từ sử dụng

Giấy báo có, phiếu thu

Sổ phụ ngân hàng

Phiếu kế toán

1.6.3. Tài khoản sử dụng

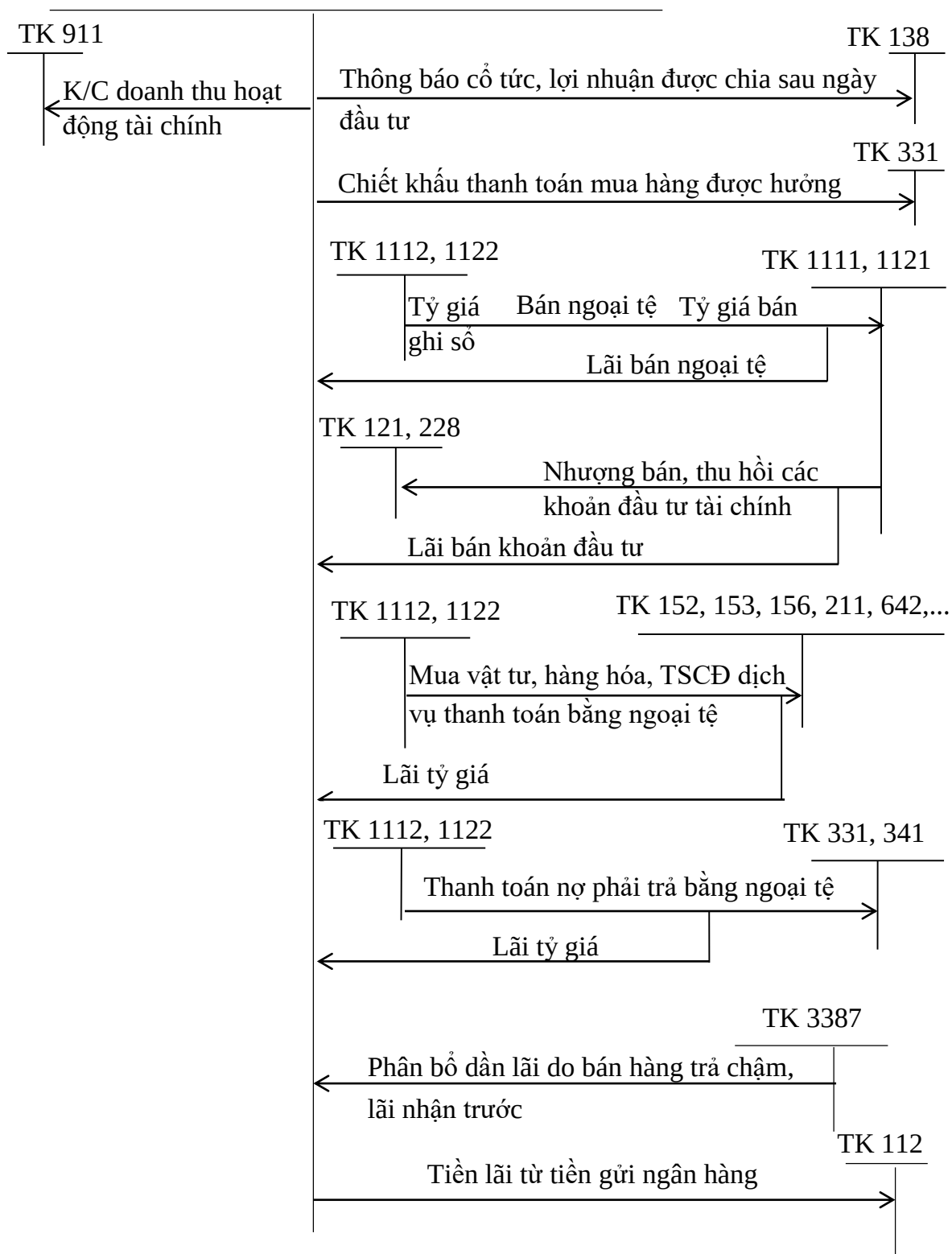
Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Kết cấu tài khoản 515

NỢ	TK 515	CÓ
Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.		Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
TK 515 không có số dư cuối kỳ		

1.6.4. Phương pháp hạch toán

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.7. Kế toán chi phí tài chính

1.7.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 63 thông tư 133/2016/TT-BTC

Chi phí tài chính bao gồm:

Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;

Chiết khấu thanh toán cho người mua;

Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; lỗ bán ngoại tệ;

Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;

Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;

Các khoản chi phí tài chính khác.

1.7.2. Chứng từ sử dụng

Ủy nhiệm chi, sổ phụ ngân hàng

Sổ phụ ngân hàng, giấy báo nợ

Bảng tính lãi

1.7.3. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh chi phí tài chính thực tế phát sinh trong một kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 635 – Chi phí tài chính.

Kết cấu tài khoản 635

NỢ**TK 635****CÓ**

Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ;

Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính

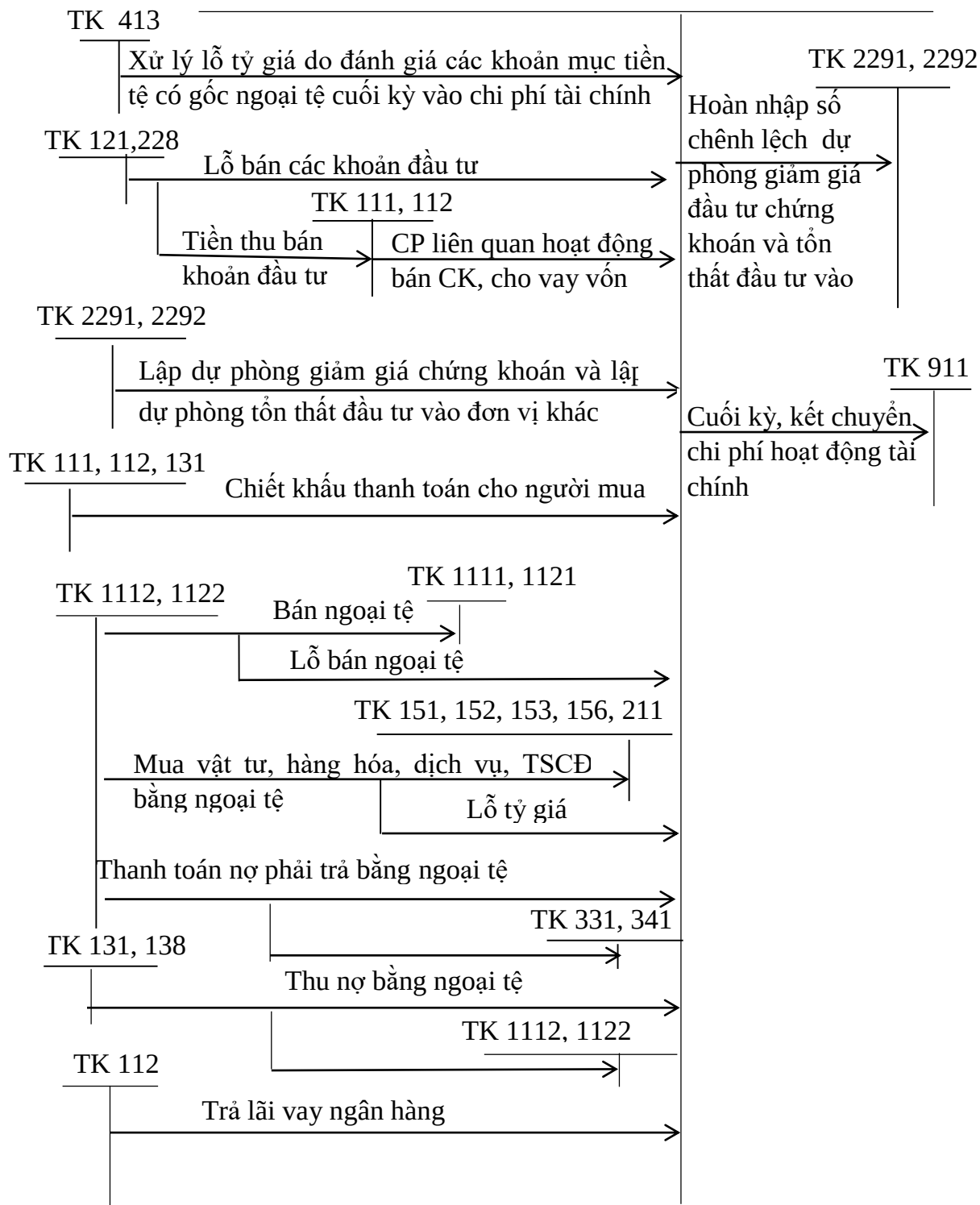
Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh



TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.7.4. Phương pháp hạch toán

TK 635 – Chi phí tài chính



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.8. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.8.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 64 của thông tư 133/2016/TT – BTC.

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

1.8.2. Chứng từ sử dụng

- Chi phí bán hàng
 - Hóa đơn GTGT
 - Bảng tính lương và các khoản trích theo lương
 - Bảng chấm công
 - Bảng thanh toán tiền lương
 - Phiếu chi, giấy báo nợ
 - Bảng khấu hao TSCĐ
 - Bảng phân bổ CCDC
 - Phiếu kế toán
 - Thông báo nộp BHYT, BHXH, BHTN

- Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Bảng tính lương và các khoản trích theo lương
 - Bảng chấm công
 - Bảng thanh toán tiền lương
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu chi, giấy báo nợ
 - Bảng tính khấu hao TSCĐ
 - Bảng phân bổ CCDC
 - Thông báo nộp BHYT, BHXH, BHTN

1.8.3. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT – BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong một kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.

TK 642 có 2 tài khoản cấp 2 như sau :

TK 6421: Chi phí bán hàng.

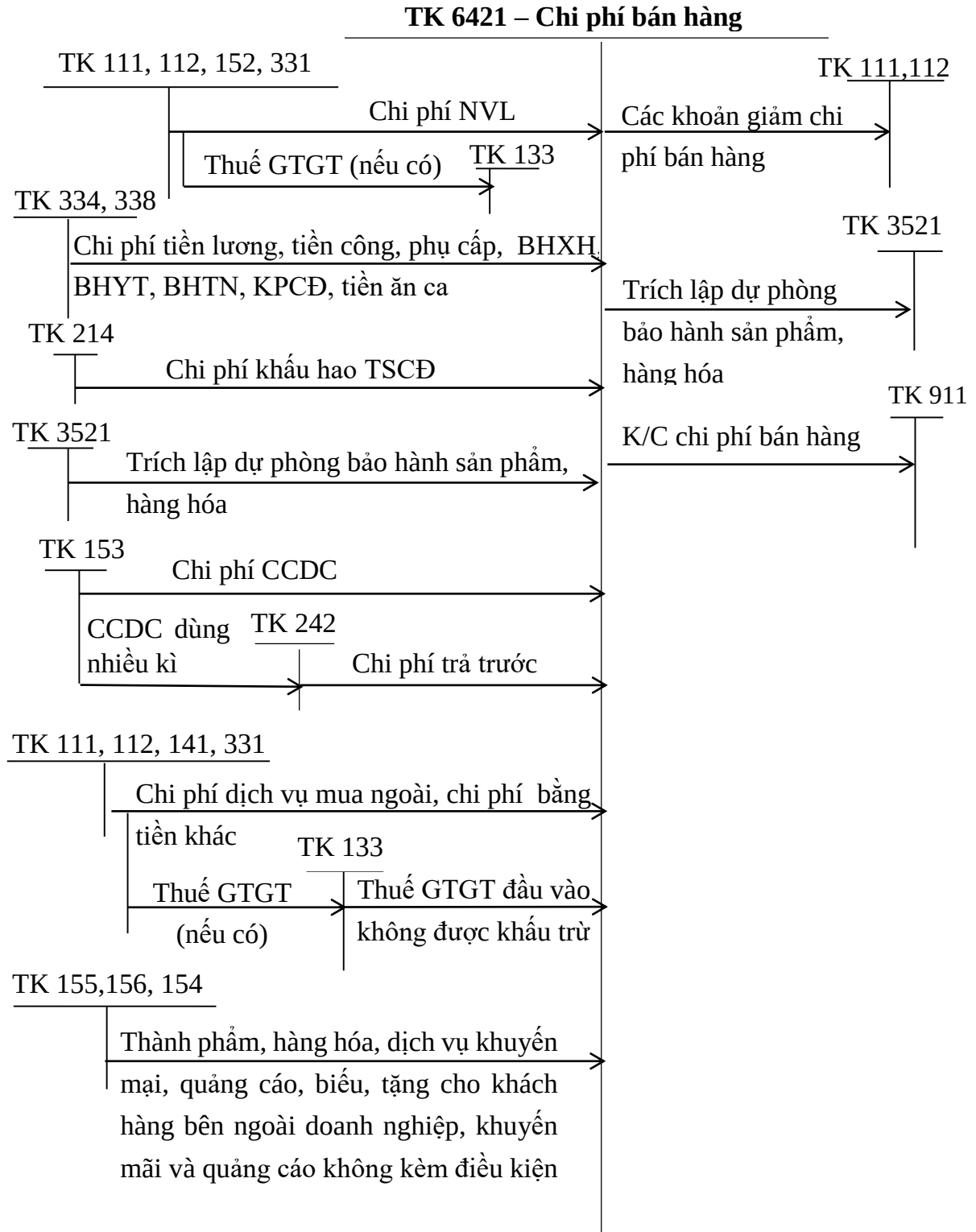
TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 642

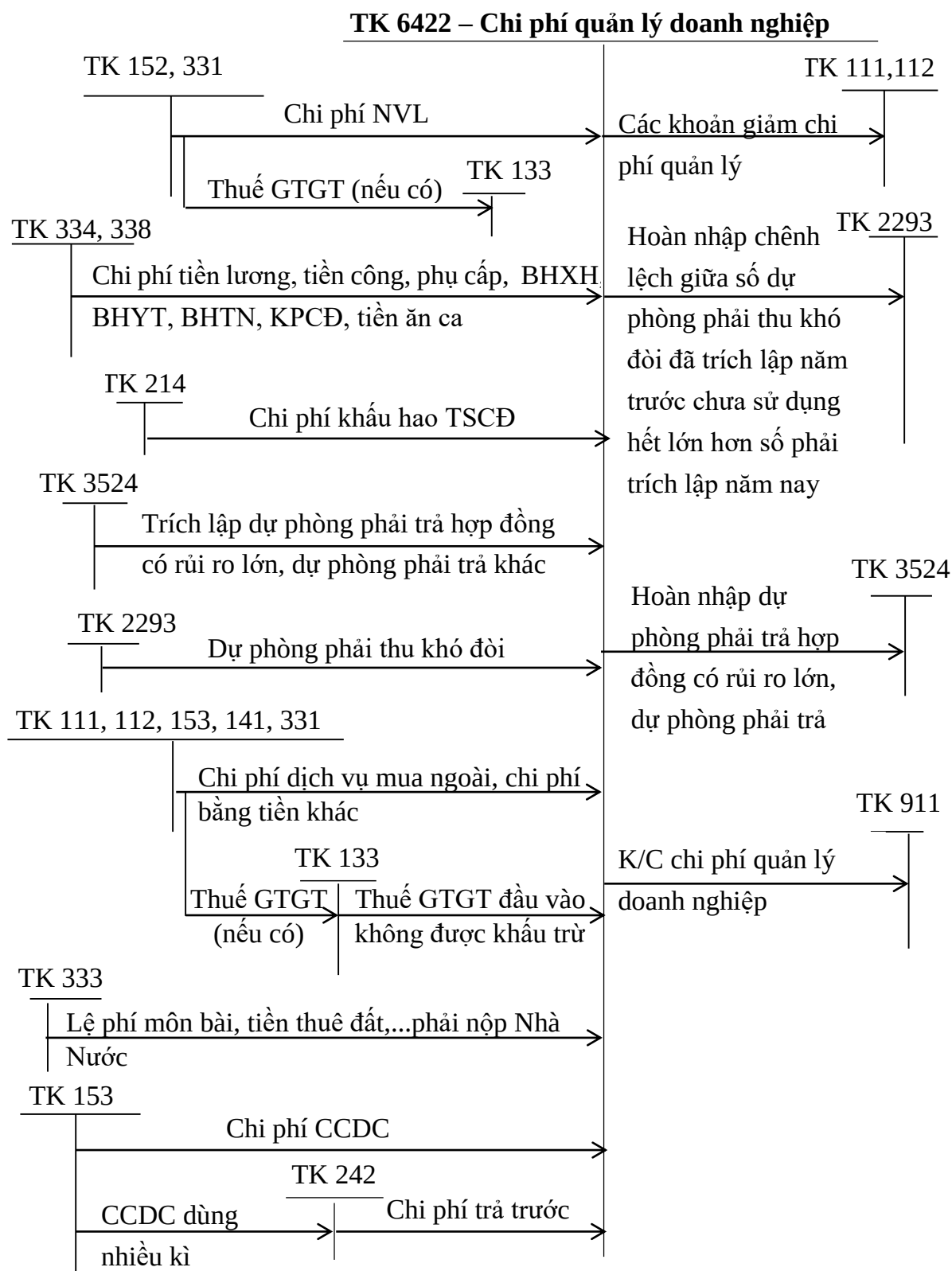
NỢ	TK 642	CÓ
Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.	Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.	
Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	
	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	

TK 642 không có số dư cuối kỳ

1.8.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.8. Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.9. Kế toán thu nhập khác

1.9.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 65 của thông tư 133/2016/TT – BTC.

Là các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;

Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;

Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;

Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);

Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;

Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);

Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;

Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);

Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;

Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;

Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.9.2. Chứng từ sử dụng

Giấy báo có

Phiếu thu

Phiếu kế toán

Biên bản vi phạm hợp đồng

Hóa đơn GTGT

Biên bản giao nhận TSCĐ

Biên bản thanh lý TSCĐ

1.9.3. Tài khoản sử dụng

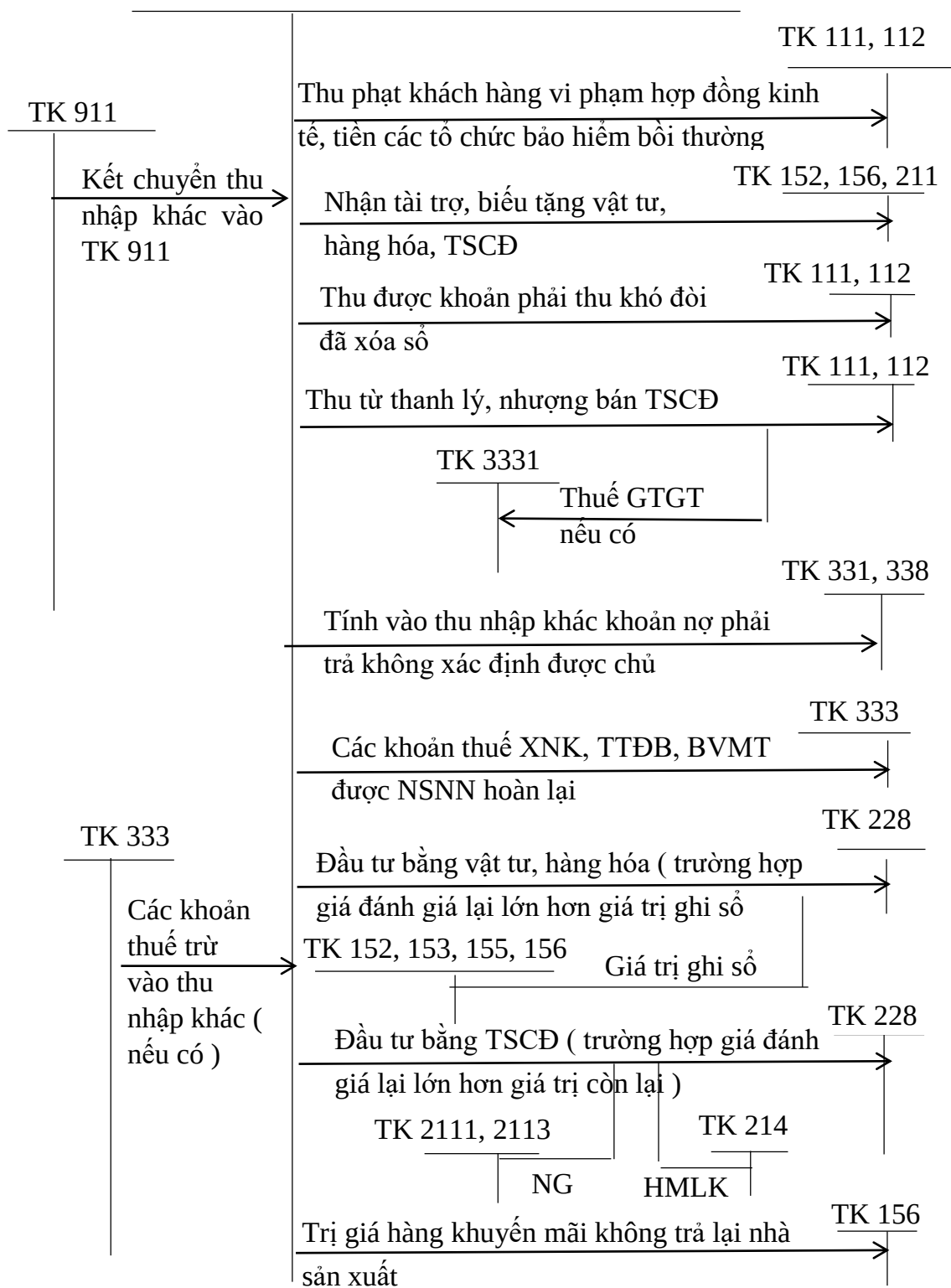
Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh các khoản thu nhập khác thực tế phát sinh trong kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 711 – Thu nhập khác.

Kết cấu TK 711

NỢ	TK 711	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
		
	TK 711 không có số dư cuối kỳ	

1.9.4. Phương pháp hạch toán

TK 711 - Thu nhập khác



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.10. Kế toán chi phí khác

1.10.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 66 của thông tư 133/2016/TT – BTC.

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;

Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;

Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;

Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác; tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính; các khoản chi phí khác.

1.10.2. Chứng từ sử dụng

Ủy nhiệm chi

Biên bản vi phạm hợp đồng

Biên bản thanh lý TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ

Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước

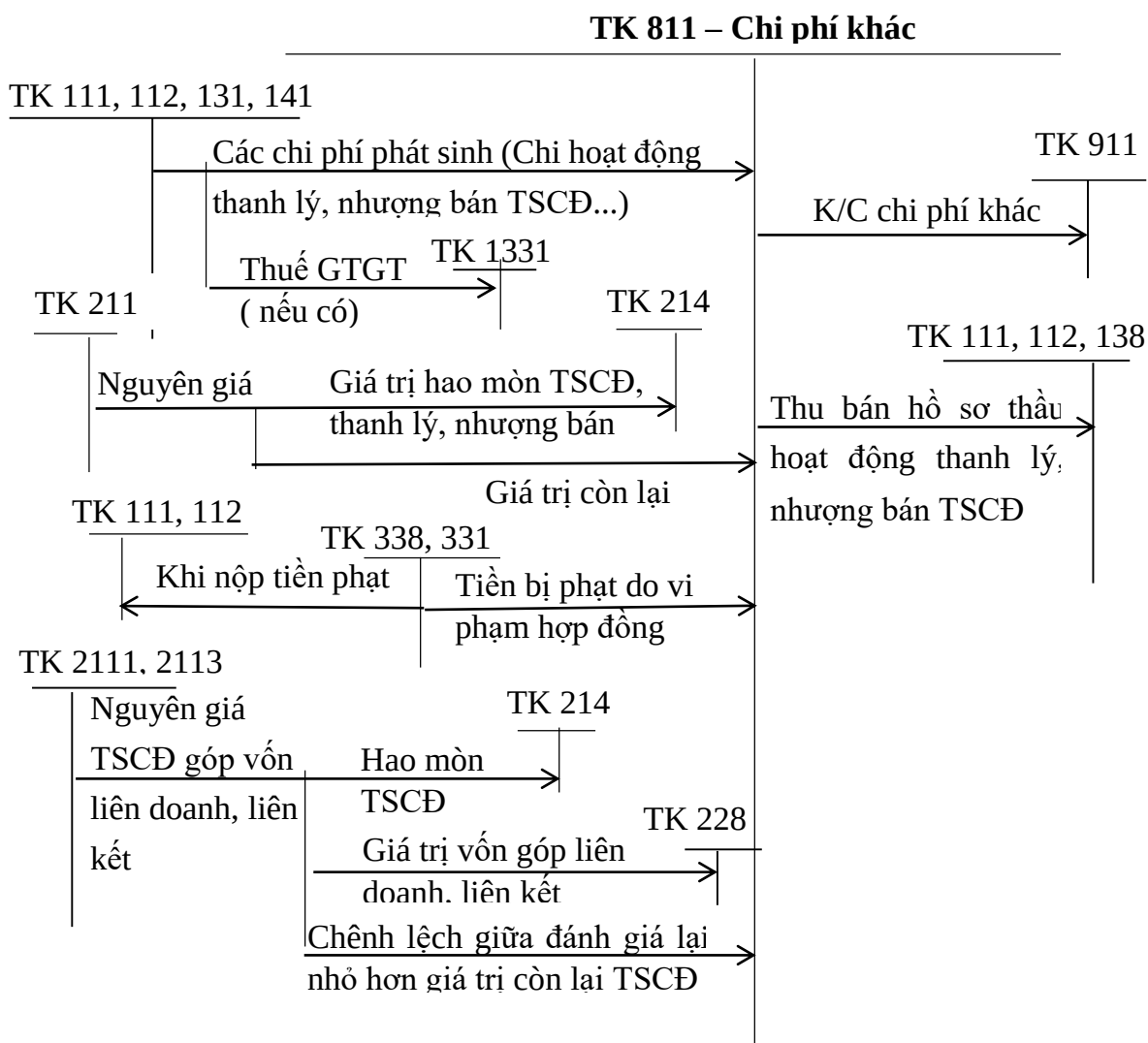
1.10.3. Tài khoản sử dụng: Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh các khoản chi phí khác thực tế phát sinh trong một kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 811 – Chi phí khác

Kết cấu tài khoản 811

NỢ	TK 811	CÓ
Các khoản chi phí khác phát sinh.	Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
		

TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.10.4 .Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.11. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.11.1. Nội dung

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

$\text{Thu nhập chịu thuế} = (\text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ}) + \text{Các khoản thu nhập khác}$

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left(\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right)$$

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left(\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ khoa học và công nghệ (nếu có)} \right) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.11.2. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán sử dụng Tài khoản 821: “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Kết cấu tài khoản 821

NỢ	TK 821	CÓ
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm; Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm; Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại; Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”. 	
	TK 821 không có số dư cuối kì	

1.11.3. Chứng từ sử dụng

Tờ khai quyết toán thuế TNDN

Phiếu chi, ủy nhiệm chi

1.11.4 .Phương pháp hạch toán

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

TK 3334		TK 334
Xác định thuế TNDN tạm nộp trong quý	→	Giảm thuế TNDN trong năm do sai sót không trọng yếu của năm trước
Nộp bổ sung thuế TNDN do sai sót không trọng yếu của năm trước	→	Giảm chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm do quyết toán thuế TNDN nhỏ hơn thuế TNDN tạm nộp
Nộp bổ sung chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm do quyết toán thuế TNDN lớn hơn thuế TNDN tạm nộp	→	K/C thuế TNDN
		TK 911

Sơ đồ 1.11. Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.12. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.12.1. Nội dung

Theo quy định tại điều 68 thông tư 133/2016/TT-BTC

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

$\text{Doanh thu thuần về BH và CCDV} = \text{Doanh thu BH và CCDV} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$
--

$\text{LN gộp về BH và CCDV} = \text{Doanh thu thuần về BH và CCDV} - \text{Giá vốn hàng bán}$
--

$$\text{LN thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{LN gộp về BH và CCDV} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Doanh thu khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Tổng LNKT trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Tổng LNKT sau thuế} = \text{Tổng LNKT trước thuế} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

1.12.2. Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính, để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán, kế toán sử dụng TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu tài khoản 911

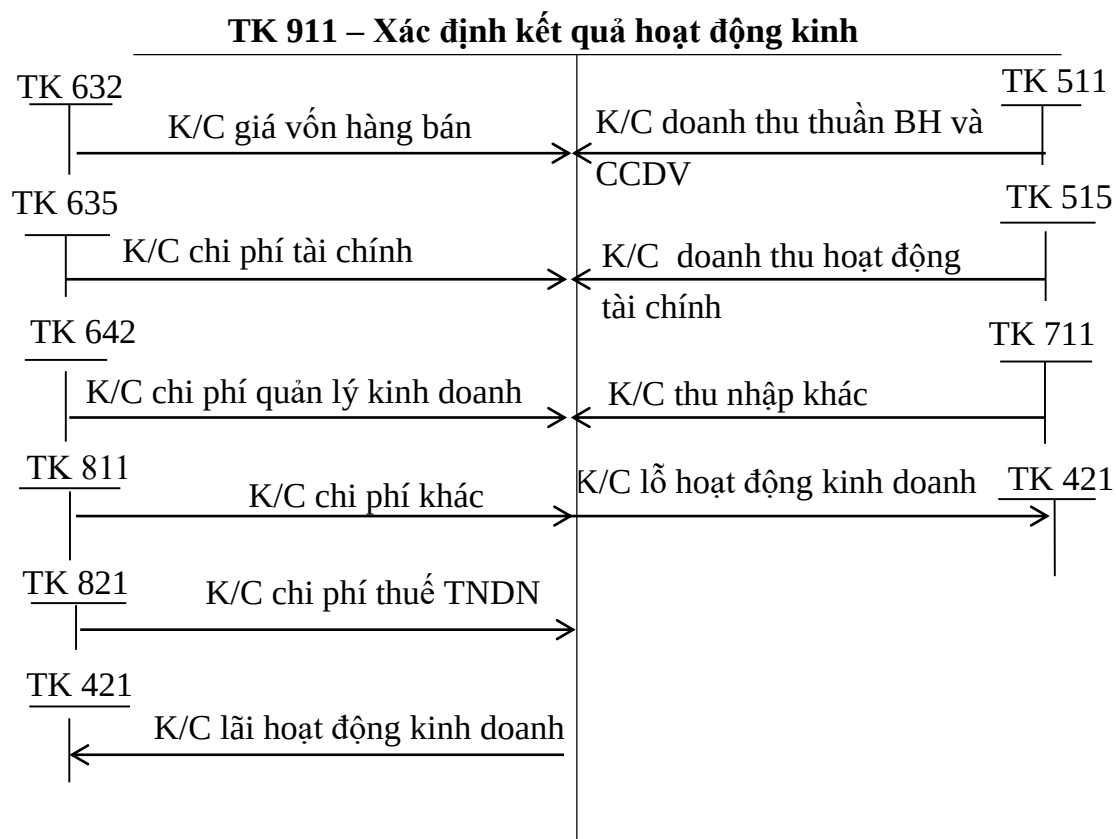
NỢ	TK 911	CÓ
Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; Kết chuyển lãi.	✕ TK 911 không có số dư cuối kỳ	Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; Kết chuyển lỗ.

1.12.3. Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

Phiếu kết chuyển

1.12.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN

2.1. Tổng quan về công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

2.1.1. Thông tin khái quát về công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

Công ty TNHH MTV Thang máy Niềm Tin là doanh nghiệp hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực cung cấp, lắp đặt, bảo trì, sửa chữa và nâng cấp hệ thống thang máy và thiết bị nâng hạ.

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

Tên tiếng anh: TRUST ELEVATOR ONE MEMBER LIMITED COMPANY

Tên viết tắt: TRUSTE CO.,LTD

Trụ sở: 263 Mẹ Thứ, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng

Mã số thuế: 0401818963



Biểu tượng của Công ty:

Hình thức sở hữu: Công ty TNHH MTV

Đăng kí doanh nghiệp:

- Đăng ký lần đầu: ngày 08 tháng 03 năm 2017

- Đăng ký thay đổi lần thứ 2: ngày 31/03/2023

Người đại diện theo pháp luật: Phan Văn Minh

Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng

Điện thoại: 02367308509

Ngày hoạt động: 08/03/2017

Quản lý bởi Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng

Mã ngành nghề chính 4329: Lắp đặt hệ thống xây dựng.



Hình ảnh 2.1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp trên cổng thông tin quốc gia

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin là quá trình thích nghi và vươn lên trong ngành công nghiệp xây lắp và dịch vụ kỹ thuật tại khu vực miền Trung, được chia thành các giai đoạn chính:

Năm 2017-2019: Giai đoạn khởi sự và tập trung chuyên môn. 08/03/2017 thành lập chính thức, công ty ra đời với mục tiêu cung cấp giải pháp thang máy an toàn, chất lượng. Đội ngũ kỹ thuật tập trung tuyển dụng và đào tạo đội ngũ kỹ sư có chuyên môn sâu, đặc biệt là kinh nghiệm làm việc với các hệ thống thang máy của các thương hiệu lớn. Xây dựng được năng lực cốt lõi về kỹ thuật và lắp đặt, đảm bảo chất lượng công trình ngay từ đầu. Mở rộng sản phẩm cung cấp chủ yếu các dòng thang máy liên doanh và nhập khẩu nguyên chiếc (thường là thang tải khách và thang máy gia đình). Thiết lập mối quan hệ đối tác với các nhà cung cấp linh kiện, thiết bị hàng đầu, đảm bảo nguồn cung và chất lượng vật tư.

Năm 2020- đến nay: Giai đoạn tăng cường năng lực và hoàn thiện quy trình cột mốc hoạt động trọng tâm ý nghĩa. Mở rộng dịch vụ bảo trì, sửa chữa 24/7. Dịch vụ này được quản lý chuyên biệt với các hợp đồng bảo trì định kỳ dài hạn. Sự mở rộng về địa

lý và quy mô dự án làm tăng số lượng giao dịch và sự đa dạng của các hợp đồng, đòi hỏi hệ thống kế toán doanh thu phải linh hoạt và chính xác hơn trong việc phân bổ doanh thu.

2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

2.1.3.1. Lĩnh vực kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính: Mã 4329 Lắp đặt hệ thống xây dựng

Ngành nghề kinh doanh:

Mã	Ngành
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì thang máy, thang cuốn, cầu thang tự động, băng chuyền, băng tải, các thiết bị nâng hạ và các loại máy móc thiết bị. Thay thế vật tư, linh kiện thang máy, thang cuốn, cầu thang tự động, băng chuyền, băng tải, các thiết bị nâng hạ và các loại máy móc thiết bị.
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội thất
4633	Buôn bán đồ uống
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện và vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện). Bán buôn thang máy, thang cuốn, cầu thang tự động.

4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ cầu thang máy, thang cuốn, cầu thang tự động.
4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ gỗ nội thất (gỗ có nguồn gốc hợp pháp)
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát xây dựng công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng. Khảo sát địa chất, địa hình công trình xây dựng. Tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, lập tổng dự toán công trình, lập quy hoạch
9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Sửa chữa tủ lạnh, lò nấu, lò nước, máy giặt, máy vắt, máy sấy quần áo, điều hòa nhiệt độ
9524	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự (không đập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở)

2.1.3.2. Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Bán hàng trực tiếp là hình thức bán hàng mà người bán và người mua gặp trực tiếp nhau để trao đổi. Đối với hình thức này, bên mua cử đại diện đến kho hoặc các xưởng của doanh nghiệp để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất hàng giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận thanh toán, hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

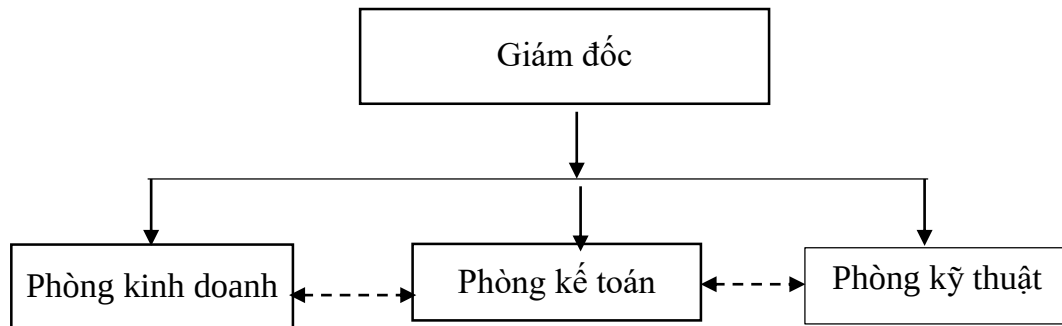
2.1.3.3. Hình thức thanh toán:

Phương thức thanh toán bằng tiền mặt

Phương thức thanh toán bằng chuyển khoản

2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

2.2.1. Sơ đồ bộ máy quản lý



Ghi chú: Quan hệ trực tiếp —————>

Quan hệ đối chiếu kiểm tra <----->

2.2.2. Chức năng từng bộ phận

- Giám đốc: Có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty. Là người có quyền lực cao nhất và có trách nhiệm chỉ đạo chung về mọi hoạt động của công ty. Đưa ra mục tiêu, hướng phát triển và chiến lược của công ty. Về mặt pháp luật, giám đốc sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của doanh nghiệp.

- Phòng kế toán: Tiến hành ghi chép, phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời. Đồng thời đáp ứng được các quy định của luật kế toán, chế độ kế toán về chứng từ và các loại sổ sách, báo cáo bằng cách cập nhật và nắm bắt các luật thuế, chính sách thuế mới ban hành. Hoạch toán kế toán kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản, vốn chủ sở hữu, nợ phải trả, các hoạt động thu chi tài chính và kết quả kinh doanh. Thu thập và xử lý thông tin tình hình tài chính một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời có chức năng trong việc lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của doanh nghiệp, phân tích các hoạt động kinh tế.

- Phòng kinh doanh: Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh và phương án kinh doanh. Thực hiện công tác điều tra, nghiên cứu thị trường mở rộng mạng lưới kinh doanh và kế hoạch khả năng tiêu thụ hàng hóa. Thực hiện xây dựng chiến lược, kế hoạch ngân sách hàng năm, kế hoạch công việc của phòng từng tháng để trình giám

độc phê duyệt. Lập chiến lược kinh doanh theo từng thời điểm kinh doanh. Bán hàng và mua hàng hóa, tạo được mối quan hệ với bạn hàng để đảm bảo cho quá trình bán hàng của công ty

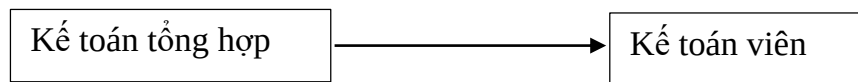
- Phòng kỹ thuật: Đảm nhiệm các công việc xây dựng, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì sửa chữa và duy trì các hệ thống, thiết bị, máy móc trong doanh nghiệp nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả như công tác lắp đặt, bảo trì thiết bị

2.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

2.3.1. Bộ máy kế toán:

Công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung tức là toàn bộ công tác kế toán trong công ty được tiến hành tập trung tại phòng kế toán của công ty nhằm đảm bảo sự thống nhất trong công tác kế toán, ở các bộ phận khác không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà mọi phát sinh đều được chuyển lên phòng kế toán công ty để xử lý và tiến hành công tác kế toán. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo sơ đồ như sau:

Sơ đồ về bộ máy kế toán của công ty



2.3.2. Chức năng từng bộ phận

Kế toán tổng hợp: Có chức năng giám sát tính chính xác của các phân hành kế toán chi tiết. Nhiệm vụ bao gồm việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ chi tiết và sổ cái, thực hiện các bút toán kết chuyển, phân bổ và trích lập dự phòng cuối kỳ để đảm bảo tính cân đối của hệ thống kế toán. Kế toán tổng hợp trực tiếp chịu trách nhiệm kê khai, lập báo cáo thuế và quyết toán thuế theo quy định pháp luật, đồng thời hoàn thiện bộ báo cáo tài chính định kỳ một cách minh bạch và kịp thời. Bên cạnh đó, vị trí này còn thực hiện chức năng tham mưu cho ban lãnh đạo thông qua việc phân tích các chỉ số tài chính, kiểm soát chi phí và dòng tiền, từ đó đề xuất các giải pháp tối ưu hóa nguồn lực và đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững của doanh nghiệp.

Kế toán viên: Nhiệm vụ trọng tâm của kế toán viên bao gồm việc thu thập, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và hợp pháp của chứng từ gốc và thực hiện hạch toán chính xác vào sổ sách. Bên cạnh đó, kế toán viên trực tiếp theo dõi biến động các luồng tiền, quản lý chi tiết công nợ phải thu, phải trả, và giám sát tình hình nhập – xuất – tồn kho hàng hóa cùng tài sản cố định để ngăn ngừa thất thoát. Định kỳ, kế toán viên có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm kê, đối soát số liệu thực tế, đồng thời tổng hợp các báo cáo chi tiết để cung cấp thông tin kịp thời cho kế toán trưởng và ban lãnh đạo.

2.3.3. Chế độ kế toán và chính sách kế toán tại công ty

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin áp dụng chế độ kế toán được ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC được bộ tài chính ban hành ngày 28/06/2016, có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Niên độ của kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán: Năm

Đơn vị tiền sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

Hệ thống tài khoản kế toán hiện hành tại Việt Nam theo thông tư 133/2016/TT-BTC của bộ tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.

Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền theo thời điểm

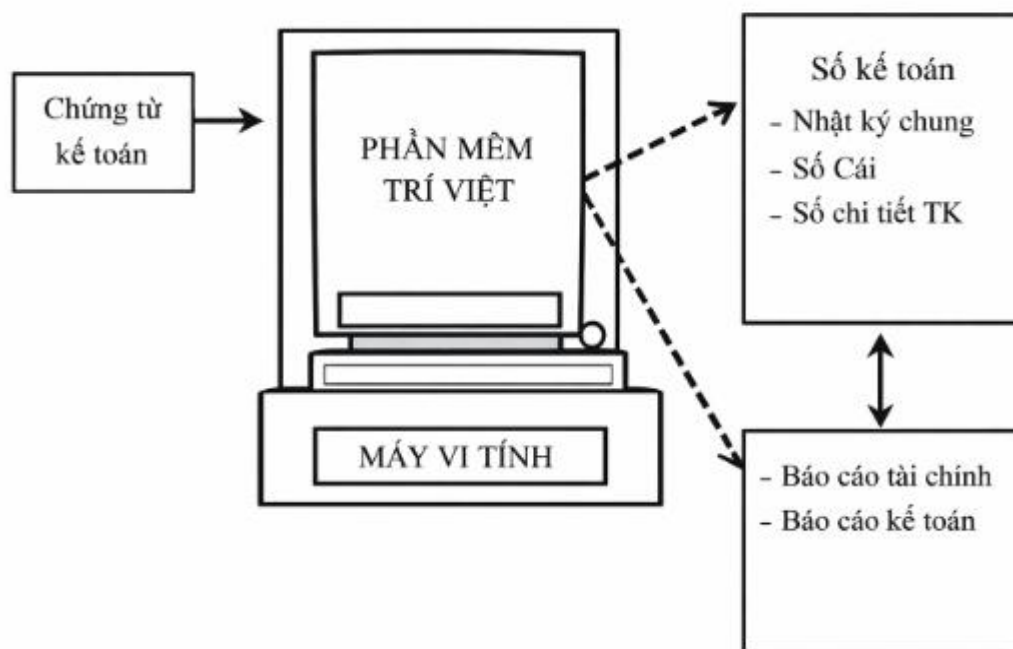
Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính khấu hao: Theo phương pháp đường thẳng.

Phương pháp tính thuế GTGT: Thuế GTGT được tính theo phương pháp khấu trừ.

2.3.4. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty

Công ty hiện đang áp dụng hình thức Nhật ký chung trên phần mềm kế toán Trí Việt.



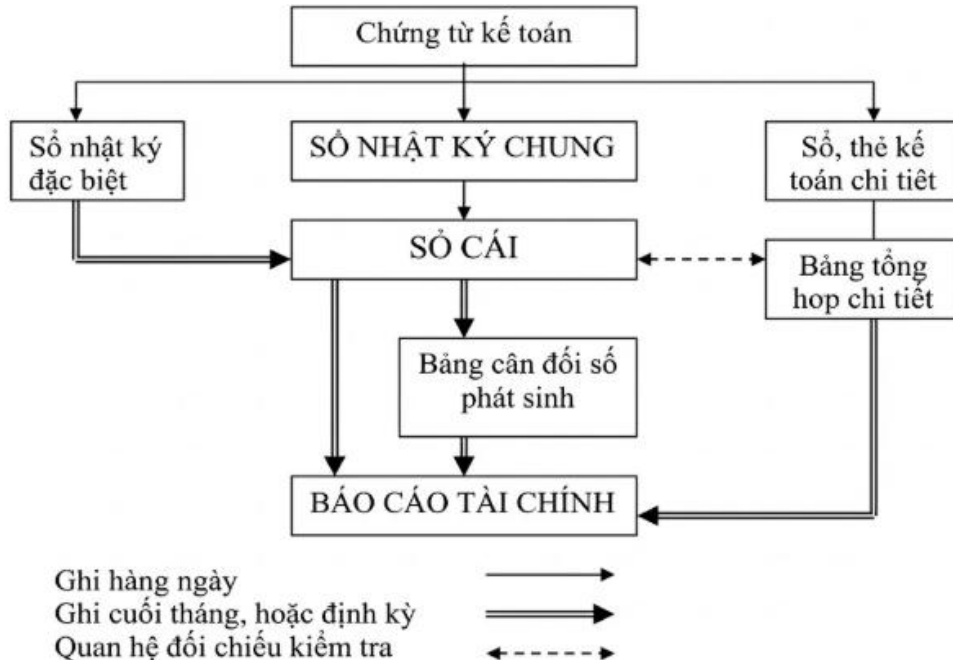
Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung trên phần mềm kế toán

Hàng ngày kế toán căn cứ chứng từ đã được kiểm tra hợp lý, hợp lệ, hợp pháp. Kế toán xác định tài khoản ghi Nợ và Có các nghiệp vụ và tiến hành nhập vào phần mềm Trí Việt.

Phần mềm sẽ tự động xử lý và cập nhật dữ liệu được kế toán nhập vào các sổ liên quan như sổ tổng hợp (Sổ nhật ký chung, sổ cái) và các sổ chi tiết (Sổ quỹ tiền mặt, sổ chi tiết công nợ phải thu, phải trả và một số loại sổ chi tiết khác).

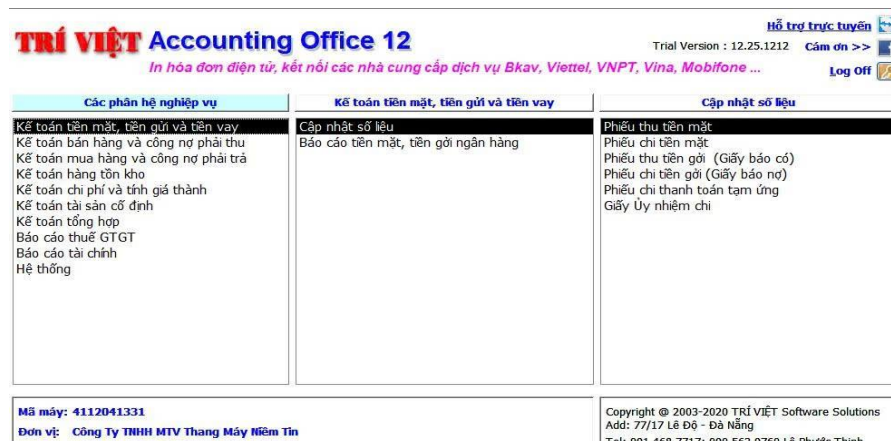
Cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện việc khóa sổ, kết chuyển và lập báo cáo tài chính. Sau khi tiến hành kiểm tra và chỉnh sửa báo cáo tài chính và sổ kế toán liên quan, kế toán in đóng tập và lưu trữ chứng từ.

Trình tự ghi sổ kế toán:



2.3.5. Phần mềm kế toán tại công ty

Để công việc có thể nhanh chóng hoàn thiện hơn, công ty đã sử dụng phần mềm Trí Việt để hỗ trợ kế toán trong công việc.



Hình ảnh 2.2. Giao diện phần mềm Trí Việt

Các phân hệ của phần mềm: Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay; kế toán bán hàng và công nợ phải thu; kế toán mua hàng và công nợ phải trả; kế toán hàng tồn kho; kế toán tài sản cố định; kế toán tổng hợp; báo cáo thuế GTGT; báo cáo tài chính; hệ thống.

2.4. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.4.1. Nội dung

Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin chuyên kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp, lắp đặt, bảo trì và sửa chữa các hệ thống thang máy và linh kiện phụ tùng chính hãng. Với định hướng mang lại sự an toàn và bền vững cho mọi công trình, doanh thu của công ty được hình thành từ hai mảng cốt lõi:

Doanh thu bán hàng hóa cụ thể như: Bình ắc quy, biến tần, quạt lồng sóc, quạt hút trong carbin, hộp nhót vuông, cáp thép, công tắc cảm biến, switch từ bộ truyền cửa, bánh xe đầu cửa tần phi,...

Doanh thu dịch vụ bảo trì, sửa chữa: Ngoài việc bán thiết bị công ty còn tập trung vào dịch vụ bảo trì, sửa chữa. Doanh thu từ các hợp đồng bảo trì định kỳ và thay thế linh kiện chính hãng giúp duy trì dòng tiền ổn định, khẳng định cam kết đồng hành lâu dài cùng khách hàng.

2.4.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản chi tiết 5111: Doanh thu bán hàng

Tài khoản chi tiết 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

2.4.3. Chứng từ sử dụng và sổ sách sử dụng

a. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn giá trị gia tăng

Phiếu thu, phiếu kế toán

b. Sổ sách sử dụng

Sổ cái tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Sổ chi tiết tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa

Sổ chi tiết tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

2.4.4. Quy trình ghi sổ

Ngày 27/05/2025 Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin bán cho Công ty TNHH Đại Phát Hội An quạt lồng sóc với số lượng 1 cái. Giá trị hóa đơn là 1.100.000 (giá chưa thuế) Thuế GTGT 8%. Khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Bộ chứng từ gồm hóa đơn GTGT, phiếu kế toán

Mã cơ quan thuế: 009E3ECBDE901B4BCFB68AEE71B886B877

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial No): 1C25TNT
Số (No.): 47

Ngày (date) 27 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN
Mã số thuế (Tax code): 0401818963
Địa chỉ (Address): 08 Nguyễn Quang Diệu, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 0932538509
Số tài khoản (A/C No): 111678599999 Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sông Hàn Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐẠI PHÁT HỘI AN
Địa chỉ (Address): Lô 02 - 86 Trần Hưng Đạo, Phường Cẩm Phô, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Mã số thuế (Tax code): 4001066240
Mã đơn vị quan hệ ngân sách (Budget unit code):
Căn cước công dân (Citizen ID):
Số điện thoại (Tel):
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Quạt lồng sóc	Cái	1	1.100.000	1.100.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.100.000
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%					
Tiền thuế GTGT (VAT amount):					88.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					1.188.000
Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng					
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign & Fullname)			Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ tên) (Sign & Fullname)		
			Signature valid Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN Ngày ký: 27/05/2025		
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: http://tracuu.vin-hoadon.com Mã số tra cứu: 20ZTE6LP0YVW Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901 Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp					

Hình ảnh 2.3. Hóa đơn GTGT ngày 27/05/2025

Bước 1: Kế toán dựa vào đơn đặt hàng lập và xuất hóa đơn GTGT gửi cho khách hàng

Bước 2: Kế toán tiến hành nhập hóa đơn vào phần mềm Trí Việt

Trình tự nhập số liệu như sau: Vào kế toán bán hàng và công nợ phải thu => Cập nhật số liệu => Hoá đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho => Nhập số liệu vào phần mềm. Sau đó phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 131, 511, sổ chi tiết 5111, 33311. Phần mềm Trí Việt sẽ hiện ra như sau:

Bấm vào thêm trên phần mềm để nhập dữ liệu mới

Ngày chứng từ 27/05/2025

Số chứng từ: Phần mềm tự động cập nhật số mỗi lần nhập kế tiếp

Đối tượng: Công ty TNHH Đại Phát Hội An

Diễn giải: Bán hàng hóa đơn 47

Hoá Đơn Bán Hàng Kiêm Phiếu Xuất Kho : 25-05-529-47753 (F10 xem nhanh hàng tồn kho)

Hoá Đơn Bán Hàng Kiêm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng: 131-DP240 Công Ty TNHH Đại Phát Hội An Ngày CT: 27/05/2025 Số CT: 0000047 Hạn t.toán: 0
Họ tên n. mua: Công Ty TNHH Đại Phát Hội An Phương thức TT: PT giao hàng
Lý do chứng từ: Bán hàng theo HĐ 47 Chọn giá bán: 1. Giá chung
Địa chỉ: Lô 2-86 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam Nhân viên Order: Đ. chỉ giao hàng

Chi tiết chứng từ ☐ Hóa đơn có giá ☐ Chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	K.mãi	Giá vốn	Tiền vốn	TK Nợ	TK Có	TK Nợ (gv)	TK Có (kho)	Diễn giải bút toán	Mã v
VT_111	Quạt lồng sóc	☐	300.000	300.000	131	5111	632	152	Bán hàng theo HĐ 47	

Record: 1 of 1

Ký hiệu	Seri HD	Ngày hoá đơn	VAT	Tiền hàng	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở
C25TNT	00000047	27/05/2025	8%	1.100.000	88.000		Công Ty TNHH Đại

Tính VAT Thuế - Ghi Nợ 131 Ghi Có 33311 Vụ việc

Hàng hóa: VT_111 / tồn (kho CHÍNH): 1,00; Chưa thanh toán

[Khóa sổ / Mở sổ](#) [Phiếu thu](#) [Thẻ kho](#) [Khoá DL](#) [Thêm](#) [Xoá](#) [In hoá đơn](#) [Phiếu xuất](#) [Phiếu g.hàng](#) [Phiếu KT](#) [Quay ra](#)

Hình ảnh 2.4. Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT ngày 27/05/2025

Sau khi nhập đầy đủ thông tin bấm quay ra phần mềm tự động lưu và cập nhật vào các sổ nhật ký chung trang 51, sổ cái 511, 131, sổ chi tiết 5111, 33311

Bước 3: Tiến hành in phiếu kế toán => Kết xuất => Mẫu in. Kế toán in phiếu kế toán vừa lập

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

PHIẾU KẾ TOÁN

Số CT: 0000047

Ngày 27 tháng 05 năm 2025

CT gốc:

Tên đối tượng: Công Ty TNHH Đại Phát Hội An
Địa chỉ: Lô 2-86 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam
Lý do: Bán hàng theo HĐ 47

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Số tiền
1	Bán hàng theo HĐ 47	131	5111	1.100.000
2	Thuế GTGT đầu ra	131	33311	88.000
	Tổng cộng			1.188.000

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Phan Văn Minh

Hình ảnh 2.5. Phiếu kế toán ngày 27/05/2025

Thao tác xem sổ

Bước 1: Chọn kế toán tổng hợp => Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung => Sổ nhật ký chung => Chọn muốn xem hoặc in

Bước 2: Bấm chọn ngày tháng năm muốn xem => Xem trước

Bước 3: Chọn kế toán tổng hợp => Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung => Sổ cái => Chọn muốn xem hoặc in

Bước 4: Sổ chi tiết tài khoản 5111.

Để xem được sổ chi tiết tài khoản 5111 ta chọn kế toán tổng hợp ở phía trên thanh công cụ, sau đó kích chọn => Sổ chi tiết tài khoản => Chọn ngày => Sổ chi tiết tài khoản 5111 => Sau đó phần mềm sẽ tự động xuất giao diện sổ

Ngày 30/09/2025 Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin cung cấp dịch vụ bảo trì thang máy cho Công ty TNHH Đầu Tư Huy Phát. Giá trị hóa đơn là 2.800.000 (giá chưa thuế) Thuế GTGT 8%. Khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Bộ chứng từ sẽ gồm có hợp đồng, hóa đơn GTGT, phiếu kế toán

Mã cơ quan thuế: 002ARCF1A5DEBA4DF69BD5E2BF11C6863

TrustE

Công nhận tín phát triển

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial No): 1C25TNT

Số (No.): 170

Ngày (date) 30 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN

Mã số thuế (Tax code): 0401818963

Địa chỉ (Address): 08 Nguyễn Quang Diệu, Phường Hoà Xuân, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02367308509

Số tài khoản (AC No): 111678599999 Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sông Hàn Đà Nẵng

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ HUY PHÁT

Địa chỉ (Address): 02 Thợ Ngọc Hầu, Phường Hội An, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 4000465281

Mã đơn vị quản hệ ngân sách (Budget unit code):

Cán cước công dân (Citizen ID):

Số điện thoại (Tel):

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản (AC No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Bảo trì thang máy tháng 09/2025 theo Hợp đồng số 2241-TT.25/HDBT tại Khách sạn Little Oasis - 215 Lê Thánh Tông, phường Hội An Đông, thành phố Đà Nẵng	Thang	4	700.000	2.800.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					2.800.000
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 224.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					3.024.000
Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng					

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN

Ngày ký: 30 / 09 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Trà cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracu.vin-hoan.com> Mã số tra cứu: 2P76QRYWXC9L

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Vietnam, MST: 0401436901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHÚ KỶ SỎ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Vietnam Corp

Quy trình ghi sổ của tài khoản 5113 xem ở phụ lục 01

Hình ảnh 2.7. Giao diện hạch toán hóa đơn GTGT ngày 30/09/2025

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN

28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo TT
số 133/2016/TT-

BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)

Chứng từ		Mã KH	Khách hàng	Diễn giải	TK	SỐ TIỀN	
Ngày	Số CT					Nợ	Có
...	...			...	...	...	...
27/05	0000047	131- DP240	Công Ty TNHH Đại Phát Hội An	Bán hàng theo HĐ 47	131		1.100.000
...	...			...	...	...	...
31/05	KC- 000002			KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	1.100.000	
...	...			...	...	...	...
09/06	0000062	131- TP 572	Công Ty TNHH Đầu Tư Vạn Toàn Phát	Bán hàng theo HĐ 62	131		6.000.000
28/08	0000138	131- TP572	Công Ty TNHH Đầu Tư Vạn Toàn Phát	Bán hàng theo HĐ 138	131		3.200.000
...	...			...	...	...	...
06/12	0000245	KH_4 2	Phạm Minh Tuấn	Bán hàng theo HĐ 245	131		1.833.334
31/12	KC- 000003			KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	63.983.334	
				Tổng cộng phát sinh			
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		256.227.778	256.227.778
				Số dư cuối kỳ		256.227.778	256.227.778
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2025. Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)			

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN**28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ****SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN****Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025****Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ****Mẫu số: S03a-DNN**

(Ban hành theo TT

số 133/2016/TT-

BTC ngày 26/8/2016

của Bộ Tài chính)

Chứng từ		Mã KH	Khách hàng	Diễn giải	TK	Số phát sinh	
Ngày	Số CT					Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
31/05	58	131-DP240	Công Ty TNHH Đại Phát Hội An	Bảo trì thang máy HĐ 58	131		4.200.000
...	...			...	...	...	...
23/06	69	131-RM265	Công Ty Cổ Phần Khách Sạn Rosemary	Bảo trì thang máy HĐ 69	131		1.200.000
...	...	...	...	...	...	...	...
30/09	170	131-HP281	Công Ty TNHH Đầu Tư Huy Phát	Cung cấp dịch vụ HĐ 170	131		2.800.000
...	...			...	...	...	...
31/12	0000284	131-DT248	Công Ty Cổ Phần Thương Mại và Dịch Vụ Đình Tấn	Bán hàng theo HĐ 284	131		600.000
31/12	KC-000004			KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	911	1.763.738.888	
				Tổng cộng phát sinh			
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		4.453.133.329	4.453.133.329
				Số dư cuối kỳ		4.453.133.329	4.453.133.329

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025.
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN

28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo TT số

133/2016/TT-BTC ngày

26/8/2016 của Bộ Tài

chính)

NGÀY Y GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi số cái	TK ĐƯ	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY Y CT				NỢ	CÓ
...	...	...	...		...	...	...
01/01	THUE	01/01	Thuế môn bài				
			Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	X	3339	2.000.000	
			Thuế, phí, lệ phí	X	6422 4		2.000.000
...	...	...	...		...	...	...
31/01	KC- 000007	31/01	KC chi phí thuế phí lệ phí				
			Thuế, phí, lệ phí	X	6422 4	0	2.000.000
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	2.000.000	0
...	...	...	...	...	...	...	...
28/04	0000091	28/04	Thuế nộp chậm		1121 3		
			Ngân hàng Vietinbank (số TK 111678599999)	X	8118		8.000
			Chi phí khác bị loại trừ	X	1331	8.000	
...	...	...	...		...	...	...
27/05	0000047	27/05	Bán hàng theo HĐ 47				
			Phải thu của khách hàng	X	131	1.188.000	
			Nguyên liệu, vật liệu	X	152		300.000

			Thuế GTGT đầu ra	X	3331 1		88.000
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111		1.100.000
			Giá vốn hàng bán	X	632	300.000	
...	...	...	...		...	...	...
05/06	95	05/06	Phí ngân hàng				
			Ngân hàng Vietinbank (số TK 111678599999)	X	1121 3		73.480
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	6.680	
			Phí ngân hàng	X	6422 5	66.800	
...	...	...	...		...	...	...
30/09	170	30/09	Cung cấp dịch vụ HĐ 170				
			Phải thu của khách hàng	X	131	3.024.000	
			Thuế GTGT đầu ra	X	3331 1		224.000
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	X	5113		2.800.000
...	...	...	...		...	...	...
30/09	LUONG	30/09	Trích lương, ăn ca vào phí				
			Chi phí nhân công trực tiếp	X	1542	46.600.000	
			Phải trả người lao động	X	334		110.975.000
			Chi phí nhân viên quản lý	X	6422 1	64.375.000	
30/09	PB	30/09	Trích KHTSCD vào phí				
			Chi phí sản xuất chung	X	1543	6.881.756	

			Hao mòn TSCĐ hữu hình	X	2141		37.759.646
			Chi phí trả trước ngắn hạn	X	2421		6.881.756
			Chi phí trả trước dài hạn	X	2422		5.809.681
			Phân bổ, khấu hao	X	6422 6	43.569.327	
02/10	5328	02/10	Mua nước Thạch Bích HD 5328				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	35.556	
			Phải trả cho người bán	X	331		480.000
			Chi phí điện, nước, điện thoại	X	6422 3	444.444	
...	...	...	...	X	...	...	...
11/10	6565	11/10	Cung cấp thang máy HD 6565				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	20.043.259	
			Chi phí vật tư	X	1541 1	250.540.741	
			Phải trả cho người bán	X	331		270.584.000
...	...	...	...	...	...	...	...
27/10	0000022	27/10	Trả lãi				
			Ngân hàng Vietinbank (số TK 111678599999)	X	1121 3		762.740
			Chi phí tài chính	X	635	762.740	
...	...	...	...	...	...	...	...
30/11	3008171	30/11	Cước vận chuyển HD 3008171				

			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	6.482	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	87.501
			Chi phí bằng tiền khác	X	6422 7	81.019	0
...	...	...	...	...	...	...	...
27/12	0000157	27/12	Văn phòng phẩm HĐ 157				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	33.333	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	450.000
			Chi phí văn phòng phẩm	X	6422 2	416.667	0
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	0000064	31/12	Tra lại tại khoản DDA				
			Ngân hàng Vietinbank (số TK 111678599999)	X	1121 3	10.083	
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515		10.083
...	...	...		...		...	...
31/12	TT	31/12	Tiền thuế GTGT đầu ra đã tất toán				
			Thuế GTGT đầu ra	X	3331 1	779.000	
			Thu nhập khác	X	711		779.000
...	...	...		...		...	...
31/12	KC-000001	31/12	KC chi phí tài chính				
			Chi phí tài chính	X	635		40.415.837
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	40.415.837	

31/12	KC-000002	31/12	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD				
			Thu nhập khác	X	711	779.000	
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911		779.000
31/12	KC-000003	31/12	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD				
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	63.983.334	
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911		63.983.334
31/12	KC-000004	31/12	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD				
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	X	5113	1.763.738.888	
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911		1.763.738.888
31/12	KC-000005	31/12	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD				
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	11.484	
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911		11.484
31/12	KC-000006	31/12	KC Giá vốn vào KQ SXKD				
			Giá vốn hàng bán	X	632		873.002.259
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	873.002.259	
31/12	KC-000007	31/12	KC chi phí quản lý nhân viên				
			Chi phí nhân viên quản lý	X	64221		3.938.800
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	3.938.800	

31/12	KC-000008	31/12	KC chi phí VPP				
			Chi phí văn phòng phẩm	X	6422 2		3.026.667
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	3.026.667	
31/12	KC-000009	31/12	KC chi phí ngân hàng				
			Phí ngân hàng	X	6422 5		818.652
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	818.652	
31/12	KC-000010	31/12	KC chi phí phân bổ, khấu hao				
			Phân bổ, khấu hao	X	6422 6		43.885.685
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	43.885.685	
31/12	KC-000011	31/12	KC chi phí bằng tiền khác				
			Chi phí bằng tiền khác	X	6422 7		114.906.617
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	114.906.617	
31/12	KC-000012	31/12	KC Lãi Lỗ KDXS (911)				
			Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	X	4212		748.518.189
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	748.518.189	
...	...	...	...	...	...	...	...
			Tổng phát sinh			83.717.629.086	83.717.629.086

Người ghi sổ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025.</i> Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)
-------------------------------------	---------------------------------------	--

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN

28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
		Tồn đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...
27/05	0000047	Bán hàng theo HĐ 47	131	0	1.100.000
...	...	...	...	...	...
31/05	58	Bảo trì thang máy HĐ 58	131	0	4.200.000
...	...	...	...	...	...
28/08	0000138	Bán hàng theo HĐ 138	131	0	3.200.000
...	...	...	...	...	...
30/09	170	Cung cấp dịch vụ HĐ 170	131	0	2.800.000
...	...	...	...	...	...
29/11	211	Cung cấp dịch vụ HĐ 211	131	0	1.400.000
...	...	...	...	...	...
31/12	KC-0000003	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	63.983.334	
31/12	KC-0000004	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	911	1.763.738.888	
		Tổng cộng phát sinh		4.709.361.107	4.709.361.107
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		4.709.361.107	4.709.361.107
		Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025.</i> Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)
-------------------------------------	---------------------------------------	--

2.5. Kế toán giá vốn tại công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin.

2.5.1. Nội dung

Giá vốn hàng hóa: Khi doanh nghiệp xuất bán các hàng hóa như, bình ắc quy, biến tần, quạt lồng sóc, quạt hút trong carbin, hộp nhót vuông, cáp thép, công tắc cảm biến, switch từ bộ truyền cửa, bánh xe đầu cửa tần phi,.. thì giá vốn của hàng bán được ghi nhận theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm

Giá vốn dịch vụ bảo trì, sửa chữa: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp gồm giá trị các linh kiện, thiết bị thang máy chính và các phụ tùng thay thế phục vụ cho công tác lắp đặt, bảo trì thường xuyên. Chi phí nhân công trực tiếp cũng chiếm tỷ trọng lớn, bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp của đội ngũ kỹ thuật viên lắp đặt, nhân viên bảo trì và sửa chữa. Chi phí này thường được tập hợp dựa trên bảng chấm công theo công trình hoặc số giờ thực hiện dịch vụ. Ngoài ra, giá vốn còn bao gồm chi phí sản xuất chung như phân bổ, khấu hao.

Quy trình hạch toán, các chi phí cấu thành giá vốn dịch vụ lắp đặt và bảo trì, khi phát sinh kế toán sẽ tập hợp vào tài khoản 1541, 1542, 1543. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển vào tài khoản 632.

2.5.2. Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

2.5.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

Phiếu xuất kho, phiếu kết chuyển

b) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 632 : Giá vốn hàng bán
- Sổ chi tiết tài khoản 632

2.5.4. Quy trình ghi sổ

- ❖ Giá vốn hàng bán

Ngày 27/05/2025 Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin xuất bán cho Công ty TNHH Đại Phát Hội An quạt lồng sóc với số lượng 1 cái, với giá trị xuất kho là 300.000 đồng.

Đầu năm tài chính 2025, kế toán thiết lập chính sách và chế độ kế toán trên phần mềm, đối với phương pháp tính giá xuất kho, kế toán sẽ thiết lập phương pháp tính giá xuất kho bình quân gia quyền theo thời điểm. Được thể hiện qua giao diện sau:

Hình ảnh 2.8. Giao diện “Khai báo tham số hệ thống” trên phần mềm Trí Việt

Hình ảnh 2.9. Giao diện giá vốn hóa đơn số 47

Vào “Kế toán bán hàng và công nợ phải thu” Chọn “Hoá đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho” Bấm “Tạo mới” nhập số liệu vào phần mềm. Sau đó phần mềm sẽ tự động vào sổ nhật ký chung trang 51, sổ cái 632, sổ chi tiết 632, sổ chi tiết 152

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thương Mại Niêm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 27 tháng 05 năm 2025 Số: 0000047 Nợ: 632
Có: 152

Họ tên người nhận hàng: Công Ty TNHH Đại Phát Hội An
Địa chỉ (bộ phận): Lô 2-86 Trần Hưng Đạo, Hội An, Quảng Nam
Lý do xuất kho: Bán hàng theo HĐ 47
Xuất tại kho: Kho chính

STT	Tên vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Quạt lồng sóc	Cái	1	300.000	300.000
Cộng tiền hàng					300.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ) Ba trăm ngàn đồng

Đã Nẵng, Ngày tháng năm 20....

Người lập phiếu (Ký, họ tên) Người nhận hàng (Ký, họ tên) Thủ kho (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Giám đốc (Ký, họ tên)

Phan Văn Minh

Hình ảnh 2.10. Phiếu xuất kho ngày 27/05/2025

❖ Giá vốn dịch vụ bảo trì, sửa chữa

Trong năm 2025 có các chi phí phát sinh cấu thành giá vốn dịch vụ bảo trì, sửa chữa bao gồm: Chi phí lương nhân viên, chi phí phân bổ TSCĐ, chi phí phân bổ trả trước ngắn hạn, chi phí phân bổ trả trước dài hạn; thể hiện qua chứng từ sau: Bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ TSCĐ, bảng phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn, bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn.

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, Cẩm Lệ, Đà Nẵng
MST: 0401818963

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG
Tháng 9 năm 2025

ST T	Mã NV	Họ và tên	Chức vụ	MST	Lương Cơ bản	Ngày công	Tiền lương	Phụ cấp							Phụ cấp trách nhiệm	Tổng phụ cấp	Tổng thu nhập	Thu nhập chịu thuế TNCN	Lương đóng BHXH	Các khoản trích vào chi phí của DN					Các khoản trích trừ vào lương của NV				Giảm trừ		Thu nhập tính thuế TNC N	Thuế TNC N phải nộp	Thực lĩnh	K ý n hậ n	
								Tiền thưởng theo doanh thu	Tiền phụ cấp nuôi con nhỏ (<12 tháng tuổi)	Ăn ca	Điện thoại	Xăng xe/ Di lại	Tiền thuê nhà	Thưởng lễ 2/9						Chuyên cần	BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	BHTN (0.5%)	Cộng	BHXH (8%)	BHYT (1.5%)	BHTN (1%)	Cộng	Bản thân					Người phụ thuộc
		1	2	3	4	5	6=(4/26)*4	7	8	9	10	11	12		13	14	15=7+8+9+10+11+12+13+14	16=6+15	17=16-9-10	18	19=18*17 %	20=18*3 %	21=18*1 %	22=18*0.5 %	23=19+20+21+22	24=18*8 %	25=18*1.5 %	26=18*1 %	27=24+25+26	28	29	30=17-27-28-29	31	32=16-27-30	
I		Bộ phận quản lý			18,320,000	103	18,150,385	31,649,615	0	2,575,000	0	0	0	8,000,000	0	4,000,000	46,224,615	64,375,000	61,800,000	18,320,000	3,114,400	549,600	183,200	91,600	3,938,800	1,465,600	274,800	183,200	1,923,600	44,000,000	35,200,000	0	0	62451400	0
01	NV0001	Phạm Ngọc Cường	Kỹ thuật	049095015070	4,410,000	26	4,410,000	9,190,000		650,000				2,000,000			11,840,000	16,250,000	15,600,000	4,410,000	749,700	132,300	44,100	22,050	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	11,000,000	8,800,000	0	0	15,786,950	
01	NV0004	Phan Thị Thanh	Kinh doanh	048184007955	4,500,000	26	4,500,000	9,100,000		650,000				2,000,000			11,750,000	16,250,000	15,600,000	4,500,000	765,000	135,000	45,000	22,500	967,500	360,000	67,500	45,000	472,500	11,000,000	8,800,000	0	0	15,777,500	
01	NV0005	Lê Thị Tố Nga	Kế toán	048194001454	5,000,000	26	5,000,000	4,600,000		650,000				2,000,000		4,000,000	11,250,000	16,250,000	15,600,000	5,000,000	850,000	150,000	50,000	25,000	1,075,000	400,000	75,000	50,000	525,000	11,000,000	8,800,000	0	0	15,725,000	
	NV0016	Hồ Thị Mỹ Hằng	Kinh doanh	049187008728	4,410,000	25	4,240,385	8,759,615		625,000				2,000,000			11,384,615	15,625,000	15,000,000	4,410,000	749,700	132,300	44,100	22,050	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	11,000,000	8,800,000	0	0	15,161,950	
II		Bộ phận sản xuất			10,020,000		27,002,308	11,747,692	0	2,350,000	0	0	0		0	0	19,597,692	46,600,000	44,250,000	8,820,000	1,499,400	264,600	88,200	44,100	1,896,300	705,600	132,300	88,200	926,100	55,000,000	26,400,000	0	0	45673900	
02	NV0002	Dương Tân Phúc	Kỹ thuật	049090030567	4,410,000	20	3,392,308	5,157,692		500,000				2,000,000			7,657,692	11,050,000	10,550,000	4,410,000	749,700	132,300	44,100	22,050	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	11,000,000	8,800,000	0	0	10,586,950	
02	NV0003	Lê Minh Trương	Kỹ thuật	049089005662	4,410,000	26	4,410,000	6,590,000		650,000				2,000,000			9,240,000	13,650,000	13,000,000	4,410,000	749,700	132,300	44,100	22,050	948,150	352,800	66,150	44,100	463,050	11,000,000	17,600,000	0	0	13,186,950	
02	NV0007	Lê Vũ Quốc Thắng	Công nhân	049095006939	400,000	16	6,400,000	0		400,000				500,000			900,000	7,300,000	6,900,000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,000,000	0	0	0	7,300,000	
02	NV0014	Phan Thị Thu Hòa	Công nhân	051185009754	400,000	16	6,400,000	0		400,000				500,000			900,000	7,300,000	6,900,000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,000,000	0	0	0	7,300,000	
02	NV0015	Hồ Văn Phái	Công nhân	048078004295	400,000	16	6,400,000	0		400,000				500,000			900,000	7,300,000	6,900,000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11,000,000	0	0	0	7,300,000	
																	0																		
																	0																		
		Tổng			28,340,000		45,152,692	43,397,307	0	4,925,000	0	0	0		0	4,000,000	65,822,307	110,975,000	106,050,000	27,140,000	4,613,800	814,200	271,400	135,700	5,835,100	2,171,200	407,100	271,400	2,849,700	99,000,000	61,600,000	0	0	108,125,300	

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 9 năm 2025

Người lập

Giám Đốc

Hình ảnh 2.11.Giao diện bảng thanh toán tiền lương

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIÊM TÍN
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
MST: 0401818963

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN
Năm 2025

CT	TRÍCH YẾU	Thời gian bắt đầu phân bổ	Nguyên giá	Số tháng phân bổ	Giá trị còn lại	Giá trị phân bổ 1 tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Giá trị còn lại chuyển năm sau	Ghi chú	Q3
Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận Quản Lý_TK6422			0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0
1	Mua bảo hiểm HD 1070	07/2024	9.358.320	12	5.459.020	779.860	779.860	779.860	779.860	779.860	779.860	779.860	779.860						-		779.860
2	Bảo hiểm Trách nhiệm sản phẩm HD 21717	10/2024	8.181.818	12	6.136.364	681.818	681.818	681.818	681.818	681.818	681.818	681.818	681.818	681.818	681.820				-		2.045.456
3	Bảo hiểm Trách nhiệm sản phẩm HD 29766	10/2024	8.181.818	12	6.136.364	681.818	681.818	681.818	681.818	681.818	681.818	681.818	681.818	681.818	681.820				-		2.045.456
3	Phi Bảo hiểm HD 1154	08/2025	7.975.000	12	7.975.000	664.583								664.583	664.583	664.583	664.583	664.583	4.652.085		1.329.166
3	Phi Bảo hiểm HD 22893	09/2025	8.181.818	12	8.181.818	681.818									681.818	681.818	681.818	681.818	5.454.546		681.818
Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận Sản Xuất_TK154			41.978.774		33.888.566	3.489.897	2.143.496	2.143.496	2.143.496	2.143.496	2.143.496	2.143.496	2.143.496	2.028.219	2.710.041	1.346.401	1.346.401	1.346.401	10.106.631		6.881.756
TỔNG CỘNG			56.299.865	-	33.888.566	3.489.897	2.143.496	2.143.496	2.143.496	2.143.496	2.143.496	2.143.496	2.143.496	2.028.219	2.710.041	1.346.401	1.346.401	1.346.401	10.106.631		6.881.756

Hình ảnh 2.12. Giao diện bảng phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIÊM TÍN
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
MST: 0401818963

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN
Năm 2025

CT	TRÍCH YẾU	Thời gian bắt đầu phân bổ	Nguyên giá	Số tháng	Giá trị còn lại	Giá trị phân bổ 1 tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Giá trị còn lại chuyển năm sau	Ghi chú	Q1	Q2	Q3	Q4
6	Chi tiền mua BH tại nạn HD 2901	01/2024	7.687.000	12	-	640.583													-		-	-	-	-
6	Lốp xe HD 151	04/2024	3.518.519	18	1.759.260	195.473	195.473	195.473	195.473	195.473	195.473	195.473	195.473	195.473	195.473				-		586.420	586.420	586.420	-
6	Màn hình, chuột máy tính cho VP HD 22	09/2024	9.736.364	24	8.113.637	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	3.245.455		1.217.046	1.217.046	1.217.046	1.217.046
7	Bộ CPU máy tính văn phòng HD 25	09/2024	9.272.728	24	7.727.273	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	3.090.909		1.159.091	1.159.091	1.159.091	1.159.091
7	Bộ bàn ghế cho văn phòng HD 5	09/2024	30.012.500	36	26.677.778	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	16.673.611		2.501.042	2.501.042	2.501.042	2.501.042
7	Lắp đặt hệ thống camera cho văn phòng HD 24	11/2025	10.833.334	24	10.833.334	451.389											451.389	451.389	9.930.556		-	-	-	902.778
	Điểm định xe	07/2025	4.153.000	36	4.153.000	115.361				115.361	115.361	115.361	115.361	115.361	115.361	115.361	115.361	115.361	3.114.750		-	346.083	346.083	346.083
Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận Quản Lý_TK6422			79.377.081		59.958.221		1.994.684	1.994.684	1.994.684	2.110.045	1.936.560	1.936.560	1.936.560	1.936.560	1.936.560	1.741.087	2.192.476	2.192.476	36.055.281	0	5.984.053	5.983.166	5.809.681	6.126.039
Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận Khách sạn_TK 1543			0		0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận Sản Xuất_TK154			0		0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
TỔNG CỘNG			79.377.081	-	59.958.221	-	1.994.684	1.994.684	1.994.684	2.110.045	1.936.560	1.936.560	1.936.560	1.936.560	1.936.560	1.741.087	2.192.476	2.192.476	36.055.281					

Hình ảnh 2.13. Giao diện bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
MST: 0401818963

BẢNG PHÂN BỐ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Năm 2025

CT	TRÍCH YẾU	Thời gian bắt đầu phân bổ	Nguyên giá	Số tháng	Giá trị còn lại	Giá trị phân bổ 1 tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Giá trị còn lại chuyển năm sau	Ghi chú	Q3
1	Văn Phòng Hòa Xuân	07/2022	179.998.923	48	88.593.220	1.845.692	1.845.692	1.845.692	1.845.692	1.845.692	1.845.692	1.845.692	1.845.692	1.845.692	1.845.692	1.845.692	1.845.692	1.845.692	66.444.915		5.537.076
2	Xe Ôtô HONDA HR-V RS HD 5164	07/2024	843.645.455	72	773.341.667	10.740.856	10.740.856	10.740.856	10.740.856	10.740.856	10.740.856	10.740.856	10.740.856	10.740.856	10.740.856	10.740.856	10.740.856	10.740.856	644.451.389		32.222.569
																			-		-
	Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận Quản Lý_TK6422		1.023.644.378		861.934.887		12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	710.896.304		37.759.646
	TỔNG CỘNG		1.023.644.378		861.934.887	-	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	12.586.549	710.896.304		37.759.646

Hình ảnh 2.14. Giao diện bảng phân bổ TSCĐ

Quy trình ghi sổ đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

		CÔNG TY TNHH THANG MÁY - KỸ THUẬT ĐIỆN HI SA (HiSa Elevator Electrical Technique, Co., LTD) Mã số thuế: 0302654231 Địa chỉ: Số 74 đường 511, Ấp Bầu Chứa, Xã Nhuận Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại: (84-28) 6255 8165 Fax: (84-28) 6255 8164 Số tài khoản:			
		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE) Ký hiệu (Serial): 1C25THS Số (No): 6565 Mã cơ quan thuế: 003D9323E54E7B4DADB51BAA4F8FAB08E6 Ngày (date) 11 tháng (month) 10 năm (year) 2025			
Họ tên người mua hàng (Customer's name): Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN Mã số thuế (Tax code): 0401818963 Địa chỉ (Address): 08 Nguyễn Quang Điều, Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam Hình thức thanh toán (Term of payment): Chuyển khoản Số tài khoản (Ac No):					
STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Cung cấp thang máy theo HDKT số : 47872025/HDKT-HS, ký ngày 15/09/2025.	Thang	1	250.540.741	250.540.741
Cộng tiền hàng (Total):					250.540.741
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %					Tiền thuế GTGT (VAT Amount): 20.043.259
Tổng cộng tiền thanh toán (Total Payment):					270.584.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bảy mươi triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn đồng.					
Người mua hàng (Buyer) (Ký, ghi rõ họ, tên) (fullname)			Người bán hàng (Seller) (Ký, ghi rõ họ, tên) (fullname) Signature valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH THANG MÁY - KỸ THUẬT ĐIỆN HI SA Ký ngày: 11 tháng 10 năm 2025		
Mã hóa đơn: 5P64FLH2LDK Tra cứu tại website : https://ehoadondientu.com/Tracuu.aspx Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VĨNH HY MST 0314743623 – Website ehoadondientu.com – Hotline 1900.8103					

Hình ảnh 2.15 Hóa đơn GTGT số 6565

Bước 1: Vào kế toán tổng hợp => Cập nhật số liệu => Phiếu kế toán => Chọn ngày, tháng muốn xem

Bước 2: Phần mềm sẽ hiện ra các phiếu trước đó

Để thêm phiếu bấm thêm => Phần mềm sẽ hiện ra phiếu mới. Sau đó nhập thông tin và số liệu vào các vị trí đã được thiết lập sẵn trong phần mềm.

Ngày lập phiếu: 11/10/2025. Số phần mềm tự động cập nhật số cho mỗi lần nhập kế tiếp

Diễn giải: Cung cấp thang máy HĐ 6565

Phiếu Nhập Chi Phí Mua Hàng

Khách hàng: 331-HS2, CÔNG TY TNHH THANG MÁY - KỸ THUẬT ĐIỆN HI SÁ
Họ tên: CÔNG TY TNHH THANG MÁY - KỸ THUẬT ĐIỆN HI SÁ
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THANG MÁY - KỸ THUẬT ĐIỆN HI SÁ
Địa chỉ: 56 Tân Thời Nhất, Quận 12, HCM
Lý do chứng từ: Cung cấp thang máy HĐ 6565

Ngày CT: 11/10/2025, Số CT: 6565, Hạn L.toán: 0
Phương thức TT: , Nhân viên Order: , PT giao hàng: , Địa chỉ giao hàng: , Phương tiện VC:

Chi tiết: ☐ Hóa đơn có giá ☐ Chiết khấu

Mã BH	Tên hàng hóa	ĐVT	VAT	Số lượng	Giá nhập	Thành tiền	TK Nợ	TK Có	Diễn giải
CP_2	Kiểm định thang máy		8%	1	250.540.741	250.540.741	541	331	Cung cấp thang máy HĐ 6565

Record: 1 of 1

Ký hiệu	Seri HD	Ngày hoá đơn	VAT	Tiền hàng	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD
C25THS	00006565	11/10/2025	8%	250.540.741	20.043.259		CÔNG TY TNHH THANG MÁY - KỸ THUẬT ĐIỆN HI SÁ

Tính VAT: Thuế - Ghi Nợ 1331, Ghi Có 331, Vụ việc: , Tổng hạch toán: 270.584.000

Hàng hóa: CP_2 / tên (kho CHỨNG TỪ): 0,00

Khoá sổ / Mở sổ, Phiếu chi, Thẻ kho, Khoá DL, Thêm, Xóa phiếu, Phiếu nhập, Phiếu xuất, Phiếu VC, Phiếu KT, Quay ra

Hình ảnh 2.16. Giao diện hạch toán trên phần mềm

Quy trình ghi sổ đối với chi phí lương (Xem ở phụ lục 02)

Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp

Ngày CT: 30/09/2025, Số CT: LUONG, CT gốc: , Lý do chứng từ: Trích lương, ăn ca vào phí

Chi tiết:

TK Nợ	Đối tượng ghi nợ	TK Có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Diễn giải vụ việc
64221		334		64.375.000,00	Trích lương, ăn ca vào phí		
342		334		46.600.000,00	Trích lương, ăn ca vào phí		

Tổng chưa thuế: , Tổng thuế VAT: , Tổng hoá đơn: , Tổng hạch toán: 110.975.000

Tên tài khoản ghi nợ: Chi phí nhân công trực tiếp

Khoá sổ / Mở sổ, Khoá DL, Thêm, Xóa, In phiếu, Quay ra

Hình ảnh 2.17. Giao diện hạch toán lương trên phần mềm

Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp Copy

Ngày CT: 30/09/2025 Số CT: BHXH CT gốc:

Lý do chứng từ: Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí

Chi tiết	TK Nợ	Đối tượng ghi nợ	TK Có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Diễn giải vụ việc
	64221		3383		3.938.800,00	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí		
	1542		3383		1.896.300,00	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí		
	334		3383		2.849.700,00	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí		

Tổng chưa thuế:

Tổng thuế VAT:

Tổng hoá đơn:

Tổng hạch toán: 8.684.800

Tên tài khoản ghi có: Bảo hiểm xã hội

[Khóa sổ / Mở sổ](#) Khóa DL Thêm Xoá In phiếu Quay ra

Hình ảnh 2.18. Giao diện hạch toán BHXH trên phần mềm

Quy trình ghi sổ đối với chi phí phân bổ: Xem phụ lục 03

Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp Copy

Ngày CT: 30/09/2025 Số CT: PB CT gốc:

Lý do chứng từ: Trích KHTSCD vào phí

Chi tiết	TK Nợ	Đối tượng ghi nợ	TK Có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Diễn giải vụ việc
	1543		2421		6.881.756,00	Trích KHTSCD vào phí		
	64221		2422		5.809.681,00	Trích KHTSCD vào phí		
	64221		2141		37.759.646,00	Trích KHTSCD vào phí		

Tổng chưa thuế:

Tổng thuế VAT:

Tổng hoá đơn:

Tổng hạch toán: 50.451.083

Thông tin

[Khóa sổ / Mở sổ](#) Khóa DL Thêm Xoá In phiếu Quay ra

Hình ảnh 2.19. Giao diện phân bổ chi phí trong phần mềm

Sổ chi tiết 1541; 1542; 1543 xem ở (phụ lục 04; 05; 06), sổ cái 154 xem ở phụ lục 07.

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thanh Máy Niềm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...	...	...
27/05	0000047	131-DP240	Công Ty TNHH Đại Phát Hội An	Bán hàng theo HĐ 47	152	300.000	0
31/05	KC-000005			KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	300.000
...	...	...	...	...	...	...	...
31/07	KC-000005			KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	40.050.255
28/08	0000138	131-TP572	Công Ty TNHH Đầu Tư Vạn Toàn Phát	Bán hàng theo HĐ 138	152	888.889	0
31/08	KC-000005			KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	888.889
...	...	...	...	...	...	...	...
20/11	209	131-KL750	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ HELLO VIỆT NAM - CHI NHÁNH HỘI	Bán hàng HĐ 209	152	17.500.000	0
29/11	212	131-HQ487	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ HUY QUÂN	Bán hàng HĐ 212	152	18.055.556	0
30/11	KC-000005			KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	35.555.556
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	KC			Kết chuyển chi phí sản xuất	1543	15.000.000	0
31/12	KC			Kết chuyển chi phí sản xuất	1542	15.000.000	0
31/12	KC			Kết chuyển chi phí sản xuất	15411	830.510.200	0
31/12	KC-000006			KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	873.002.259
				Tổng cộng phát sinh		3.001.293.747	3.001.293.747
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		3.001.293.747	3.001.293.747
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Phan Văn Minh

CÔNG TY TNHH MTV THANH MÁY NIỀM TIN

28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
Ngày	SỐ CT			Nợ	Có
		Tồn đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...
27/05	0000047	Bán hàng theo HĐ 47	152	300.000	0
31/05	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	300.000
...	...	...	...	...	...
29/11	212	Bán hàng HĐ 212	152	18.055.556	
...	...	...	...	...	...
31/12	KC	Kết chuyển chi phí sản xuất	1543	15.000.000	0
31/12	KC	Kết chuyển chi phí sản xuất	1542	15.000.000	0

31/12	KC	Kết chuyển chi phí sản xuất	15411	830.510.200	0
31/12	KC-000006	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	873.002.259
		Tổng cộng phát sinh		3.001.293.747	3.001.293.747
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		3.001.293.747	3.001.293.747
		Số dư cuối kỳ		0	0
Ngày tháng năm Kế toán trưởng					

Cuối tháng, kế toán kết chuyển từ tài khoản 1541, 1542, 1543 sang tài khoản 632 để tính giá vốn dịch vụ.

2.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.6.1. Nội dung

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty gồm: Lãi tiền gửi ngân hàng

2.6.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

2.6.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

Giấy báo có, sổ phụ ngân hàng

Phiếu kế toán

b) Sổ sách sử dụng.

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 515

Sổ chi tiết tài khoản 515

2.6.4. Quy trình ghi sổ

Ngày 31/12/2025, Công ty nhận số tiền gửi không kì hạn kèm giấy báo có từ ngân hàng VietinBank với số lãi từ tiền gửi ngân hàng là 10.083 đồng.

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Chi nhánh Branch: 49098 - CN SONG HAN - HOI SO

Page 1 of 1
VietinBank
Số No: KS_BIC_251231_753479

GIẤY BÁO CÓ

Ngày giờ hoạch toán Posting time and date: 2025-12-31 02:02:49
Loại tiền tệ Currency: VND
Tên người chuyển Applicant name:
Số tài khoản From account number:
Tại ngân hàng With Bank:
Đơn vị thụ hưởng Beneficiary: CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN
Số tài khoản đơn vị hưởng Beneficiary Account No: 111678599999
Ngân hàng Beneficiary Branch: 49098 - CN SONG HAN - HOI SO
Số tiền bằng số Amount in figures: 10,083
Số tiền bằng chữ Amount in word: Mười nghìn không trăm tám mươi ba đồng
Số tham chiếu Transaction Reference Number:
Nội dung giao dịch Description: Tra lãi tại khoản DDA

Chi nhánh Branch
Chữ ký số E-signature

Signature Valid
Được ký bởi: HH THANG Công Thương VH - CN
SONG HAN
Ngày ký: 31/12/2025

Hình ảnh 2.20. Giấy báo có ngày 31/12/2025

Bước 1: Để nhập số liệu vào phần mềm: Vào “ Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay ” chọn “ Cập nhật số liệu ” chọn “ Phiếu thu tiền gửi (Giấy báo có) ”

Bước 2: Phần mềm sẽ hiện ra các phiếu trước đó

Để thêm phiếu bấm thêm => Phần mềm sẽ hiện ra phiếu mới. Sau đó nhập thông tin và số liệu vào các vị trí đã được thiết lập sẵn trong phần mềm.

Ngày lập phiếu: 31/12/2025

Số chứng từ: Phần mềm tự động cập nhật số cho mỗi lần nhập kế tiếp

Diễn giải: Trả lãi tài khoản

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
11213	515	10.083	Trả lãi tại khoản DDA		

Hình ảnh 2.21 Giao diện trả lãi tài khoản trên phần mềm

Bước 3: Sau khi nhập xong dữ liệu bấm quay ra hệ thống tự động lưu, và tự động cập nhật lên các sổ liên quan, sổ nhật ký chung trang 50, sổ cái 515, sổ chi tiết 515, sổ chi tiết tài khoản 11213

Để xem và kiểm tra thông tin trên sổ chi tiết tài khoản kế toán thực hiện thao tác sau:

Kích chọn “ Kế toán tổng hợp ” chọn “ Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung ” chọn “ Sổ cái ” chọn tài khoản 515.

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN
28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025
Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Mẫu số: S03a-DNN
 (Ban hành theo TT số
 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ
 Tài chính)

Chứng từ		Mã KH	KH	Diễn giải	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
Ngày	Số CT					Nợ	Có
				Tồn đầu kỳ		0	0
...	...			...	...	...	...
30/04	0000096	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Tra lại tài khoản DDA	11213	0	5.584
...	...	...	...	...	...	...	...
20/12	000112	MB	Ngân Hàng MB	Lãi tiền gửi	11214	0	45
31/12	0000064	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Tra lại tài khoản DDA	11213	0	10.083
31/12	KC-000005			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	11.484	0
				Tổng cộng phát sinh		163.875	163.875
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		163.875	163.875
				Số dư cuối kỳ		0	0
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)			

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN

28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025
Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính

Mẫu số: S03a-DNN
 (Ban hành theo TT số
 133/2016/TT-BTC
 ngày 26/8/2016 của Bộ
 Tài chính)

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
		Tồn đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...
30/04	000068	Lãi tiền gửi	11211	0	187
...	...	...	...	...	...
25/06	000032	Lãi tiền gửi	11212	0	9
30/06	0000078	Tra lại tài khoản DDA	11213	0	3.593
...	...	...	...	...	...

20/12	000112	Lãi tiền gửi	11214	0	45
31/12	0000064	Tra lại tài khoản DDA	11213	0	10.083
31/12	000118	Lãi tiền gửi	11211	0	1.356
31/12	KC-000005	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	11.484	0
		Tổng cộng phát sinh		163.875	163.875
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		163.875	163.875
		Số dư cuối kỳ		0	0
Ngày tháng năm Kế toán trưởng					

2.7. Kế toán chi phí tài chính

2.7.1. Nội dung

Chi phí tài chính của công ty từ lãi vay của ngân hàng Vietinbank

2.7.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635: Chi phí tài chính

2.7.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

Giấy báo nợ, phiếu kế toán, sổ phụ ngân hàng, sao kê ngân hàng

b) Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 635

Sổ chi tiết tài khoản 635

2.7.4. Quy trình ghi sổ

Công ty trả tiền lãi từ khoản vay của ngân hàng VietinBank với số tiền 762.740 đồng.

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Chi nhánh Branch: 49098 - CN SONG HAN - HOI SO

VietinBank
Số No: KS_BN_251031_622610

GIẤY BÁO NỢ

Ngày giờ hoạch toán Posting time and date: 2025-10-27 00:09:39
 Loại tiền tệ Currency: VND
 Tên người chuyển Applicant name: CONG TY TNHH MTV THANG MAY NIEM TIN
 Số tài khoản From account number: 111678599999
 Tại ngân hàng With Bank: 49098 - CN SONG HAN - HOI SO
 Đơn vị thụ hưởng Beneficiary: CONG TY TNHH MTV THANG MAY NIEM TIN
 Số tài khoản đơn vị hưởng Beneficiary Account No: 800007227508
 Ngân hàng Beneficiary Branch: 49031 - CN SONG HAN - PGD NON NUOC
 Số tiền bằng số Amount in figures: 762.740
 Số tiền bằng chữ Amount in word: Bảy trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng
 Số tham chiếu Transaction Reference Number:
 Nội dung giao dịch Description: Thu gốc: VND - Thu lãi: 762740 VND - Thu lãi phạt: VND - Thu phí: VND

Chi nhánh Branch
Chữ ký số e-signature

Signature Valid
Được ký bởi : NH TMCP Công Thương VN - CN SONG HAN
Ngày ký: 31/10/2025

Hình ảnh 2.22. Giấy báo nợ 27/10/2025

Đề nhập số liệu trên giấy báo nợ vào phần mềm, kế toán thực hiện những thao tác sau:

Bước 1: Vào “ Kế toán chi tiền mặt, tiền gửi và tiền vay ” chọn “ Phiếu chi tiền gửi ”

Bước 2: Phần mềm sẽ hiện ra các phiếu trước đó

Để thêm phiếu bấm thêm => Phần mềm sẽ hiện ra phiếu mới. Sau đó nhập thông tin và số liệu vào các vị trí đã được thiết lập sẵn trong phần mềm.

Ngày lập phiếu: 27/10/2025

Số phần mềm tự động nhảy số cho mỗi lần nhập kế tiếp

Diễn giải: Trả lãi

Phiếu Chi Tiền Gửi

Kiểu giao dịch: Phiếu chi cho một đối tượng

Khách hàng: VTB Ngân Hàng Vietinbank Người nhận tiền: Ngân Hàng Vietinbank Ngày CT: 27/10/2025

Địa chỉ: Số CT: 0000027

Lý do chứng từ: Trả lãi CT gốc: 00000027

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
635	11213	762.740	Trả lãi		

Record: 1 of 1

Hóa đơn GTGT

Kỳ hiệu	Sêri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
1C25TNV	00000027	27/10/2025	KH	762.740	0		Ngân Hàng Vietinbank		

Record: 1 of 1

Thuế - Ghi Nợ 1331 Ghi Có 11213 Vụ việc

Tổng chưa thuế 762.740 Tổng thuế VAT 0 Tổng hoá đơn 762.740 Tổng hạch toán 762.740

Khóa sổ / Mở sổ Khóa DL Thêm phiếu Xóa phiếu In phiếu Ủy nhiệm chi Bảng kê Phiếu KT Quay ra

Bước 3: Sau khi nhập xong dữ liệu bấm quay ra hệ thống tự động lưu, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ liên quan, sổ nhật ký chung trang 50, sổ cái 635, sổ chi tiết 635

Sổ chi tiết tài khoản 635 xem ở phụ lục 08

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Năm 2025

Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...	...	...
25/02	68607	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	12.530.143	0
26/02	70782	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	6.507.761	0
28/02	000055	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lại tài khoản DDA	11213	0	13.358
28/02	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	52.592.879
...	...	...	...	...	...	...	...
25/07	0000082	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	953.424	0
25/07	0000083	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	381.370	0
25/07	0000084	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	476.713	0
25/07	0000085	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	357.534	0
25/07	0000086	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	696.000	0
25/07	0000087	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	381.370	0
25/07	0000088	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	371.836	0
...	...	...	...	...	...	...	...
27/10	0000022	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	762.740	0
...	...	...	...	...	...	...	...
27/12	0000143	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	90.120	0
27/12	0000144	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	643.720	0
27/12	0000145	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	361.620	0
27/12	0000146	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	715.244	0
27/12	0000147	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	16.198.810	0
27/12	0000148	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	452.166	0
27/12	0000149	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	949.549	0
27/12	0000150	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	953.661	0
27/12	0000151	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	209.391	0
27/12	0000152	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	394.618	0
27/12	0000153	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	743.855	0
27/12	0000154	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	284.125	0
27/12	0000155	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	904.332	0
27/12	0000156	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	309.688	0
27/12	0000157	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	1.418.775	0
31/12	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	40.415.837
				Tổng cộng phát sinh		376.193.712	376.193.712
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		376.193.712	376.193.712
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Phan Văn Minh

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN
28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản 635- Chi phí tài chính

Mẫu số: S03a-DNN
 (Ban hành theo TT số
 133/2016/TT-BTC ngày
 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
		Tồn đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...
10/03	070794	Trả nợ gốc và trả lãi	11213	221.036	0
...	...	...	...	...	...
25/07	0000062	trả lãi	11213	1.001.096	0
25/07	0000063	trả lãi	11213	796.109	0
25/07	0000064	trả lãi	11213	834.247	0
25/07	0000065	trả lãi	11213	730.959	0
...	...	...	...	...	...
27/10	0000022	Trả lãi	11213	762.740	0
...	...	...	...	...	...
27/12	0000156	Trả lãi	11213	309.688	0
27/12	0000157	Trả lãi	11213	1.418.775	0
31/12	KC-000001	KC chi phí tài chính	911	0	40.415.837
		Tổng cộng phát sinh		376.193.712	376.193.712
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		376.193.712	376.193.712
		Số dư cuối kỳ		0	0
Ngày tháng năm Kế toán trưởng					

2.8. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.8.1. Nội dung

Chi phí quản lý kinh doanh của công ty năm 2025 là chi phí quản lý doanh nghiệp

2.8.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh”

Tài khoản cấp 2 là TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

TK 6422 có 7 loại tài khoản cấp 3

TK 64221: Chi phí nhân viên quản lý

TK 64222: Chi phí văn phòng phẩm

TK 64223: Chi phí điện, nước, điện thoại

TK 64224: Thuế, phí, lệ phí

TK 64225: Phí ngân hàng

TK 64226: Phân bổ, khấu hao

TK 64227: Chi phí bằng tiền khác

2.8.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

Hóa đơn giá trị gia tăng.

Giấy báo có

Sổ phụ ngân hàng

Phiếu kế toán

Bảng thanh toán tiền lương

Bảng phân bổ TSCĐ

Bảng phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn

Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn

b) Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung

Sổ cái TK 642

Sổ chi tiết TK 642: TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Sổ chi tiết TK 6422: TK 64221 - Chi phí nhân viên quản lý

Sổ chi tiết TK 6422: TK 64222 - Chi phí văn phòng phẩm

Sổ chi tiết TK 6422: TK 64223 - Chi phí điện, nước, điện thoại

Sổ chi tiết TK 6422: TK 64224 - Thuế, phí, lệ phí

Sổ chi tiết TK 6422: TK 64225 - Phí ngân hàng

Sổ chi tiết TK 6422: TK 64226 - Phân bổ, khấu hao

Sổ chi tiết TK 6422: TK 64227 - Chi phí bằng tiền khác

2.8.4. Quy trình ghi sổ

Chi phí lương nhân viên quản lý:(TK 64221)

Đối với nhân viên kế toán, ngoài lương cơ bản công ty còn phụ cấp thêm tiền ăn ca. Công ty có đóng bảo hiểm cho kế toán (Bảng lương đã để ở trang 59). Tiền lương phải trả cho bộ phận quản lý doanh nghiệp tháng 09/2025 là 64.375.000 đồng

Quy trình ghi sổ đối với chi phí lương

Bước 1: Vào kế toán tổng hợp => Cập nhật số liệu => Phiếu kế toán => Chọn ngày, tháng muốn xem

Bước 2: Phần mềm sẽ hiện ra các phiếu trước đó

Để thêm phiếu bám thêm => Phần mềm sẽ hiện ra phiếu mới. Sau đó nhập thông tin và số liệu vào các vị trí đã được thiết lập sẵn trong phần mềm.

Ngày lập phiếu: 30/09/2025

Số phần mềm tự động nhảy số cho mỗi lần nhập kế tiếp

Diễn giải: Trích lương ăn ca vào phí

Hình ảnh 2.23. Giao diện hạch toán lương trong phần mềm

Hình ảnh 2.24. Giao diện hạch toán BHXH trong phần mềm

Bước 3: Sau khi nhập xong dữ liệu bám quay ra hệ thống tự động lưu, và phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ liên quan, sổ nhật ký chung trang 50, sổ cái 642, sổ chi tiết 64221, sổ chi tiết tài khoản 1542, sổ chi tiết tài khoản 334.

Chi phí văn phòng phẩm (TK 64222)



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TDD
Số: 157

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 27 tháng 12 năm 2025

MCCQT: 00FF7DF87D904B4C8EABB81965FA1115C0

Tên người bán: CÔNG TY TNHH TM&DV ĐOÀN GIA PHÁT

Mã số thuế: 0401983780

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ: 90 Phan Văn Trị, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0905 499 550

Số tài khoản: 905499550 Ngân Hàng TMCP Quân Đội

Tên người mua: CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401818963

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ: 263 Mẹ Thứ, Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		MỨC CHAI HP	Chai	1	92.593		8%	92.593
2	Hàng hóa, dịch vụ		MỨC BỐT HP PREMI UM PLUS	Bình	2	92.593		8%	185.186
3	Hàng hóa, dịch vụ		Trống Máy In Brother HL 2385/L2320D - Dru m Brother HL 2385/L2 320D	Cái	1	138.888		8%	138.888

STT	Tên loại phí	Tiền phí
1		

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	416.667	33.333

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	416.667
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	33.333
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng tiền thanh toán bằng số	450.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Bốn trăm năm mươi nghìn đồng

NGƯỜI MUA HÀNG
(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid
Ký bởi CÔNG TY TNHH
TM&DV ĐOÀN GIA PHÁT
Ký ngày: 2025-12-27 09:51:16

Hình ảnh 2.25. Hóa đơn GTGT số 157

Căn cứ vào HĐ số 157 ký hiệu C25TDD Kế toán sẽ hạch toán lên phần mềm Trí Việt

Vào phần hành “Kế toán mua hàng” -> Chọn “Phiếu nhập chi phí mua hàng”.

Phiếu Nhập Chi Phí Mua Hàng									
Khoản hàng	331-GP7E		CỔNG TY TNHH TM&DV ĐOÀN €	Ngày CT	27/12/2025	Số CT	0000157	Hạn t.toán	0
Họ tên	CÔNG TY TNHH TM&DV ĐOÀN GIA PHÁT			Phương thức TT					
Tên đơn vị	CÔNG TY TNHH TM&DV ĐOÀN GIA PHÁT			Nhân viên Order					
Địa chỉ	90 Phan Văn Trị, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ			PT giao hàng			Phương tiện VC		
Lý do chứng từ	Văn phòng phẩm HĐ 157			Đ.chí giao hàng					

Chi tiết ☐ Hóa đơn có giá ☒ Chiết khấu									
Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	VAT	Số lượng	Giá nhập	Thành tiền	TK Nợ	TK Có	Diễn giải
C-P-1	Chi phí quản lý		8%	1	416.667	416.667	64222	331	Văn phòng phẩm HĐ 157

Record: 1 < | > | * of 1

Ký hiệu	Seri HD	Ngày hoá đơn	VAT	Tiền hàng	Tiền VAT	MakH	Tên cơ sở KD
C25TDD	00000157	27/12/2025	8%	416.667	33.333		CÔNG TY TNHH TM&DV Đ

Thuế - Ghi Nợ 1331

Ghi Có 331

Vụ việc

Hàng hóa: CP_1 / tên (kho CHINH) : 0,00

Khoá số / Mã số

Hình ảnh 2.26. Giao diện hạch toán hóa đơn ngày 27/12/2025

Sau khi nhập xong dữ liệu bấm quay ra hệ thống tự động lưu, và phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ liên quan, sổ nhật ký chung trang 50, sổ cái 642, sổ chi tiết 64222

Chi phí điện, nước, điện thoại (TK 64223)

		HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: 1C2STGP																																																												
		Ngày 02 tháng 10 năm 2025		Số: 5328																																																												
		(BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)																																																														
		Mã của CQT: 004A14C2837C58419A9203EFE26511A9B0																																																														
Đơn vị bán hàng		: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA PHÁT																																																														
Mã số thuế	: 0 4 0 1 0 4 9 9 0 1																																																															
Địa chỉ	: 158 Bùi Trang Chước, Phường Hoà Xuân, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam.																																																															
Điện thoại	: 0236.3635635	Email:	giaphatdn@gmail.com																																																													
Số tài khoản	: 2001201113729 tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Nam Đà Nẵng		Website: thachbichdanang.vn																																																													
Người mua hàng:																																																																
Tên đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thương Máy Niêm Tin																																																																
Mã số thuế: 0401818963																																																																
Mã đơn vị quan hệ ngân sách:																																																																
Địa chỉ: 08 Nguyễn Quang Diệu, Phường Hòa Xuân, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam																																																																
Hình thức thanh toán: Tiền mặt																																																																
Số tài khoản:																																																																
<table border="1"><thead><tr><th>STT</th><th>Tên hàng hóa, dịch vụ</th><th>Đơn vị tính</th><th>Số lượng</th><th>Đơn giá</th><th>Thành tiền</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6 = 4 x 5</td></tr><tr><td>1</td><td>Nước khoáng Thạch Bích 18,9L</td><td>Bình</td><td>10</td><td>44.444,44</td><td>444.444</td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr><tr><td colspan="2">Cộng tiền hàng:</td><td colspan="3"> </td><td>444.444</td></tr><tr><td colspan="2">Thuế suất GTGT: 8%</td><td colspan="3">Tiền thuế GTGT:</td><td>35.556</td></tr><tr><td colspan="2"> </td><td colspan="3">Tổng tiền thanh toán:</td><td>480.000</td></tr></tbody></table>					STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	1	Nước khoáng Thạch Bích 18,9L	Bình	10	44.444,44	444.444																									Cộng tiền hàng:					444.444	Thuế suất GTGT: 8%		Tiền thuế GTGT:			35.556			Tổng tiền thanh toán:			480.000
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền																																																											
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5																																																											
1	Nước khoáng Thạch Bích 18,9L	Bình	10	44.444,44	444.444																																																											
Cộng tiền hàng:					444.444																																																											
Thuế suất GTGT: 8%		Tiền thuế GTGT:			35.556																																																											
		Tổng tiền thanh toán:			480.000																																																											
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm tám mươi nghìn đồng																																																																
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)																																																														
		Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA PHÁT Ký ngày: 02/10/2025 																																																														
Mã nhận hóa đơn: CSADJBHVBVN, tra cứu tại: https://einvoice.vn/tra-cuu																																																																

Hình ảnh 2.27. Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 02/10/2025

Căn cứ vào hóa đơn mua nước Thạch Bích số 5328 ký hiệu 1C25TGP. Kế toán sẽ hạch toán lên phần mềm Trí Việt. Vào phần hành “Kế toán mua hàng ”-> Chọn “Phiếu nhập chi phí mua hàng ”

Phiếu nhập Chi Phí Mua Hàng

Khách hàng: 131-GP90 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 Họ tên: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ
 Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ
 Địa chỉ: 158 Bùi Trang Chước, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm
 Lý do chứng từ: Mua nước Thạch Bích HD 5328

Ngày CT: 02/10/2025 Số CT: 5328 Hạn t.toán: 0
 Phương thức TT:
 Nhân viên Order:
 PT giao hàng:
 Đ.chí giao hàng:

Chi tiết ☐ Hóa đơn có giá ☐ Chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	VAT	Số lượng	Giá nhập	Thành tiền	TK Nợ	TK Có	Diễn giải
CP_1	Chi phí quản lý		8%	1	444.444	444.444	64223	331	Mua nước Thạch Bích HD 5328

Record: 14 1 of 1

Ký hiệu	Seri HD	Ngày hoá đơn	VAT	Tiền hàng	Tiền VAT	MãKH	Tên cơ sở KD
C25TGP	00005328	02/10/2025	8%	444.444	35.556		CÔNG TY TNHH MỘT TH

Tính VAT Thuế - Ghi Nợ 1331 Ghi Có 331 Vụ việc

Hàng hóa: CP_1 / tồn (kho CHÍNH) : 0,00

Khoá số / Mở số Đã chi Thê kho Khoá DL Thêm Xóa phiếu Phiếu nhập Phiếu xuất Phiếu VC Phiếu KT Quay ra

Tiền chiết khấu: 0
 Tiền hàng: 444.444
 Tiền thuế: 35.556
 Tổng hoá đơn: 480.000
 Tổng hạch toán: 480.000

Hình ảnh 2.28. Giao diện hạch toán hóa đơn ngày 02/10/2025

Sau khi nhập xong dữ liệu bấm quay ra hệ thống tự động lưu, và phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ liên quan, sổ nhật ký chung trang 50, sổ cái 642, sổ chi tiết 64223

Thuế, phí và lệ phí:(TK 64224)

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
 Mã hiệu:
 Số: OW2501169660655

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số: OW2501169660655

Số tham chiếu: 11220250290246352

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIÊM TÍN
 Địa chỉ: 08 Nguyễn Quang Diêu, Phường Hoà Xuân
 Quận/Huyện: Quận Cẩm Lệ
 Người nộp thay:
 Địa chỉ:
 Quận/Huyện:
 Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
 hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
 TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐
 Vào tài Khoản KBNN: KBNN Cẩm Lệ- Đà Nẵng
 Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng
 Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
 Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐
 Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐
 Cơ quan quản lý thu: Quận Cẩm Lệ - Chi cục thuế khu vực Cẩm Lệ - Hòa Vang

Mã số thuế: 0401818963
 Tỉnh, TP: Đà Nẵng
 Tỉnh, TP:
 trích TK số: 040054312158
 Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	0405431041770001	00/CN/2025	Lệ phí môn bài mức (bậc) 2.		2,000,000	754	2863
Tổng tiền					2,000,000		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: HAI TRIỆU ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN
 Ngày.....Tháng.....Năm.....
 Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)
 Ngày.....Tháng.....Năm.....
 Kế toán Kế toán trưởng

✓	Người ký : CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIÊM TÍN Ngày ký : 16/01/2025 16:54:04
---	--

✓	Người ký : Tổng cục Thuế Ngày ký : 16/01/2025 16:53:11
---	--

✓	Người ký : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN Ngày ký : 16/01/2025 16:54:26
---	--

Hình ảnh 29. Giấy nộp tiền thuế môn bài

Vào phần hành “Kế toán tổng hợp” -> Chọn “Phiếu kế toán”

Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp

Ngày CT: 01/01/2025 Số CT: THUẾ CT gốc: Lý do chứng từ: Thuế môn bài

Chi tiết	TK Nợ	Đối tượng ghi nợ	TK Có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Diễn giải vụ việc
▶ 64224			3339		2.000.000,00	Thuế môn bài		

Tổng chưa thuế: Tổng thuế VAT: Tổng hoá đơn: Tổng hạch toán: 2.000.000

Thông tin: Khóa số / Mở số: Khoá DL: Thêm: Xóa: In phiếu: Quay ra

Hình ảnh 230. Giao diện lệ phí môn bài ngày 01/01/2025

Sau khi nhập xong dữ liệu bấm quay ra hệ thống tự động lưu, và phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ liên quan, sổ nhật ký chung trang 50, sổ cái 642, sổ chi tiết 642241

Phí ngân hàng: (TK 64225)

Vào “ kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay ” -> Phiếu chi tiền gửi, xem sao kê tháng 06 ở phụ lục 19, phiếu chi ở phụ lục 20.

Phiếu Chi Tiền Gửi

Kiểu giao dịch: Phiếu chi cho một đối tượng

Khách hàng: VTB Ngân Hàng Vietinbank Người nhận tiền: Ngân Hàng Vietinbank Ngày CT: 05/06/2025 Địa chỉ: Số CT: 95 Lý do chứng từ: Phí ngân hàng HĐ 95 CT gốc:

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
▶ 64225	11213	66.800	Phí ngân hàng		

Record: 1 of 1

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Seri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
▶ K25TA6	95	05/06/2025	10	66.800	6.680		Ngân Hàng Vietinbank		

Record: 1 of 1

Thuế - Ghi Nợ: 1331 Ghi Có: 11213 Vụ việc: Tổng chưa thuế: 66.800 Tổng thuế VAT: 6.680 Tổng hoá đơn: 73.480 Tổng hạch toán: 73.480

Khóa số / Mở số: Khoá DL: Thêm phiếu: Xóa phiếu: In phiếu: Ủy nhiệm chi: Bảng kê: Phiếu KT: Quay ra

Hình ảnh 2.31. Giao phí ngân hàng ngày 05/06/2025

Sau khi nhập xong dữ liệu bấm quay ra hệ thống tự động lưu, và phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ liên quan, sổ nhật ký chung trang 50, sổ cái 642, sổ chi tiết 64225.

Chi phí khấu hao TSCĐ (Bảng phân bổ TSCĐ ở trang 61) TK 64226

Quy trình ghi sổ đối với chi phí phân bổ (Xem phụ lục 03)

Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp Copy

Ngày CT: 30/09/2025 Số CT: PB CT gốc:

Lý do chứng từ: Trích KHTSCĐ vào phí

Chi tiết

TK Nợ	Đối tượng ghi nợ	TK Có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Diễn giải vụ việc
1543		2421		6.881.756,00	Trích KHTSCĐ vào phí		
64226		2422		5.809.681,00	Trích KHTSCĐ vào phí		
64226		2141		37.759.646,00	Trích KHTSCĐ vào phí		

Tổng chưa thuế:

Tổng thuế VAT:

Tổng hoá đơn:

Tổng hạch toán: 50.451.083

Tên đối tượng ghi nợ:

[Khóa sổ](#) / [Mở sổ](#) [Khoá DL](#) [Thêm](#) [Xoá](#) [In phiếu](#) [Quay ra](#)

Chi phí bằng tiền khác (TK 64227)

Phiếu Nhập Chi Phí Mua Hàng : 25-11-513-48350 (F10 xem nhanh hàng tồn kho)

Phiếu Nhập Chi Phí Mua Hàng

Khách hàng: 331-VT6; Tổng Công Ty CP Bưu Chính Viettel
 Ngày CT: 30/11/2025 Số CT: 3008171 Hạn t. toán: 0
 Họ tên: Tổng Công Ty CP Bưu Chính Viettel (Viettel Post) Phương thức TT:
 Tên đơn vị: Tổng Công Ty CP Bưu Chính Viettel (Viettel Post) Nhân viên Order:
 Địa chỉ: Số 1 Phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội PT giao hàng:
 Lý do chứng từ: Cước vận chuyển HĐ 3008171 Đ. chỉ giao hàng:

Chi tiết ☐ Hóa đơn có giá ☐ Chiết khấu

Mã HH	Tên hàng hóa	ĐVT	VAT	Số lượng	Giá nhập	Thành tiền	TK Nợ	TK Có	Diễn giải
CP_1	Chi phí quản lý		8%	1	81.019	81.019	64227	331	Cước vận chuyển HĐ 3008171

Record: 1 of 1

Ký hiệu	Seri HĐ	Ngày hoá đơn	VAT	Tiền hàng	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD
K25TAN	03008171	30/11/2025	8%	81.019	6.482		Tổng Công Ty CP Bưu Chính

Tiền chiết khấu: 0
 Tiền hàng: 81.019
 Tiền thuế: 6.482
 Tổng hoá đơn: 87.501

Tính VAT Thuế - Ghi Nợ: 1331 Ghi Có: 331 Vụ việc:

Tổng hạch toán: 87.501

Hàng hóa: CP_1 / tồn (kho CHINH) : 0,00

Khóa số / Mở số Đã chi Thê kho Khoá DL Thêm Xóa phiếu Phiếu nhập Phiếu xuất Phiếu VC Phiếu KT Quay ra

Sau khi nhập xong dữ liệu bấm quay ra hệ thống tự động lưu, và phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ liên quan, sổ nhật ký chung trang 50, sổ cái 642, sổ chi tiết 64227.

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 64221 - Chi phí nhân viên quản lý

Mẫu số: S19-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-B Tài chính ngày 26/8/2016 của BTC)

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KH	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...	...	...
30/04	BHXXH			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	2.863.800	0
30/04	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	46.250.000	0
...	...	...	...	...	...	...	...
30/09	BHXXH			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	3.938.800	0
30/09	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	64.375.000	0
30/09	KC-000006			KC chi phí quản lý nhân viên	911	0	68.313.800
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	BHXXH			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	3.938.800	0
31/12	KC-000007			KC chi phí quản lý nhân viên	911	0	3.938.800
				Tổng cộng phát sinh		431.987.276	431.987.276
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		431.987.276	431.987.276
				Số dư cuối kỳ		0	0

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Năm 2025

Tài khoản 64222 - Chi phí văn phòng phẩm

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
27/12	0000157	331-GP780	CÔNG TY TNHH TM&DV ĐOÀN GIA PHÁT	Văn phòng phẩm HĐ 157	331	416.667	0
30/12	0001169	331-IK306	Công Ty TNHH In Kiến.VN	In ấn lệnh bảo trì HĐ 1169	331	2.610.000	0
31/12	KC-000008			KC chi phí VPP	911	0	3.026.667
				Tổng cộng phát sinh		3.026.667	3.026.667
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		3.026.667	3.026.667
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Văn, Ngày 31 tháng 12 năm 2
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Năm 2025

Tài khoản 64223 - Chi phí điện, nước, điện thoại

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...	...	...
30/06	KC-000007			KC chi phí điện, nước, Đt...	911	0	80.982
04/07	3435	331-GP901	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA PHÁT	Nước khoáng Thạch Bích HĐ 3435	331	444.444	0
...	...	...	...	...	...	...	...
02/10	5328	331-GP901	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA PHÁT	Mua nước Thạch Bích HĐ 5328	331	444.444	0
31/10	KC-000007			KC chi phí điện, nước, Đt...	911	0	444.444
21/11	6208	331-GP901	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GIA PHÁT	Mua nước Thạch Bích HĐ 6208	331	444.444	0
30/11	52013	331-FP001	Chi Nhánh Công Ty TNHH Một Thành Viên Viễn Thông Quốc Tế FPT	Cước viễn thông HĐ 52013	331	68.393	0
30/11	KC-000007			KC chi phí điện, nước, Đt...	911	0	512.837
				Tổng cộng phát sinh		2.453.996	2.453.996
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2.453.996	2.453.996
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Văn, Ngày 31 tháng 12 năm 2
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thanh Máy Niềm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản 64224 - Thuế, phí, lệ phí

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số
133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KH	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
01/01	THUE			Thuế môn bài	3339	2.000.000	0
31/01	KC-000007			KC chi phí thuế phí lệ phí	911	0	2.000.000
				Tổng cộng phát sinh		2.000.000	2.000.000
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2.000.000	2.000.000
				Số dư cuối kỳ		0	0

Năng, Ngày 31 tháng 12 năm 2

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thanh Máy Niềm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản 64225 - Phí ngân hàng

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KH	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
						0	0
...	...	...	...	...	...	...	...
05/06	95	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Phí ngân hàng	11213	66.800	0
11/06	0000226	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Phí ngân hàng theo HD 226	11213	50.000	0
13/06	0000260	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Phí ngân hàng theo HD 260	11213	20.000	0
13/06	0000261	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Phí ngân hàng theo HD 261	11213	20.000	0
...	...	...	...	...	...	...	...
30/06	KC-000008			KC chi phí ngân hàng	911	0	1.336.962
...	...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...	...
25/12	21871	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Phí ngân hàng HD 21871	11213	28.935	0
30/12	242983	SCB	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Phí ngân hàng HD 242983	11211	105.000	0
31/12	KC-000009			KC chi phí ngân hàng	911	0	818.652
				Tổng cộng phát sinh		7.542.336	7.542.336
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		7.542.336	7.542.336
				Số dư cuối kỳ		0	0

Năng, Ngày 31 tháng 12 năm 20

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản 64226 - Phân bổ, khấu hao

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KH	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...	...	...
30/06	PB			Phân bổ chi phí trả trước	2422	5.983.166	0
30/06	PB			Phân bổ chi phí trả trước	2141	37.759.646	0
30/06	KC-000009			KC chi phí phân bổ, khấu hao	911	0	43.742.812
30/09	PB			Trích KHTSCD vào phí	2422	5.809.681	0
30/09	PB			Trích KHTSCD vào phí	2141	37.759.646	0
30/09	KC-000009			KC chi phí phân bổ, khấu hao	911	0	43.569.327
31/12	PB			Trích KHTSCD vào phí	2422	6.126.039	0
31/12	PB			Trích KHTSCD vào phí	2141	37.759.646	0
31/12	KC-000010			KC chi phí phân bổ, khấu hao	911	0	43.885.685
				Tổng cộng phát sinh		174.941.523	174.941.523
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		174.941.523	174.941.523
				Số dư cuối kỳ		0	0

à Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin

Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản 64227 - Chi phí bằng tiền khác

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...	...	...
26/05	46	KH_40	Thị Thi Quy Nhát	Thuế GTGT đầu ra	33311	315.000	0
26/05	46	KH_40	Thị Thi Quy Nhát	hàng biếu tặng không thu tiền HĐ 46	156	3.150.000	0
31/05	2984623	331-VT672	Tổng Công Ty CP Bưu Chính Viettel (Viettel Post)	Cước chuyển phát HĐ 2984623	331	150.004	0
31/05	KC-000009			KC chi phí bằng tiền khác	911	0	37.877.628
...	...	...	...	...	...	...	...
30/11	3008171	331-VT672	Tổng Công Ty CP Bưu Chính Viettel (Viettel Post)	Cước vận chuyển HĐ 3008171	331	81.019	0
30/11	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	24.725.385	0
30/11	KC-000009			KC chi phí bằng tiền khác	911	0	66.023.493
31/12	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	75.071.500	0
31/12	KC-000011			KC chi phí bằng tiền khác	911	0	114.906.617
				Tổng cộng phát sinh		623.760.188	623.760.188
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		623.760.188	623.760.188
				Số dư cuối kỳ		0	0

à Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Công Ty TNHH MTV Thanh Máy Niềm Tin
28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỐ CÁI
Năm 2025

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
01/01	THUE	Thuế môn bài	3339	2.000.000	0
...	...	...	...	...	...
05/06	95	Phí ngân hàng	11213	66.800	0
...		...	...	...	...
29/08	0012937	Phí ngân hàng HĐ 12937	11213	20.000	0
31/08	1922941	Cước chuyển phát HĐ 1922941	331	116.670	0
31/08	37580	Cước điện thoại HĐ 37580	331	49.616	0
...	...	...	...	...	...
30/09	BHXXH	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	3.938.800	0
30/09	LUONG	Trích lương, ăn ca vào phí	334	64.375.000	0
30/09	PB	Trích KHTSCD vào phí	2422	5.809.681	0
30/09	PB	Trích KHTSCD vào phí	2141	37.759.646	0
...	...	...	...	...	...
02/10	5328	Mua nước Thạch Bích HĐ 5328	331	444.444	0
...	...	...	...	...	...
30/11	3008171	Cước vận chuyển HĐ 3008171	331	81.019	0
...	...	...	...	...	...
27/12	0000157	Văn phòng phẩm HĐ 157	331	416.667	0
...	...	...	...	...	...
31/12	KC-000008	KC chi phí VPP	911	0	3.026.667
31/12	KC-000009	KC chi phí ngân hàng	911	0	818.652
31/12	KC-000010	KC chi phí phân bổ, khấu hao	911	0	43.885.685
31/12	KC-000011	KC chi phí bằng tiền khác	911	0	114.906.617
		Tổng cộng phát sinh		1.245.711.986	1.245.711.986
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		1.245.711.986	1.245.711.986
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

2.9. Kế toán thu nhập khác

2.9.1. Nội dung: Công ty sử dụng TK 711 – Thu nhập khác để phản ánh các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

2.9.2. Tài khoản sử dụng

TK 711 – Thu nhập khác

2.9.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

Sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 711, sổ chi tiết tài khoản 711

2.9.4. Quy trình ghi sổ

Ngày 31/12/2025, công ty phát sinh nghiệp vụ tất toán thuế GTGT đầu ra

Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp

Ngày CT: 31/12/2025 Số CT: TT CT gốc:

Lý do chứng từ: Tiền thuế GTGT đầu ra đã tất toán

Chi tiết

TK Nợ	Đối tượng ghi nợ	TK Có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Diễn giải vụ việc
33311		711		779.000,00	Tiền thuế GTGT đầu ra đã tất toán		

Tổng chưa thuế:

Tổng thuế VAT:

Tổng hoá đơn:

Tổng hạch toán: 779.000

Thông tin

Khóa sổ / Mở sổ

Khoá DL Thêm Xóa In phiếu Quay ra

Sau khi nhập xong dữ liệu bấm quay ra hệ thống tự động lưu, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ liên quan, sổ nhật ký chung trang 50, sổ cái 711, sổ chi tiết 711. Sổ chi tiết tài khoản 711 xem ở phụ lục 10.

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN

28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo TT số

133/2016/TT-BTC ngày

26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
		Tồn đầu kỳ		0	0
31/12	TT	Tiền thuế GTGT đầu ra đã tất toán	33311	0	779.000
31/12	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	779.000	0
		Tổng cộng phát sinh		779.000	779.000
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		779.000	779.000
		Số dư cuối kỳ		0	0
				Ngày tháng năm	
				Kế toán trưởng	

2.10. Kế toán chi phí khác

2.10.1. Nội dung

Trong năm 2025, công ty gồm tất toán công nợ, tiền chậm nộp thuế, nộp BHXH, trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí

2.10.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811: Chi phí khác

2.10.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

a) Chứng từ sử dụng: Sổ phụ ngân hàng, sổ kế toán, phiếu kết chuyển

b) Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung, sổ cái 811, sổ chi tiết 8118

2.10.4. Quy trình ghi sổ

Ngày 28/04/2025, công ty đóng nộp phạt vi phạm hành chính về thuế qua ngân hàng VietinBank.

Không ghi vào khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: DAN682425
Số: 0009239

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220250318894097

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIÊM TÍN
Địa chỉ: 08 Nguyễn Quang Diệu, Phường Hoà Xuân
Quận/Huyện: Quận Cẩm Lệ
Người nộp thay:
Địa chỉ:
Quận/Huyện:
Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:
TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐
Vào tài Khoản KBNN: Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XII
Mô tại NH ủy nhiệm thu: NH No&PTNT VN - Chi nhánh Quận Cẩm Lệ
Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:
Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra Chính phủ ☐
Thanh tra tài chính ☐
Cơ quan quản lý thu: Quận Cẩm Lệ - Đội Thuế liên huyện Cẩm Lệ - Hòa Vang
Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Mã số thuế: 0401818963
Tỉnh, TP: Đà Nẵng
Tỉnh, TP: trích TK số: 11167859999
Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Phân danh cho người nộp thuế ghi						Phân danh cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/Q4/2024	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại.		8,000	754	4931
Tổng tiền					8,000		

Mã CQ thu:.....

Mã ĐBHC:.....

Mã nguồn NSNN:.....

Nợ TK:.....

Có TK:.....

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán Kế toán trưởng

Người ký : CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIÊM TÍN
Ngày ký : 28/04/2025 09:41:44

Người ký : CỤC THUẾ
Ngày ký : 28/04/2025 09:40:53

Người ký : NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Ngày ký : 28/04/2025 09:42:22

Hình ảnh 2.33. Tiền chậm nộp thuế

Phiếu Chi Tiền Gửi

Kiểu giao dịch: **Phiếu chi cho một đối tượng**

Khách hàng: **VTB** Ngân Hàng Vietinbank Người nhận tiền: **Ngân Hàng Vietinbank** Ngày CT: **28/04/2025**

Địa chỉ: Số CT: **0000091**

Lý do chứng từ: **Thuế nộp chậm** CT gốc: **00000091**

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
8118	11213	8.000	Thuế nộp chậm		

Record: 1 of 1

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Seri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
1C25TRIV	00000091	28/04/2025	KH	8.000	0		Ngân Hàng Vietinbank		

Record: 1 of 1

Thuế - Ghi Nợ 1331 Ghi Có 11213 Vụ việc

Tổng chưa thuế 8.000 Tổng hoá đơn 8.000

Tổng thuế VAT 0 Tổng hạch toán 8.000

[Khóa sổ / Mở sổ](#) [Khoá DL](#) [Thêm phiếu](#) [Xóa phiếu](#) [In phiếu](#) [Ủy nhiệm chi](#) [Bảng kê](#) [Phiếu KT](#) [Quay ra](#)

Hình ảnh 2.34. Giao diện hạch toán tiền chậm nộp thuế

Sau khi nhập xong dữ liệu bấm quay ra hệ thống tự động lưu, và phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ liên quan, sổ nhật ký chung trang 50, sổ cái 811, sổ chi tiết 8118

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin

Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 8118 - Chi phí khác bị loại trừ

Mẫu số: S19-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016
ngày 26/8/2016 của BT

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
01/01	TT	331-BH002	CÔNG TY BẢO HIỂM VIETINBANK ĐÀ NẴNG	Tắt toán công nợ	331	1.769.300	0
16/01	000124	KBNN	KBNN Cẩm Lệ	Tiền chậm nộp thuế	11211	35.000	0
31/01	KC-000010			KC chi phí loại trừ	911	0	1.804.300
10/03	070804	BHXXH	Bảo Hiểm Xã Hội Quận Cẩm Lệ	Nộp BHXH	11213	9.865	0
31/03	BHXXH			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	2.649.201	0
31/03	KC-000011			KC chi phí loại trừ	911	0	2.659.066
15/04	0000022	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Thuế nộp chậm	11213	15	0
28/04	0000091	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Thuế nộp chậm	11213	8.000	0
30/04	KC-000010			KC chi phí loại trừ	911	0	8.015
				Tổng cộng phát sinh		4.471.381	4.471.381
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		4.471.381	4.471.381
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Năng, Ngày 31 tháng 12 năm 20

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Công Ty TNHH MTV Thương Máy Niêm Tin
28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm
SỐ CÁI
Năm 2025
Tài khoản 811 - Chi phí khác

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
01/01	TT	Tất toán công nợ	331	1.769.300	0
16/01	000124	Tiền chậm nộp thuế	11211	35.000	0
31/01	KC-000010	KC chi phí loại trừ	911	0	1.804.300
10/03	070804	Nộp BHXH	11213	9.865	0
31/03	BHXH	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	2.649.201	0
31/03	KC-000011	KC chi phí loại trừ	911	0	2.659.066
15/04	000022	Thuế nộp chậm	11213	15	0
28/04	0000091	Thuế nộp chậm	11213	8.000	0
30/04	KC-000010	KC chi phí loại trừ	911	0	8.015
		Tổng cộng phát sinh		4.471.381	4.471.381
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		4.471.381	4.471.381
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

2.11. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.11.1. Nội dung

Trong năm 2025 LNKTĐT là 82.633.156 nhưng doanh nghiệp lại không nộp thuế TNDN là vì được chuyển lỗ.

$TNTT = TNCT - (\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định})$

$TNDN = (TNTT - \text{phần trích lập quỹ khoa học và công nghệ}) \times \text{Thuế xuất}$

Thuế thu nhập doanh nghiệp này bằng 0 vì có lỗ kết chuyển

Lỗ năm trước lớn hơn cả thu nhập tính thuế nên sẽ bù với lỗ kỳ này suy ra $TNTT = 0$.

$TNDN = (TNTT - \text{phần trích lập quỹ khoa học và công nghệ}) \times \text{Thuế xuất}$

Trích lập quỹ khoa học công nghệ = $TNTT \times 17\% = 0 \times 17\% = 0$

2.11.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN

2.12.3 Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 821

Sổ chi tiết tài khoản 821

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông
tư số 80/2021/TT-BTC
ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài
chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: C33 - Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: Công Ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

[07] Mã số thuế: 0401818963

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	82.633.156
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	4.471.381
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	4.471.381
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0

2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	87.104.537
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	87.104.537
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	87.104.537
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	87.104.537
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	87.104.537
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 17%) + (C8 x C8a))	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	7.200.000
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		7.200.000
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	7.200.000
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	(7.200.000)

2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
1	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G-I1+I2)	I	(7.200.000)
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E3-G1-G2	(7.200.000)
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai/...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Ngày 18 tháng 03 năm 2026

Họ và tên:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI
NỘP THUẾ**

Chứng chỉ hành nghề số:

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này;
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.
4. Trường hợp NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
5. Trường hợp NNT là doanh nghiệp số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh số có thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh số có vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
6. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
7. Các chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bán giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiêu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực đầu khi).
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiêu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kê thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí).
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiêu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết.
11. Hạch toán số tiền 0 vào tiêu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Hình ảnh 2.35. Tờ khai quyết toán thuế TNDN

PHỤ LỤC			
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)			
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)			
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025			
[02] Tên người nộp thuế: Công Ty TNHH MTV Thương Mại Năm Tân			
[03] Mã số thuế: 0401818963			
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam			
STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	4.709.361.107
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	163.875
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	163.875
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	4.247.005.733
a	Giá vốn hàng bán	[13]	3.001.293.747
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	1.245.711.986
5	Chi phí tài chính	[16]	376.193.712
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	376.193.712
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	86.325.537
7	Thu nhập khác	[19]	779.000
8	Chi phí khác	[20]	4.471.381
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(3.692.381)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	82.633.156

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai/...

Ngày 18 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Chứng chỉ hành nghề số:

Hình ảnh 2.36. Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN
28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo TT số
133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chứng từ		Mã KH	KH	Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số CT					Nợ	Có
				Tồn đầu kỳ		0	0
				Tổng cộng phát sinh		0	0
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		0	0
				Số dư cuối kỳ		0	0
Người ghi sổ				Kế toán trưởng	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)	Giám đốc		
					(Ký, họ tên, đóng dấu)		

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN
28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo TT số
133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ
Tài chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
		Tồn đầu kỳ		0	0
		Tổng cộng phát sinh		0	0
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		0	0
		Số dư cuối kỳ		0	0
Người ghi sổ		Kế toán trưởng	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	Giám đốc		
			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

2.12. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.12.1. Nội dung

Kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu và chi phí vào tài khoản 911

2.12.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh

2.12.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

a) Chứng từ sử dụng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

b) Sổ sách sử dụng

Sổ nhật ký chung

Sổ cái tài khoản 911

Sổ chi tiết tài khoản 911

2.12.4. Quy trình ghi sổ

Cuối kỳ, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu và chi phí vào tài khoản 911

Vào mục "Tổng hợp" → Chọn "Bút toán kết chuyển tự động", phần mềm sẽ tự động kết chuyển, kế toán chỉ cần nhấn "ghi sổ".

The screenshot displays the TRI VIỆT Accounting Office 12 software interface. At the top, there's a header with the company name, trial version information (12.25.1212), and support links. Below the header, there are three main tabs: "Các phân hệ nghiệp vụ", "Kế toán tổng hợp", and "Cập nhật số liệu". The "Cập nhật số liệu" tab is active, showing a list of accounting entries. The entry "Bút toán kết chuyển tự động" is highlighted. Below the tabs, there's a section for "Mã máy" (4112041331) and "Đơn vị" (Công Ty TNHH MTV Thương Mại Niêm Tin). The main area shows a list of accounting entries with columns for date, account number, amount, and description. The entry "Bút toán kết chuyển tự động" is highlighted. Below the list, there's a section for "Chi tiết chuyển từ" (Details of transfer from) showing a table with columns for account number, amount, and description. The entry "Bút toán kết chuyển tự động" is highlighted.

Ngày CT	Số CT	Số BK	Tổng tiền PS	Mã KH	Tên khách hàng	Địa chỉ	Họ tên	Lý do	Chi phí	Số CTLH	Ngày CT
30/11/2025	KC-000004		21.471					KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD			
30/11/2025	KC-000005		35.555.556					KC Giá vốn vào KQ SXKD			
30/11/2025	KC-000006		3.938.800					KC chi phí quản lý nhân viên			
30/11/2025	KC-000007		512.837					KC chi phí điện, nước, ĐT...			
30/11/2025	KC-000008		368.100					KC chi phí ngân hàng			
30/11/2025	KC-000009		66.023.493					KC chi phí bằng tiền khác			
30/11/2025	KC-000010		37.388.073					KC Lãi Lỗ KDXS (911)			
31/12/2025	KC-000001		40.415.837					KC chi phí tài chính			
31/12/2025	KC-000002		779.000					KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD			
31/12/2025	KC-000003		63.983.334					KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD			
31/12/2025	KC-000004		763.738.888					KC Doanh Thu gia công sang KQ SXKD			
31/12/2025	KC-000005		11.484					KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD			
31/12/2025	KC-000006		873.002.259					KC Giá vốn vào KQ SXKD			
31/12/2025	KC-000007		3.938.800					KC chi phí quản lý nhân viên			
31/12/2025	KC-000008		3.026.667					KC chi phí VPP			
31/12/2025	KC-000009		818.652					KC chi phí ngân hàng			
31/12/2025	KC-000010		43.885.685					KC chi phí phân bổ, khấu hao			
31/12/2025	KC-000011		114.906.617					KC chi phí bằng tiền khác			
31/12/2025	KC-000012		748.518.189					KC Lãi Lỗ KDXS (911)			

Số tiền	TK Nợ	TK Có	Diễn giải	Mã chi tiết	Nội dung chi tiết	Ghi chú	MaLoai:
748.518.189	911	4212	KC Lãi Lỗ KDXS (911)				

Hình ảnh 2.37. Giao diện kết chuyển của phần mềm

Công Ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin
28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
31/01	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	2.727.589	0
31/01	KC-000002	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	836.774.074
31/01	KC-000003	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	19.827
31/01	KC-000004	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	806.296.296	0
31/01	KC-000005	KC chi phí quản lý nhân viên	64221	31.678.067	0
31/01	KC-000006	KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	68.741	0
31/01	KC-000007	KC chi phí thuế phí lệ phí	64224	2.000.000	0
31/01	KC-000008	KC chi phí ngân hàng	64225	103.600	0
31/01	KC-000009	KC chi phí bằng tiền khác	64227	39.550.370	0
31/01	KC-000010	KC chi phí loại trừ	8118	1.804.300	0
31/01	KC-000011	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	47.435.062
28/02	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	52.592.879	0
28/02	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	13.700.000
28/02	KC-000003	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	134.292.593
28/02	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	4
28/02	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	124.770.180	0
28/02	KC-000006	KC chi phí quản lý nhân viên	64221	29.775.520	0
28/02	KC-000007	KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	59.339	0
28/02	KC-000008	KC chi phí ngân hàng	64225	620.000	0
28/02	KC-000009	KC chi phí bằng tiền khác	64227	34.749.581	0
28/02	KC-000010	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	94.574.902
31/03	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	24.871.007	0
31/03	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	6.600.000
31/03	KC-000003	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	60.388.888
31/03	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	12.485
31/03	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	2.261.981	0
31/03	KC-000006	KC chi phí quản lý nhân viên	64221	20.009.489	0
31/03	KC-000007	KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	75.314	0
31/03	KC-000008	KC chi phí ngân hàng	64225	195.000	0
31/03	KC-000009	KC chi phí phân bổ, khấu hao	64226	43.743.699	0
31/03	KC-000010	KC chi phí bằng tiền khác	64227	32.431.776	0
31/03	KC-000011	KC chi phí loại trừ	8118	2.659.066	0
31/03	KC-000012	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	59.245.959
30/04	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	27.248.468	0
30/04	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	12.380.000
30/04	KC-000003	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	44.000.000
30/04	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	5.780
30/04	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	6.969.023	0
30/04	KC-000006	KC chi phí quản lý nhân viên	64221	49.113.800	0
30/04	KC-000007	KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	85.917	0
30/04	KC-000008	KC chi phí ngân hàng	64225	285.000	0

30/04	KC-000009	KC chi phí bằng tiền khác	64227	39.422.749	0
30/04	KC-000010	KC chi phí loại trừ	8118	8.015	0
30/04	KC-000011	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	66.747.192
31/05	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	26.013.174	0
31/05	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	1.100.000
31/05	KC-000003	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	87.257.408
31/05	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	18.006
31/05	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	300.000	0
31/05	KC-000006	KC chi phí quản lý nhân viên	64221	51.613.800	0
31/05	KC-000007	KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	40.866	0
31/05	KC-000008	KC chi phí ngân hàng	64225	2.235.000	0
31/05	KC-000009	KC chi phí bằng tiền khác	64227	37.877.628	0
31/05	KC-000010	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	29.705.054
30/06	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	26.176.752	0
30/06	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	6.900.000
30/06	KC-000003	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	30.029.629
30/06	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	4.254
30/06	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	5.065.740	0
30/06	KC-000006	KC chi phí quản lý nhân viên	64221	49.738.800	0
30/06	KC-000007	KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	80.982	0
30/06	KC-000008	KC chi phí ngân hàng	64225	1.336.962	0
30/06	KC-000009	KC chi phí phân bổ, khấu hao	64226	43.742.812	0
30/06	KC-000010	KC chi phí bằng tiền khác	64227	33.570.206	0
30/06	KC-000011	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	122.778.371
31/07	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	27.097.923	0
31/07	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	79.016.296
31/07	KC-000003	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	61.792.592
31/07	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	18.565
31/07	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	40.050.255	0
31/07	KC-000006	KC chi phí quản lý nhân viên	64221	50.988.800	0
31/07	KC-000007	KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	546.632	0
31/07	KC-000008	KC chi phí ngân hàng	64225	566.335	0
31/07	KC-000009	KC chi phí bằng tiền khác	64227	56.084.456	0
31/07	KC-000010	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	34.506.948
31/08	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	27.120.205	0
31/08	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	3.200.000
31/08	KC-000003	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	49.240.740
31/08	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	5.377
31/08	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	888.889	0
31/08	KC-000006	KC chi phí quản lý nhân viên	64221	68.938.800	0
31/08	KC-000007	KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	494.060	0
31/08	KC-000008	KC chi phí ngân hàng	64225	270.391	0
31/08	KC-000009	KC chi phí bằng tiền khác	64227	32.475.559	0
31/08	KC-000010	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	77.741.787
30/09	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	35.325.609	0
30/09	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	450.000
30/09	KC-000003	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	1.135.518.518
30/09	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	18.025
30/09	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	1.049.722.224	0
30/09	KC-000006	KC chi phí quản lý nhân viên	64221	68.313.800	0
30/09	KC-000007	KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	44.864	0
30/09	KC-000008	KC chi phí ngân hàng	64225	320.900	0
30/09	KC-000009	KC chi phí phân bổ, khấu hao	64226	43.569.327	0

30/09	KC-000010	KC chi phí bằng tiền khác	64227	31.915.278	0
30/09	KC-000011	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	93.225.459
31/10	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	46.192.752	0
31/10	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	21.750.000
31/10	KC-000003	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	188.459.259
31/10	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	28.597
31/10	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	56.411.344	0
31/10	KC-000006	KC chi phí quản lý nhân viên	64221	3.938.800	0
31/10	KC-000007	KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	444.444	0
31/10	KC-000008	KC chi phí ngân hàng	64225	422.396	0
31/10	KC-000009	KC chi phí bằng tiền khác	64227	104.752.475	0
31/10	KC-000010	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	1.924.355
30/11	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	39.799.646	0
30/11	KC-000002	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	47.148.148
30/11	KC-000003	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	61.640.740
30/11	KC-000004	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	21.471
30/11	KC-000005	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	35.555.556	0
30/11	KC-000006	KC chi phí quản lý nhân viên	64221	3.938.800	0
30/11	KC-000007	KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	512.837	0
30/11	KC-000008	KC chi phí ngân hàng	64225	368.100	0
30/11	KC-000009	KC chi phí bằng tiền khác	64227	66.023.493	0
30/11	KC-000010	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	37.388.073
31/12	KC-000001	KC chi phí tài chính	635	40.415.837	0
31/12	KC-000002	KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXK	711	0	779.000
31/12	KC-000003	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	63.983.334
31/12	KC-000004	KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	1.763.738.888
31/12	KC-000005	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	11.484
31/12	KC-000006	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	873.002.259	0
31/12	KC-000007	KC chi phí quản lý nhân viên	64221	3.938.800	0
31/12	KC-000008	KC chi phí VPP	64222	3.026.667	0
31/12	KC-000009	KC chi phí ngân hàng	64225	818.652	0
31/12	KC-000010	KC chi phí phân bổ, khấu hao	64226	43.885.685	0
31/12	KC-000011	KC chi phí bằng tiền khác	64227	114.906.617	0
31/12	KC-000012	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	748.518.189	0
		Tổng cộng phát sinh		5.375.577.144	5.375.577.144
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		5.375.577.144	5.375.577.144
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: Công Ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

[03] Mã số thuế: 0401818963

Mẫu số: B02 - DNN
(Ban hành theo Thông
tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ
Tài chính)

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.709.361.107	3.114.377.039
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		4.709.361.107	3.114.377.039
4. Giá vốn hàng bán	11		3.001.293.747	2.679.931.207
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.708.067.360	434.445.832
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		163.875	296.432
7. Chi phí tài chính	22		376.193.712	315.089.670
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		376.193.712	315.089.670
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.245.711.986	684.136.850
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		86.325.537	(564.484.256)
10. Thu nhập khác	31		779.000	65.000.000
11. Chi phí khác	32		4.471.381	80.454.420
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.692.381)	(15.454.420)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		82.633.156	(579.938.676)
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		82.633.156	(579.938.676)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Phan Văn Minh

Hình ảnh 2.37. Phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN

3.1. Đánh giá về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Về tổ chức chứng từ kế toán

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin em đã nhận thấy được những ưu điểm nổi bật của công ty như sau: Công ty đã sử dụng hệ thống tài khoản đầy đủ theo thông tư 133/2016/TT – BTC của Bộ tài chính. Hệ thống tài khoản, sổ sách được thiết kế đầy đủ, chính xác. Chứng từ kế toán được lập đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, nội dung rõ ràng và được kiểm tra trước khi ghi sổ. Quy trình luân chuyển chứng từ khoa học, đảm bảo tính chính xác và minh bạch của thông tin. Sổ sách kế toán được ghi chép đầy đủ, liên tục và lưu trữ đúng quy định.

3.1.1.2. Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, các vị trí kế toán được phân công nhiệm vụ tương đối rõ ràng. Mỗi bộ phận kế toán phụ trách một phần hành nhất định, giúp công việc được chuyên môn hóa và hạn chế sự chồng chéo trong quá trình xử lý nghiệp vụ. Sự phối hợp giữa các bộ phận kế toán với các bộ phận liên quan như kho, kinh doanh được thực hiện khá thường xuyên, đặc biệt trong việc luân chuyển chứng từ nhập – xuất hàng hóa và thu – chi tiền mặt.

3.1.1.3. Về kế toán doanh thu, thu nhập

Về công tác kế toán doanh thu, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được công ty ghi tương đối đúng thời điểm phát sinh và tuân thủ các nguyên tắc kế toán hiện hành. Các khoản doanh thu được phản ánh đầy đủ trên sổ sách kế toán và báo cáo tài chính.

Công ty sử dụng hóa đơn điện tử và phần mềm kế toán Trí Việt có giao diện thân thiện, dễ sử dụng và phù hợp với quy mô doanh nghiệp. Việc sử dụng phần mềm giúp kế toán xử lý dữ liệu, giảm thiểu sai sót so với phương pháp thủ công, đồng thời hỗ trợ lập báo cáo tài chính và kết xuất dữ liệu phục vụ công tác, góp phần nâng cao tính chính xác và hiệu quả trong công tác hạch toán doanh thu.

3.1.1.4. Về kế toán chi phí

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp được theo dõi và phản ánh rõ ràng trên hệ thống tài khoản kế toán. Đa số các khoản chi đều có đầy đủ chứng từ hợp lệ, đảm bảo tính hợp lý và hợp pháp. Giá vốn hàng bán được xác định theo phương pháp phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty.

3.1.1.5. Về kế toán xác định kết quả kinh doanh

Số liệu về doanh thu, chi phí và lợi nhuận được đối chiếu thường xuyên giữa các sổ kế toán chi tiết, sổ cái và báo cáo tài chính, góp phần nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán.

Kết quả kinh doanh được xác định tương đối nhanh chóng và chính xác, giúp Ban Giám đốc nắm bắt được tình hình hoạt động của doanh nghiệp từ đó đưa ra các quyết định quản lý, điều hành phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, công tác kế toán tại Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục như:

3.1.2.1. Về tổ chức chứng từ kế toán

Đôi khi vẫn còn tình trạng chậm trễ trong việc luân chuyển chứng từ. Xác nhận hoàn thành khối lượng từ các đội kỹ thuật về phòng kế toán. Điều này dẫn đến việc xuất hóa đơn và ghi nhận doanh thu bị chậm so với thực tế phát sinh.

3.1.2.2. Về tổ chức bộ máy kế toán

Mặc dù bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung và có sự phân công nhiệm vụ tương đối rõ ràng, tuy nhiên số lượng nhân viên kế toán còn hạn chế nên vào những thời điểm khối lượng công việc tăng cao, đặc biệt là cuối tháng hoặc cuối năm tài chính, một số nhân viên phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau, làm tăng áp lực trong quá trình xử lý nghiệp vụ.

3.1.2.3. Về kế toán doanh thu, thu nhập

Mặc dù công tác ghi nhận doanh thu được thực hiện tương đối đầy đủ và đúng quy định, tuy nhiên việc theo dõi doanh thu chủ yếu mới tập trung theo từng hóa đơn phát

sinh mà chưa phân tích chi tiết theo từng hợp đồng, từng nhóm khách hàng. Điều này gây khó khăn trong việc đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng hoạt động cụ thể của công ty. Hiện nay công ty chủ yếu thực hiện hoạt động bán hàng theo hình thức bán hàng thông qua hợp đồng kinh tế hoặc đơn đặt hàng từ các tổ chức, doanh nghiệp. Phương thức này tuy phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty nhưng còn khá đơn giản, chưa đa dạng về kênh phân phối cũng như hình thức tiếp cận khách hàng

3.1.2.4. Về kế toán chi phí

Công tác kiểm soát chi phí phát sinh trong quá trình thi công, lắp đặt và bảo trì thang máy còn phụ thuộc nhiều vào chứng từ do các bộ phận liên quan cung cấp. Trong một số trường hợp, chứng từ chuyển về phòng kế toán chưa kịp thời, ảnh hưởng đến việc cập nhật và theo dõi chi phí phát sinh.

3.1.2.5. Về kế toán xác định kết quả kinh doanh

Mặc dù công tác đối chiếu số liệu giữa sổ chi tiết, sổ cái và báo cáo tài chính được thực hiện thường xuyên, tuy nhiên việc kiểm tra chủ yếu tập trung vào cuối kỳ kế toán nên khối lượng công việc khá lớn, dễ gây áp lực cho bộ phận kế toán.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin.

Trong thời gian thực tập tại công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin, dựa trên kiến thức đã học và quá trình thực tìm hiểu thực tế tại đơn vị em xin đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán cũng như công tác quản lý của công ty trong thời gian vừa qua.

Đầu tiên, đối với khoản thu nhập khác

Trên dữ liệu của cơ quan thuế đã nộp xong rồi về bằng 0 nghĩa là đang thừa tiền cụ thể là 779.000, mà trên hệ thống thuế thì mình không thừa. Trên sổ sách do nhập bị sai sót bị thừa 779.000 nên hạch toán 711 cho về bằng 0 để khớp với dịch vụ công trên dữ liệu của cơ quan thuế .

Kế toán cần phải lập tờ khai bổ sung điều chỉnh chứ kế toán không được đưa vào 711

Tiếp theo, phân bổ chi phí

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN
Năm 2025

CT	TRÍCH YẾU	Thời gian bắt đầu phân bổ	Nguyên giá	Số tháng	Giá trị còn lại	Giá trị phân bổ 1 tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Giá trị còn lại chuyển năm sau	Ghi chú	Q1	Q2	Q3	Q4	
6	Chi tiền mua BH tại nạn HD 2501	01/2024	7.687.000	12	-	640.583													-	-	-	-	-	-	
6	Lắp xe HD 151	04/2024	3.518.519	18	1.759.260	195.473	195.473	195.473	195.473	195.473	195.473	195.473	195.473	195.473	195.473	195.473			-	586.420	586.420	586.420	-	-	
6	Nắn hình, chuột máy tính cho VP HD 22	09/2024	9.736.364	24	8.113.637	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	405.682	3.245.455	1.217.046	1.217.046	1.217.046	1.217.046		
7	Bộ CPU máy tính văn phòng HD 25	09/2024	9.272.728	24	7.727.273	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	386.364	3.090.909	1.159.091	1.159.091	1.159.091	1.159.091		
7	Bộ bàn ghế văn phòng HD 5	09/2024	30.012.500	36	26.677.778	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	833.681	16.673.611	2.501.042	2.501.042	2.501.042	2.501.042		
7	Lắp đặt hệ thống camera cho văn phòng HD 24	11/2025	10.833.334	24	10.833.334	451.389												451.389	9.930.556		-	-	-	902.778	
	Điểm định xa	07/2025	4.153.000	36	4.153.000	115.361				115.361	115.361	115.361	115.361	115.361	115.361	115.361	115.361	115.361	3.114.750		-	346.083	346.083	346.083	
	Tổng Công Chi Phí Bộ Phận Quản Lý TK6422		79.377.081		89.968.221		1.994.684	1.994.684	1.994.684	2.110.045	1.936.660	1.936.660	1.936.660	1.936.660	1.936.660	1.936.660	1.741.087	2.192.476	2.192.476	36.066.281	0	5.984.063	5.983.166	5.809.681	6.126.039
	Tổng Công Chi Phí Bộ Phận Khách sạn TK 1543		0		0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tổng Công Chi Phí Bộ Phận Sản Xuất TK184		0		0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	TỔNG CỘNG		79.377.081		89.968.221		1.994.684	1.994.684	1.994.684	2.110.045	1.936.660	1.936.660	1.936.660	1.936.660	1.936.660	1.936.660	1.741.087	2.192.476	2.192.476	36.066.281	0	5.984.063	5.983.166	5.809.681	6.126.039

Phân bổ theo tháng nhưng kế toán lại hạch toán vào phần mềm theo quý nhằm đơn giản hóa vấn đề, đỡ mất thời gian hơn và dễ dàng hạch toán.

Kế toán cần phải nhập theo tháng cho đúng quy trình

Tiếp đến, khoản bảo hiểm xã hội công ty chỉ đưa vào 1 tài khoản đó là 3383 cho BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ. Công ty nên mở chi tiết các tài khoản bảo hiểm theo từng nội dung cụ thể BHXH là 3383, BHYT là 3384, KPCĐ là 3382 và BHTN là 3386.

Cuối cùng, khoản thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng doanh nghiệp không ghi vào sổ 821 cụ thể là 7.200.000

KẾT LUẬN

Sau khi trải qua quá trình thực tập tại công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin, và những kiến thức em học được trên ghế nhà trường thì em thấy rằng việc thực tế ngoài kia họ làm và những kiến thức lý thuyết mà em đã học là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau. Nhưng lại giúp em biết thêm được những kiến thức bổ ích. Qua đợt thực tập này thì em thấy được đội ngũ nhân viên nhiệt tình, năng động với công việc đã giúp công ty rất nhiều trong quá trình sản xuất kinh doanh, góp phần làm cho công ty ngày càng vững mạnh và có chỗ đứng trên thị trường.

Qua quá trình nghiên cứu đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin”, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò vô cùng quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Đây là cơ sở để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh thực chất năng lực kinh doanh cũng như khẳng định vị thế của doanh nghiệp trên thị trường.

Điều đó đòi hỏi bộ máy quản lý phải có đầy đủ kiến thức chuyên môn về kinh tế, tổ chức và quản lý nhằm xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp và lâu dài cho công ty. Trong đó, kế toán giữ vai trò đặc biệt quan trọng vì là công cụ cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính cần thiết, kịp thời và chính xác cho Ban giám đốc trong quá trình quản lý và đưa ra quyết định kinh doanh. Vì vậy, việc tổ chức hạch toán kế toán một cách khoa học, hợp lý, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, có ý nghĩa rất lớn đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin.

Em rất mong muốn được đóng góp một phần nhỏ vào việc hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin, sau quá trình học tập, nghiên cứu lý luận kết hợp với tìm hiểu thực tế tại công ty, em đã mạnh dạn trình bày những nội dung cơ bản về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, đề tài đã nêu lên những mặt tích cực cũng như đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán tại công ty. Em kính mong nhận được sự góp ý của quý thầy, cô để hoàn thiện hơn đề tài nghiên cứu này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.

Các chứng từ, tài liệu của công ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin

Các văn bản: Luật kế toán, các Thông tư và Nghị định.

Các bài khoá luận tốt nghiệp trên thư viện Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

PHỤ LỤC

Quy trình ghi sổ tài khoản 5113

Bước 1: Kế toán tổng hợp tiến hành nhập hóa đơn vào phần mềm Trí Việt

Trình tự nhập số liệu như sau: Vào kế toán bán hàng và công nợ phải thu => Cập nhật số liệu => Hóa đơn bán hàng, dịch vụ => Nhập dữ liệu vào phần mềm. Sau đó phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ nhật ký chung, sổ cái 511,131 sổ chi tiết 5113, 33311

Bấm vào thêm trên phần mềm để nhập dữ liệu mới

Ngày chứng từ 30/09/2025

Số chứng từ: Phần mềm tự động cập nhật số mỗi lần nhập kế tiếp

Đối tượng: Công ty TNHH Đầu Tư Huy Phát

Diễn giải: Bán hàng hóa đơn 170

Sau khi nhập đầy đủ thông tin bấm quay ra phần mềm tự động lưu và cập nhật vào các sổ nhật ký chung (trang 51), sổ cái 511, 131, sổ chi tiết 5113, 33311.

Bước 2: Tiến hành in phiếu => Kết xuất => Mẫu in. Kế toán in phiếu kế toán vừa lập

Bước 3: Vào sổ chi tiết tài khoản 5113

Phụ lục 01: Quy trình ghi sổ tài khoản 5113

Quy trình ghi sổ đối với chi phí lương

Bước 1: Vào kế toán tổng hợp => Cập nhật số liệu => Phiếu kế toán => Chọn ngày, tháng muốn xem

Bước 2: Phần mềm sẽ hiện ra các phiếu trước đó

Để thêm phiếu bấm thêm => Phần mềm sẽ hiện ra phiếu mới. Sau đó nhập thông tin và số liệu vào các vị trí đã được thiết lập sẵn trong phần mềm.

Ngày lập phiếu: 30/09/2025

Số phần mềm tự động nhảy số cho mỗi lần nhập kế tiếp

Diễn giải: Trích lương ăn ca vào phí

Bước 3: Sau khi nhập xong dữ liệu bấm quay ra hệ thống tự động lưu, và phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ liên quan, sổ nhật ký chung trang 51, sổ cái 154, sổ chi tiết 1542, sổ chi tiết 334

Bước 4: Để xem được sổ cái tài khoản 154 ta chọn kế toán tổng hợp ở phía trên thanh công cụ, sau đó kích chọn => Sổ cái => Chọn ngày.

Phụ lục 02: Quy trình ghi sổ đối với chi phí lương

Quy trình ghi sổ đối với chi phí phân bổ

Bước 1: Vào kế toán tổng hợp => Cập nhật số liệu => Phiếu kế toán

Bước 2: Phần mềm sẽ hiện ra các phiếu trước đó

Để thêm phiếu bấm thêm => Phần mềm sẽ hiện ra phiếu mới. Sau đó nhập thông tin và số liệu vào các vị trí đã được thiết lập sẵn trong phần mềm.

Ngày lập phiếu: 30/09/2025

Số phần mềm tự động nhảy số cho mỗi lần nhập kế tiếp

Diễn giải: Trích khấu hao TSCĐ vào chi phí

Bước 3: Sau khi nhập xong dữ liệu bấm quay ra hệ thống tự động lưu, phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ liên quan, sổ nhật ký chung trang 51, sổ cái 154, sổ chi tiết 1543

Phụ lục 03: Quy trình ghi sổ đối với chi phí phân bổ 1543

Quy trình ghi sổ đối với chi phí phân bổ

Bước 1: Vào kế toán tổng hợp => Cập nhật số liệu => Phiếu kế toán

Bước 2: Phần mềm sẽ hiện ra các phiếu trước đó

Để thêm phiếu bấm thêm => Phần mềm sẽ hiện ra phiếu mới. Sau đó nhập thông tin và số liệu vào các vị trí đã được thiết lập sẵn trong phần mềm.

Ngày lập phiếu: 30/09/2025

Số phần mềm tự động nhảy số cho mỗi lần nhập kế tiếp

Diễn giải: Trích khấu hao TSCĐ vào chi phí

Bước 3: Sau khi nhập xong dữ liệu, hệ thống tự động lưu, và phần mềm sẽ tự động cập nhật lên các sổ liên quan, sổ nhật ký chung trang 51, sổ cái 642, sổ chi tiết 64226.

Phụ lục 04: Quy trình ghi sổ đối với chi phí phân bổ 64226

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN**28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ****SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN****Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025****Tài khoản 1541 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp****Mẫu số: S03a-DNN**

(Ban hành theo TT số

133/2016/TT-BTC ngày

26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Chứng từ		MÃ KH	KH	Diễn giải	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
Ngày	Số CT					Nợ	Có
				Tồn đầu kỳ		1.277.886.833	0
...	...			...	...	...	...
20/06	141	131-HN808	Nguyễn Hoài Nam	Xuất vật tư lắp đặt thang máy Nguyễn Hoài Nam HD 141	152	231.018.519	0
24/06	74			Xuất vật tư sửa bộ nguồn UPS Huy Phát HD 74+84	152	1.388.888	0
30/06	KC			Kết chuyển giá vốn sửa nguồn Huy Phát HD 74+84	632	0	1.388.888
...	...	...	...	...	...	...	...
12/09	143			Kết chuyển giá vốn lắp đặt thang máy CTR Trần Anh Tuấn	632	0	231.018.519
...	...	...	...	...	...	...	...
11/10	6565	331-HS231	Công ty TNHH Thang Máy – Kỹ Thuật Điện Hi Sa	Cung cấp thang máy HĐ 6565	331	250.540.741	0
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	000245			Xuất vật tư	152	196.296.296	0
31/12	000245			Xuất vật tư	152	213.504.630	0
31/12	000245			Xuất vật tư	152	247.870.370	0
31/12	KC			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	830.510.200
				Tổng cộng phát sinh		3.748.554.047	2.632.765.788
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		3.748.554.047	2.632.765.788
				Số dư cuối kỳ		2.393.675.092	
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2025. Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)			

Phụ lục 05: Sổ chi tiết tài khoản 1541

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN
28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Mẫu số: S03a-DNN
 (Ban hành theo TT số
 133/2016/TT-BTC ngày
 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản 1542 - Chi phí nhân công trực tiếp

Chứng từ		MÃ KH	KH	Diễn giải	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
Ngày	Số CT					Nợ	Có
				Tồn đầu kỳ		271.427.040	0
...	...			...	...	...	...
31/05	BHXXH			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	1.896.300	0
31/05	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	58.600.000	0
...	...			...	...	...	...
31/08	BHXXH			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	1.896.300	0
31/08	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	50.200.000	0
12/09	141			Kết chuyển giá vốn lắp đặt thang máy CTR Nguyễn Hoài Nam	632	0	20.000.000
12/09	143			Kết chuyển giá vốn lắp đặt thang máy CTR Trần Anh Tuấn	632	0	30.000.000
...	...			...	...	...	...
30/09	BHXXH			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	1.896.300	0
30/09	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	46.600.000	0
...	...			...	...	...	...
31/12	BHXXH			Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	1.896.300	0
31/12	KC			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	15.000.000
31/12	LUONG			Trích lương, ăn ca vào phí	334	58.850.000	0
				Tổng cộng phát sinh		532.521.321	225.000.000
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		532.521.321	225.000.000
				Số dư cuối kỳ		578.948.361	0
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)			

Phụ lục 06: Sổ chi tiết tài khoản 1542

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN
28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Mẫu số: S03a-DNN
 (Ban hành theo TT số
 133/2016/TT-BTC ngày
 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản 1543 - Chi phí sản xuất chung

Chứng từ		Mã KH	KH	Diễn giải	TKĐ U'	SỐ TIỀN	
Ngày	Số CT					Nợ	Có
				Tồn đầu kỳ		16.172.026	0
...	...	...	...	...	...	...	...
30/06	PB			Phân bổ chi phí trả trước	2421	6.430.488	0
...	...	...	...	...	...	...	...
30/09	PB			Trích KHTSCD vào phí	2421	6.881.756	0
...	...	...	...	...	...	...	...
25/11	377	331-GA257	Công Ty Cổ Phần Kiểm Định An Toàn Quốc Tế AIGA	Kiểm định thang máy HD 377	331	1.851.852	0
28/11	1866	331-PNT	Công ty TNHH Phát Triển PNT Việt Nam	Bảo trì thang máy HD 1866	331	24.166.668	0
03/12	00000 023	331-XN334	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuân Nhung	Cước vận chuyển thang và khung sắt HD 00000023	331	10.000.000	0
22/12	34377	331-BV003	Công Ty Bảo Việt Đà Nẵng	Bảo hiểm Trách nhiệm HD 34377	331	8.181.818	0
31/12	KC			Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	15.000.000
31/12	PB			Trích KHTSCD vào phí	2421	4.039.203	
				Tổng cộng phát sinh		96.037.832	31.718.520
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		96.037.832	31.718.520
				Số dư cuối kỳ		80.491.338	0
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày 31 tháng 12 năm 2025 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)			

Phụ lục 07: Sổ chi tiết tài khoản 1543

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN
28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo TT số
133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
Ngày	Số CT			Nợ	Có
		Tồn đầu kỳ		1.565.485.899	0
...	...	...	...	...	...
30/09	BHXXH	Trích BHXXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	1.896.300	0
30/09	LUONG	Trích lương, ăn ca vào phí	334	46.600.000	0
30/09	PB	Trích KHTSCD vào phí	2421	6.881.756	0
...	...	...	...	...	...
11/10	6565	Cung cấp thang máy HĐ 6565	331	250.540.741	0
...	...	...	...	...	...
31/12	BHXXH	Trích BHXXH, BHYT, KPCD vào phí	3383	1.896.300	0
31/12	KC	Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	15.000.000
31/12	KC	Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	15.000.000
31/12	KC	Kết chuyển chi phí sản xuất	632	0	830.510.200
31/12	LUONG	Trích lương, ăn ca vào phí	334	58.850.000	0
31/12	PB	Trích KHTSCD vào phí	2421	4.039.203	0
		Tổng cộng phát sinh		4.377.113.200	2.889.484.308
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		4.377.113.200	2.889.484.308
		Số dư cuối kỳ		3.053.114.791	0
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Ngày 31 tháng 12 năm 2025.	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		Giám đốc	
				(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Phụ lục 08: Sổ cái 154

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thương Máy Niêm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHỈ TIẾT TÀI KHOẢN
Năm 2025
Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
...	...	...	...	...	...	...	...
25/02	68607	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	12.530.143	0
26/02	70782	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	6.507.761	0
28/02	000055	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi tài khoản DD/A	11213	0	13.358
28/02	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	52.592.879
...	...	...	...	...	...	...	...
25/07	0000082	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	953.424	0
25/07	0000083	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	381.370	0
25/07	0000084	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	476.713	0
25/07	0000085	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	357.534	0
25/07	0000086	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	696.000	0
25/07	0000087	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	381.370	0
25/07	0000088	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	trả lãi	11213	371.836	0
...	...	...	...	...	...	...	...
27/10	0000022	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	762.740	0
...	...	...	...	...	...	...	...
27/12	0000143	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	90.120	0
27/12	0000144	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	643.720	0
27/12	0000145	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	361.620	0
27/12	0000146	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	715.244	0
27/12	0000147	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	16.198.810	0
27/12	0000148	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	452.166	0
27/12	0000149	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	949.549	0
27/12	0000150	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	953.661	0
27/12	0000151	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	209.391	0
27/12	0000152	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	394.618	0
27/12	0000153	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	743.855	0
27/12	0000154	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	284.125	0
27/12	0000155	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	904.332	0
27/12	0000156	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	309.688	0
27/12	0000157	VTB	Ngân Hàng Vietinbank	Trả lãi	11213	1.418.775	0
31/12	KC-000001			KC chi phí tài chính	911	0	40.415.837
				Tổng cộng phát sinh		376.193.712	376.193.712
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		376.193.712	376.193.712
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Phan Văn Minh

Phụ lục 09: Sổ chỉ tiết tài khoản 635

CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIỀM TIN
28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo TT số
133/2016/TT-BTC ngày
26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Tài khoản 711 - Thu nhập khác

Chứng từ		Mã KH	KH	Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số CT					Nợ	Có
				Tồn đầu kỳ		0	0
31/12	TT			Tiền thuế GTGT đầu ra đã tất toán	33311	0	779.000
31/12	KC-000002			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	911	779.000	
				Tổng cộng phát sinh		779.000	779.000
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		779.000	779.000
				Số dư cuối kỳ		0	0
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		Giám đốc			
				(Ký, họ tên, đóng dấu)			

Phụ lục 10: Sổ chi tiết tài khoản 711

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thang Máy Niềm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

PHIẾU KẾ TOÁN

Số CT: 170
CT gốc:

Ngày 30 tháng 09 năm 2025

Tên đối tượng Công Ty TNHH Đầu Tư Huy Phát
Địa chỉ 02 Thoại Ngọc Hầu, Phường Cẩm Phô, TP Hội An, Tỉnh Quảng Nam
Lý do Cung cấp dịch vụ HĐ 170

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Số tiền
1	Cung cấp dịch vụ HĐ 170	131	5113	2.800.000
2	Thuế GTGT đầu ra	131	33311	224.000
	Tổng cộng			3.024.000

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Phan Văn Minh

Phụ lục 11: Phiếu kế toán 170

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

PHIẾU KẾ TOÁN Số CT: **LUONG**
Ngày 30 tháng 09 năm 2025 CT gốc:

Lý do: Trích lương, ăn ca vào phí

Ghi nợ	ĐT ghi nợ	Ghi có	ĐT ghi có	Diễn giải	Số tiền
64221		334		Trích lương, ăn ca vào phí	64.375.000
1542		334		Trích lương, ăn ca vào phí	46.600.000
				Tổng cộng	110.975.000

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Người lập biểu (Ký, họ tên)

Phan Văn Minh

Phụ lục 12: Phiếu kế toán lương

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

PHIẾU KẾ TOÁN Số CT: **THUE**
Ngày 01 tháng 01 năm 2025 CT gốc:

Lý do: Thuế môn bài

Ghi nợ	ĐT ghi nợ	Ghi có	ĐT ghi có	Diễn giải	Số tiền
64224		3339		Thuế môn bài	2.000.000
				Tổng cộng	2.000.000

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Người lập biểu (Ký, họ tên)

Phan Văn Minh

Phụ lục 13: Phiếu kế toán thuế môn bài

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

PHIẾU KẾ TOÁN Số CT: **0000064**
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 CT gốc:

Tên đối tượng Ngân Hàng Vietinbank
Địa chỉ
Lý do Tra lại tại khoản DDA

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Số tiền
1	Tra lại tại khoản DDA	11213	515	10.083
	Tổng cộng			10.083

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Người lập phiếu (Ký, họ tên)

Phan Văn Minh

Phụ lục 14: Phiếu kế toán 64

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Chi nhánh Branch: 49098-CN SONG HAN - HOI SO

VietinBank
Số No: KS_SK_251231_6768

SAO KÊ CHI TIẾT GIAO DỊCH TRANSACTIONS STATEMENT

Từ ngày 01-12-2025 Đến ngày: 31-12-2025
From date 01-12-2025 to date 31-12-2025

Kính gửi quý khách hàng Dear Customer: CÔNG TY TNHH MTV THANG MÂY NIEM TIN
Địa chỉ Address: 08 NGUYỄN QUANG ĐIỀU P HOA XUAN, QUAN CAM LE, TP DA NANG, VIET NAM
VietinBank xin trân trọng thông báo Sao kê giao dịch Tài khoản số: 111678599999 của quý khách hàng như sau:
We would like to inform your transaction statement as follow:

Loại tiền tệ Currency: VND

STT No	Ngày giao dịch Date Time	Mô tả giao dịch Transaction Comment	Nợ Debit	Có Credit	Số dư cuối Balance	Tên đối ứng Offset Name	Số giao dịch Reference No
Số dư đầu kỳ/Beginning Balance					261,563,666		
1	2025-12-01 12:29:16	CT nhánh 247 đến: HO THANH LIEM Chuyển tiền	0	140,000,000	401,563,666	HO THANH LIEM - A/C: 8823004999	490T25C00CSU3HG
2	2025-12-03 15:37:42	Thang mây Niem Tin thanh toán tiền vận chuyển hàng may theo hóa đơn số 23	10,800,000	0	390,763,666	CÔNG TY TNHH THUONG MAI DỊCH VỤ XUÂN NHUNG - A/C: 111002629322	20akQ-857QmyZ4d
3	2025-12-03 15:38:33	490A25C03VZ26JKW/Thang mây Niem Tin thanh toán tiền dịch vụ theo biên bản nghiệm thu số 022025NT/STNV-TMNT	36,720,000	0	354,043,666	CTY CP TMDV STNV GROUP - A/C: 95148888	490A25C03VZ26JKW
4	2025-12-03 15:40:57	Tải khoản vay 801007163088, Số tiền gốc: 200,000,000 VND, Lãi cộng dồn: 254,246 VND, Số tiền trả lại phát: 0 VND, Phí trả nợ trước hạn: 0 VND	200,254,246	0	153,789,420	CÔNG TY TNHH MTV THANG MÂY NIEM TIN - A/C: 801007163088	3gFNy-857R08uvz
5	2025-12-03 15:46:47	Tra nợ khoản vay 806007168816, Gốc: 130,000,000 VND, Lãi: 265,369 VND	130,265,369	0	23,524,051	CÁC KHOAN KHACH HANG TRA TRUOC VE NO LAI CHO THANH TOAN - A/C: 224110659	
6	2025-12-04 16:27:00	Cty Toan Cau thanh toán phần còn lại HD sửa chữa và thay thế vật tư thang máy	0	13,334,000	36,858,051	CT TNHH ĐẦU TƯ KHÁCH SAN TOAN CAU - A/C: 111000190216	2Keg2-8590KK6Xw
7	2025-12-05 18:33:22	Chuyển tiền đến từ NAPAS Nội dung: THANH TOAN THAY VAT TU THANG MAY HEN HOME, 241 VO AN NINH-051225-183322 580356	0	1,980,000	38,838,051	PHAM MINH TUAN - A/C: 4919607	490S25C07CN1M6H
8	2025-12-05 23:17:11	Thu gốc: 37000000 VND - Thu lãi: 41315 VND - Thu lệ phí: VND - Thu phí: VND	36,958,685	0	1,879,366	CÔNG TY TNHH MTV THANG MÂY NIEM TIN - A/C: 806007168816	
9	2025-12-06 08:49:55	CT nhánh 247 đến: PHAN VAN MINH chuyển tiền	0	10,000,000	11,879,366	PHAN VAN MINH - A/C: 3050100088868	490T25C08BX5DFR0
10	2025-12-06 14:37:29	HUY TAM THANH TOAN BAO TRI THANG MAY CTY THANG MÂY MIEN TIN	0	700,000	12,579,366	CTY TNHH DT HUY TAM - A/C: 115687888888	32esu-858vm17Dg
11	2025-12-09 15:30:08	999825C00R8FUJ4PCTY VTD TTCP BAO TRI THANG MAY VPON HD SO 236	0	756,000	13,335,366	CTY TNHH PHÁT TRIỂN KỸ THUẬT VIỆT NAM - A/C: 2200641697	999825C00R8FUJ4P
12	2025-12-09 17:04:54	Số GD: 490A25C00LXLQH5D thang mây niem tin tam ung cong tinh 79532025	29,184	0	13,306,182	TRONG NUOC - CHIU THUẾ GTGT - A/C: 402150100	490A25C00LXLQH5D

Tra cứu tại eFAST Search in website : <https://efast.vietinbank.vn>

81	2025-12-30 14:37:50	490A25C1E7R0A69W/Thang mây Niem Tin thanh toán hóa đơn 1169	2,818,800	0	55,579,526	CTY TNHH IN KIEN. VN - A/C: 176788499	490A25C1E7R0A69W
82	2025-12-30 16:10:20	TUT THANH TOAN LAP DAT HE THONG CAP CTY THANG MÂY MIEN TIN	0	9,037,500	64,617,026	CTY TNHH MTV TUT HOI AN - A/C: 112002908584	3b1dy-85mXHW4zH
83	2025-12-30 17:04:29	KY ANH THANH TOAN BAO TRI THANG MAY NIEM TIN	0	10,584,000	75,201,026	CTY TNHH ĐẦU TƯ KY ANH - A/C: 110608178666	3p3cu-85mapOMAh
84	2025-12-31 02:02:49	Tra lại tài khoản DDA	0	10,083	75,211,109		
85	2025-12-31 11:01:49	HUY QUAN THANH TOAN THANG MÂY NIEM TIN	0	23,144,000	98,355,109	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ HUY QUAN - A/C: 110671277777	2BJbo-85njNz72m
86	2025-12-31 12:00:44	Chuyển tiền đến từ NAPAS Nội dung: Rosemary Thanh toán bảo trì thang máy T10+T11	0	3,024,000	101,379,109	MBBANK IBFT - A/C: 3301100055555	490S25C1FPK52UGD
87	2025-12-31 13:27:23	CT nhánh 247 đến: PHUOC NGUYEN TT bao dưỡng T10;11	0	1,296,000	102,675,109	CÔNG TY TNHH DL & DV PHUOC NGUYEN - A/C: 0651000790586	490T25C1FSX0K6Z4
88	2025-12-31 13:50:38	Chuyển tiền đến từ NAPAS Nội dung: MV TT PROJ THAY THE VAT TU CHI HO CTY CP LƯA HƠI AN THEO HD 186-TT.25HDVT-SILK-NIEM TIN-D011	0	28,576,800	131,251,909	CÔNG TY CỔ PHẦN MVLAGE - A/C: 053813	490S25C1FTU8ZVA7
89	2025-12-31 15:41:00	490B25C1FY40AQ4D/THANH TOAN TIEN BAO TRI THANGMAY THEO HD 1491.25 NGÀY 02/1/2025	0	4,536,000	135,787,909	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHU CÔNG NGHIỆP HOA CAM - A/C: DD107000087014	490B25C1FY40AQ4D
90	2025-12-31 18:46:11	999825C1G5AK1YSWCTY LƯA HƠI AN CT CN T8.2025	0	1,512,000	137,299,909	CTY TNHH LƯA HƠI AN - A/C: 5660297046	999825C1G5AK1YSW
Số dư cuối kỳ/Ending balance					137,299,909		
Doanh số phát sinh kỳ báo cáo/ reported period			Total of	1,981,239,140	1,856,975,383		

Quý Khách hàng (KH) vui lòng kiểm soát, đối chiếu số dư tài khoản trên sao kê chi tiết giao dịch của mình với VietinBank. Nếu có sai lệch KH liên hệ với VietinBank trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận sao kê tài khoản để xác minh, đối chiếu. Nếu quá thời hạn trên mà không nhận được phản hồi của Quý KH thì số dư trên được coi là chính xác.

Chi nhánh Branch
Chữ ký số E-signature

Signature Valid

Được ký bởi : NH TMCP Công Thương VN - CN

SONG HAN

Ngày ký: 31/12/2025

Phụ lục 15: Sao kê ngân hàng tháng 12/2025

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Chi nhánh Branch: 49098-CN SONG HAN - HOI SO

VietinBank
Số No: KS_SK_251031_10537

SAO KÊ CHI TIẾT GIAO DỊCH TRANSACTIONS STATEMENT

Từ ngày 01-10-2025 Đến ngày: 31-10-2025
From date 01-10-2025 to date 31-10-2025

Kính gửi quý khách hàng Dear Customer: CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN
Địa chỉ Address: 08 NGUYEN QUANG DIEU P HOA XUAN, QUAN CAM LE, TP DA NANG, VIET NAM
VietinBank xin trân trọng thông báo Sao kê giao dịch Tài khoản số: 111678599999 của quý khách hàng như sau:
We would like to inform your transaction statement as follow:

Loại tiền tệ Currency: VND

STT	Ngày giao dịch	Mô tả giao dịch	Nợ	Có	Số dư cuối	Tên đối ứng	Số giao dịch
No	Date Time	Transaction Comment	Debit	Credit	Balance	Offset Name	Reference No
Số dư đầu kỳ/beginning Balance					41,511,179		
1	2025-10-01 14:53:22	CT nhánh 247 den: PHAN VAN MINH chuyển tien	0	20,000,000	61,511,179	PHAN VAN MINH – A/C: 3050100068658	490T25A00JD3XJJ5
2	2025-10-01 15:50:37	490A25A00LLQN9CM/Thang may Niem Tin thanh loan tien vat tu thang may	2,264,800	0	59,246,379	CTY TNHH XNK THANG MAY WIN STAR VN – A/C: 1032067422	490A25A00LLQN9C
3	2025-10-01 15:50:37	So GD: 490A25A00LLQN9CM Thang may Niem Tin thanh loan tien vat tu thang may	22,000	0	59,224,379	THU PHI DỊCH VỤ NGAN HANG DIEN TU - CHIU THUE GTGT – A/C: 402140100	490A25A00LLQN9C
4	2025-10-01 17:06:44	nhân tien vay	0	210,000,000	269,224,379	CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN – A/C: 807007429105	
5	2025-10-01 17:11:59	So GD: 490A25A00PS5VLN4 Thang may Niem Tin thanh loan tien ung thang may theo hop dong 58762025/hdkd-hs	30,136	0	269,194,243	THU PHI CHUYEN TIEN TRONG NUOC - CHIU THUE GTGT – A/C: 402150100	490A25A00PS5VLN4
6	2025-10-01 19:22:15	490A25A00UJ6JPT1/Thang may Niem Tin thanh loan tien kiem dinh thang may	21,800,000	0	247,394,243	CTCP KIEM DINH AN TOAN QUOC TE AIGA – A/C: 19129747836012	490A25A00UJ6JPT1
7	2025-10-01 19:22:15	So GD: 490A25A00UJ6JPT1 Thang may Niem Tin thanh loan tien kiem dinh thang may	22,000	0	247,372,243	THU PHI DỊCH VỤ NGAN HANG DIEN TU - CHIU THUE GTGT – A/C: 402140100	490A25A00UJ6JPT1
8	2025-10-01 19:22:57	Thang may Niem Tin thanh loan tien vat tu thang may	1,134,000	0	246,238,243	CT CP TAP DOAN DAT – A/C: 113002932713	UoeG-83Zq2qC06
9	2025-10-02 09:23:48	Giem doc rut tien	210,000,000	0	36,238,243	PHAN VAN MINH – A/C: 109870203291	36mcu-83aj7AI29
10	2025-10-02 15:19:07	CT nhánh 247 den: cong thanh thanh loan thang may dot 2 sty thang may niem tin	0	150,000,000	186,238,243	CÔNG TY CO PHAN IN CONG THANH – A/C: 1059515888	490T25A027AQH85T
11	2025-10-02 16:08:43	CT nhánh 247 den: PHAN VAN MINH chuyển tien	0	200,000,000	386,238,243	PHAN VAN MINH – A/C: 3050100068658	490T25A02987C4C1
12	2025-10-02 16:23:53	Tat loan khoan vay 809007033880, So tien goc: 245,000,000 VND, Lai cong don: 272,521 VND, So tien tra lai phat: 0 VND, Phi tra no truooc han: 0 VND	245,272,521	0	140,965,722	CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN – A/C: 809007033880	2QR5Q-83bAcvSVD
13	2025-10-03 23:21:49	Thu gốc: 75000000 VND + Thu lãi: 95342 VND + Thu phí phạt: VND + Thu phí: VND	75,095,342	0	65,870,380	CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN – A/C: 803007036501	
14	2025-10-07 14:25:03	CT nhánh 247 den: PHAN VAN MINH chuyển tien	0	1,400,000,000	1,465,870,380	PHAN VAN MINH – A/C: 3050100068658	490T25A0ACVB1PA8

Tra cứu tại eFAST Search in website : <https://efast.vietinbank.vn>

		Dang, Phuong Hai Chau, Tp Da Nang			402140100		
57	2025-10-27 00:09:39	Thu gốc: VND - Thu lãi: 762740 VND - Thu phí phạt: VND - Thu phí: VND	762,740	0	101,560,613	CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN – A/C: 800007227508	
58	2025-10-27 00:10:58	Thu gốc: VND - Thu lãi: 1322082 VND - Thu phí phạt: VND - Thu phí: VND	1,322,082	0	100,238,531	CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN – A/C: 800007191543	
59	2025-10-27 09:58:10	490A25A1822W62BD/Thang may Niem Tin thanh loan tien vat tu thang may	1,038,960	0	82,226,496	CTY TNHH TM VA DV THUAN ANH – A/C: 70398859	490A25A1822W62B D
60	2025-10-27 09:58:10	So GD: 490A25A1822W62BD Thang may Niem Tin thanh loan tien vat tu thang may	22,000	0	82,204,496	THU PHI DỊCH VỤ NGAN HANG DIEN TU - CHIU THUE GTGT – A/C: 402140100	490A25A1822W62B D
61	2025-10-27 09:58:44	490A25A1823MT153/Thang may Niem Tin chuyển tien mua phan mem hoa don goi Vin - 2000	1,800,000	0	80,404,496	CÔNG TY CO PHAN THUONG MAI VISNAM – A/C: 0041000224725	490A25A1823MT153
62	2025-10-27 09:58:44	So GD: 490A25A1823MT153 Thang may Niem Tin chuyển tien mua phan mem hoa don goi Vin - 2000	22,000	0	80,382,496	THU PHI DỊCH VỤ NGAN HANG DIEN TU - CHIU THUE GTGT – A/C: 402140100	490A25A1823MT153
63	2025-10-27 15:02:19	490B25A19AWHZKU/TRA LAI LCC SHGD 10000343 NGÀY 27/10/2025 DO TEN VA TK NGUOI NHAN LENH KHONG KHOP	0	70,000,000	150,382,496	SGD NGAN HANG NHA NUOC – A/C: .	490B25A19AWHZKU E
64	2025-10-27 15:17:02	490A25A19BFZ6URD/Thang may Niem Tin chuyển tien vat tu xay dung theo hoa don so 35 ngay 27/10/2025	11,127,240	0	139,255,256	CT TNHH THUONG MAI VA XAY DUNG KAOQ – A/C: 0041000339719	490A25A19BFZ6UR D
65	2025-10-27 15:17:02	So GD: 490A25A19BFZ6URD Thang may Niem Tin chuyển tien vat tu xay dung theo hoa don so 35 ngay 27/10/2025	22,000	0	139,233,256	THU PHI DỊCH VỤ NGAN HANG DIEN TU - CHIU THUE GTGT – A/C: 402140100	490A25A19BFZ6UR D
66	2025-10-27 16:16:17	Cty Huy Phat thanh loan cong no 709/25 cho Cty Thang May Niem Tin	0	3,780,000	143,013,256	CTY TNHH DAU TU HUY PHAT – A/C: 114684999999	23x4-84DBrjcdl

Phụ lục 16: Sao kê ngân hàng tháng 10/2025

4/9/25, 4:07 PM

Số phụ TK tiền gửi không kỳ hạn

SMA service

Ngày/Date: 09/04/2025 16:06:39

Sacombank

ACCOUNT STATEMENT

Từ ngày: 01/01/2025 Đến ngày: 31/03/2025

From: 01/01/2025 To: 31/03/2025

Số tài khoản/
Account no: 040054312158

Tên khách hàng/
Account holder: CTY TNHH MTV THANG MẠY NIEM TIN

Số dư (*) đầu kỳ/
Opening balance: 9,407,502

Mã tiền tệ/
Currency: VND

STT No	Ngày GD Booking date (*)	Ngày HL Value date (*)	Số GD Txn ID	Diễn giải Description	Số tiền rút Debit	Số tiền gửi Credit	Số dư Balance (*)
1	16/01/2025 01:38:10	16/01/2025	AZ-040119097098	CHI LẠI TK TIỀN GỬI 040119097098		5,348	9,412,850
2	16/01/2025 15:53:28	16/01/2025	FT25016M7L6LBNK	Kho Bạc NN Thanh Khê Trương Mầm non Cam TuThánh toán cho số chung tự: 250115 1048990 0163013		1,512,000	10,924,850
3	16/01/2025 18:54:26	16/01/2025	FT25016HN82G	NTDT+KB:0168-KBNN Cam Le- Da Nang+NgayNT:16012025+MST:04018189 63+DBHC:495HH+TKNS:7111+CQT:10072 86+LThuê:01 (C:754-TM:2863-KT:00/CN/2025-ST:2 000000-GChu:)	2,000,000		8,924,850
4	16/01/2025 18:56:47	16/01/2025	FT25016SJ0LY	NTDT+KB:0168-KBNN Cam Le- Da Nang+NgayNT:16012025+MST:04018189 63+DBHC:495HH+TKNS:7111+CQT:10072 86+LThuê:01 (C:754-TM:1701-KT:00/Q3/2024-ST:7 781002-GChu:)	7,781,002		1,143,848
5	16/01/2025 16:58:34	16/01/2025	FT25016SG45H	NTDT+KB:0168-KBNN Cam Le- Da Nang+NgayNT:16012025+MST:04018189 63+DBHC:495HH+TKNS:7111+CQT:10072 86+LThuê:01 (C:754-TM:4931-KT:00/Q3/2024-ST:3 5000-GChu:)	35,000		1,108,848
6	31/01/2025 21:57:33	31/01/2025	040054312158-20250131	CHI LẠI TK TIỀN GỬI 040054312158		435	1,109,283
7	12/02/2025 11:37:04	12/02/2025	FT25043CD1WNBNK	Kho Bạc NN Thanh Khê Trương Mầm non Cam TuThánh toán cho số chung tự: 250207 1048990 0163008		1,512,000	2,621,283
8	17/02/2025 13:54:50	17/02/2025	FEE.C250125040054312158	PHI T01/2025-040054312158-ALERT(6),IB, QLTk	115,500		2,505,783
9	27/02/2025 14:25:31	27/02/2025	FEE.C250225040054312158	PHI T02/2025-040054312158-ALERT(2),IB, QLTk	115,500		2,390,283
10	01/03/2025 00:28:14	28/02/2025	040054312158-20250228	CHI LẠI TK TIỀN GỬI 040054312158		151	2,390,434
11	16/03/2025 01:06:41	16/03/2025	AZ-040119097098	CHI LẠI TK TIỀN GỬI 040119097098		5,173	2,395,607
12	27/03/2025 13:08:08	27/03/2025	FEE.C250325040054312158	PHI T03/2025-040054312158-ALERT(2),IB, QLTk	115,500		2,280,107
13	31/03/2025 23:37:36	31/03/2025	040054312158-20250331	CHI LẠI TK TIỀN GỬI 040054312158		202	2,280,309

Phụ lục 17: Sổ phụ tiền gửi quý 1



SAO KÊ CHI TIẾT GIAO DỊCH
TRANSACTIONS STATEMENT

Từ ngày 01-04-2025 Đến ngày: 30-04-2025
From date 01-04-2025 to date 30-04-2025

Kính gửi quý khách hàng Dear Customer: CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN
Vietinbank xin trân trọng thông báo Sao kê giao dịch Tài khoản số: 111678599999 của quý khách hàng như sau:
We would like to inform your transaction statement as follow:

Loại tiền tệ Currency: VND

STT	Ngày giao dịch	Mô tả giao dịch	Nợ	Có	Số dư cuối	Tên đối ứng	Số giao dịch
No	Date Time	Transaction Comment	Debit	Credit	Balance	Offset Name	Reference No
Số dư đầu kỳ/Beginning Balance					21,072,545		
1	2025-04-02 16:32:56	NHAN NO VAY	0	245,000,000	266,072,545	CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN - A/C: 809007033880	
2	2025-04-02 22:20:49	Giảm nợ rút tiền	245,000,000	0	21,072,545	PHAN VAN MINH - A/C: 109870203291	mhFK-7z7BN0dJQG
3	2025-04-03 07:00:00	CT được rút tiền	0	345,000,000	367,072,545	QUAN KHU 4 - A/C: 371119042301	
LƯU Ý							
90	2025-04-28 09:41:35	Số GD: 490A2541ALCKWE7R KB:0168-PGD số 9 - KBNN Khu vực Xil(NgàyNT:28042025;MST:04 01818963;CQT:10072861.T:01 ;DBHC:496H(C:754-TM:1701-KT:00/Q4/2024-ST:294216);Gchu:Nop Thue Dien Tu	11,000	0	37,834,539	THU PHI CHUYEN TIEN TRONG NUOC - CHIU THUE GTGT - A/C: 402150100	490A2541ALCKWE7R
91	2025-04-28 09:41:47	490A2541ALCUV31XKB:0168-PGD số 9 - KBNN Khu vực Xil(NgàyNT:28042025;MST:04 01818963;CQT:10072861.T:01 ;DBHC:496H(C:754-TM:4931-KT:00/Q4/2024-ST:8000);Gchu:Nop Thue Dien Tu	8,000	0	37,826,539	Quan Cam Le - Doi Thue lien huyen Cam Le - Hoa Vang - A/C: 7111	490A2541ALCUV31X
92	2025-04-28 09:41:47	Số GD: 490A2541ALCUV31X KB:0168-PGD số 9 - KBNN Khu vực Xil(NgàyNT:28042025;MST:04 01818963;CQT:10072861.T:01 ;DBHC:496H(C:754-TM:4931-KT:00/Q4/2024-ST:8000);Gchu:Nop Thue Dien Tu	11,000	0	37,815,539	THU PHI CHUYEN TIEN TRONG NUOC - CHIU THUE GTGT - A/C: 402150100	490A2541ALCUV31X
93	2025-04-28 15:31:46	490A2541AZZ0VVUKICTY NIEM TIN THANH TOAN BIEN TAN CUA	3,781,000	0	34,034,539	CTY TNHH TIEN NAM KHANG - A/C: 82468849	490A2541AZZ0VVUK
94	2025-04-28 15:31:46	Số GD: 490A2541AZZ0VVUK CTY NIEM TIN THANH TOAN BIEN TAN CUA	22,000	0	34,012,539	THU PHI DỊCH VỤ NGAN HANG DIEN TU - CHIU THUE GTGT - A/C: 402140100	490A2541AZZ0VVUK
95	2025-04-29 15:35:35	490B2541CN1NN98LTT XDKNNTTSP_KBA25042922 7118.Quan khu 4	0	340,000,000	374,012,539	QUAN KHU 4 - A/C: 371119042301	490B2541CN1NN98L
96	2025-04-30 01:54:09	Tra lại tại khoản DOA	0	5,584	374,018,123		
Số dư cuối kỳ/Ending balance					374,018,123		
Doanh số phát sinh kỳ báo cáo/Total of reported period			2,896,452,506	3,249,398,084			

Quý Khách hàng (KH) vui lòng kiểm soát, đối chiếu số dư tài khoản trên sao kê chi tiết giao dịch của mình với VietinBank. Nếu có sai lệch KH liên hệ với VietinBank trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận sao kê tài khoản để xác minh, đối chiếu. Nếu quá thời hạn trên mà không nhận được phản hồi của Quý KH thì số dư trên được coi là chính xác

Chi nhánh Branch
Chữ ký số E-signature

Signature Valid
Được ký bởi : NH TMCP Công Thương VN - CN SONG HAN
Ngày ký: 30/04/2025

Phụ lục 18: Sao kê ngân hàng tháng 04/2025



SAO KÊ CHI TIẾT GIAO DỊCH
TRANSACTIONS STATEMENT

Từ ngày 01-06-2025 Đến ngày: 30-06-2025
From date 01-06-2025 to date 30-06-2025

Kính gửi quý khách hàng Dear Customer: CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN
Vietinbank xin trân trọng thông báo Sao kê giao dịch Tài khoản số: 111678599999 của quý khách hàng như sau:
We would like to inform your transaction statement as follow:

Loại tiền tệ Currency: VND

STT	Ngày giao dịch	Mô tả giao dịch	Nợ	Có	Số dư cuối	Tên đối ứng	Số giao dịch
No	Date Time	Transaction Comment	Debit	Credit	Balance	Offset Name	Reference No
Số dư đầu kỳ/Beginning Balance					17,159,984		
1	2025-06-02 14:21:54	CT nhánh 247 đơn: THANH TOÁN CHI PHÍ BẢO TRÌ THANG MÁY TẠI VP CÔNG TY	0	1,620,000	18,779,984	Cty TNHH XD DCID – A/C: 2000201074653	490T25602535TS6L
2	2025-06-02 17:32:10	999B25602CGE2MHCTY LƯA HẠ CT CN BẢO TRÌ THANG MÁY CTY THANG MÁY NIEM TIN	0	9,072,000	27,851,984	CTY TNHH LƯA HOI AN – A/C: 5660297046	999B25602CGE2MH C
3	2025-06-03 10:54:54	NHAN NO VAY	0	200,000,000	227,851,984	CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN – A/C: 801007163088	
4	2025-06-03 11:10:25	Giam doc rut tien	200,000,000	0	27,851,984	PHAN VAN MINH – A/C: 109870203291	3zmUo-80cmeR7MY
5	2025-06-03 12:00:24	bao tri thang may	0	9,072,000	36,923,984	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH MINH PHAN – A/C: 118610199999	338Y-80cpvOfm6
6	2025-06-03 23:27:16	Thu gốc: 35650668 VND - Thu lãi: 273316 VND - Thu lãi phạt: VND - Thu phí: VND	35,923,984	0	1,000,000	CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN – A/C: 803006801298	
7	2025-06-04 06:17:23	CT nhánh 247 đơn: giam doc nop tien	0	200,000,500	201,000,500	PHAN VAN MINH – A/C: 3050100088868	490T2560505ZQ8VK
8	2025-06-04 10:49:14	Tai toan khoan vay 803006801298. So tien goc: 179,349,332 VND, Lai cong don: 28,499 VND, So tien tra lai phạt: 22,112 VND, Phi tra no trước hạn: 0 VND	179,399,943	0	21,600,557	CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN – A/C: 803006801298	1b1Ce-80aH2coFw
9	2025-06-04 15:54:37	THANG MÁY NIEM TIN MÃ ĐƠN VI TH1116H NỘP BHOCH THANG 06 NĂM 2025, SỐ TIỀN: 7.084.800 VND	7,084,800	0	14,515,757	BHOCH LIEN HUYEN CAM LE HOA VANG – A/C: 917075000005	ocbg-80ebZdmD
10	2025-06-05 16:14:54	Số GD: 490A256077966VSR CÔNG TY TNHH MTV THANG MÁY NIEM TIN TT TIEN HANG	73,480	0	14,442,277	THU PHI CHUYEN TIEN TRONG NUOC - CHIU THUE GTGT – A/C: 402150100	490A256077966VSR

Phụ lục 19: Sao kê ngân hàng tháng 06

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thang Máy Niêm Tin
Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ
Điện thoại: 0935675123

Mẫu số 02 -IT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 06 năm 2025

Số: 95
Nợ: 64225, 1331
Có: 11213

Họ tên người nhận tiền Ngân Hàng Vietinbank
Địa chỉ
Lý do chi Phí ngân hàng HD 95
Số tiền 73.480 đồng
(Viết bằng chữ) Bảy mươi ba ngàn bốn trăm tám mươi đồng

Kèm theo: Chứng từ gốc

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Phan Văn Minh
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)

Đã Nhận, Ngày tháng năm 20....

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Phụ lục 20: Phiếu chi phí ngân hàng

Đơn vị: Công Ty TNHH MTV Thương Máy Niềm Tin

Địa chỉ: 28 Hoàng Ngọc Phách, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ

Mẫu số: S19-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

CHỨNG TỪ		MÃ KH	KH	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT					NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
31/01	KC-000001			KC chi phí tài chính	635	2.727.589	0
31/01	KC-000002			KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	836.774.074
31/01	KC-000003			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	19.827
31/01	KC-000004			KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	806.296.296	0
31/01	KC-000005			KC chi phí quản lý nhân viên	64221	31.678.067	0
31/01	KC-000006			KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	68.741	0
31/01	KC-000007			KC chi phí thuế phí lệ phí	64224	2.000.000	0
31/01	KC-000008			KC chi phí ngân hàng	64225	103.600	0
31/01	KC-000009			KC chi phí bằng tiền khác	64227	39.550.370	0
31/01	KC-000010			KC chi phí loại trừ	8118	1.804.300	0
31/01	KC-000011			KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	47.435.062
28/02	KC-000001			KC chi phí tài chính	635	52.592.879	0
28/02	KC-000002			KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	13.700.000
28/02	KC-000003			KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	134.292.593
28/02	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	4
28/02	KC-000005			KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	124.770.180	0
28/02	KC-000006			KC chi phí quản lý nhân viên	64221	29.775.520	0
28/02	KC-000007			KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	59.339	0
28/02	KC-000008			KC chi phí ngân hàng	64225	620.000	0
28/02	KC-000009			KC chi phí bằng tiền khác	64227	34.749.581	0
28/02	KC-000010			KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	94.574.902
31/03	KC-000001			KC chi phí tài chính	635	24.871.007	0
31/03	KC-000002			KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	6.600.000
31/03	KC-000003			KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	60.388.888
31/03	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	12.485
31/03	KC-000005			KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	2.261.981	0
31/03	KC-000006			KC chi phí quản lý nhân viên	64221	20.009.489	0
31/03	KC-000007			KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	75.314	0
31/03	KC-000008			KC chi phí ngân hàng	64225	195.000	0
31/03	KC-000009			KC chi phí phân bổ, khấu hao	64226	43.743.699	0
31/03	KC-000010			KC chi phí bằng tiền khác	64227	32.431.776	0
31/03	KC-000011			KC chi phí loại trừ	8118	2.659.066	0
31/03	KC-000012			KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	59.245.959
30/04	KC-000001			KC chi phí tài chính	635	27.248.468	0
30/04	KC-000002			KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	12.380.000
30/04	KC-000003			KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	44.000.000
30/04	KC-000004			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	5.780
30/04	KC-000005			KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	6.969.023	0
30/04	KC-000006			KC chi phí quản lý nhân viên	64221	49.113.800	0

30/04	KC-000007		KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	85.917	0
30/04	KC-000008		KC chi phí ngân hàng	64225	285.000	0
30/04	KC-000009		KC chi phí bằng tiền khác	64227	39.422.749	0
30/04	KC-000010		KC chi phí loại trừ	8118	8.015	0
30/04	KC-000011		KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	66.747.192
31/05	KC-000001		KC chi phí tài chính	635	26.013.174	0
31/05	KC-000002		KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	1.100.000
31/05	KC-000003		KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	87.257.408
31/05	KC-000004		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	18.006
31/05	KC-000005		KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	300.000	0
31/05	KC-000006		KC chi phí quản lý nhân viên	64221	51.613.800	0
31/05	KC-000007		KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	40.866	0
31/05	KC-000008		KC chi phí ngân hàng	64225	2.235.000	0
31/05	KC-000009		KC chi phí bằng tiền khác	64227	37.877.628	0
31/05	KC-000010		KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	29.705.054
30/06	KC-000001		KC chi phí tài chính	635	26.176.752	0
30/06	KC-000002		KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	6.900.000
30/06	KC-000003		KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	30.029.629
30/06	KC-000004		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	4.254
30/06	KC-000005		KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	5.065.740	0
30/06	KC-000006		KC chi phí quản lý nhân viên	64221	49.738.800	0
30/06	KC-000007		KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	80.982	0
30/06	KC-000008		KC chi phí ngân hàng	64225	1.336.962	0
30/06	KC-000009		KC chi phí phân bổ, khấu hao	64226	43.742.812	0
30/06	KC-000010		KC chi phí bằng tiền khác	64227	33.570.206	0
30/06	KC-000011		KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	122.778.371
31/07	KC-000001		KC chi phí tài chính	635	27.097.923	0
31/07	KC-000002		KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	79.016.296
31/07	KC-000003		KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	61.792.592
31/07	KC-000004		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	18.565
31/07	KC-000005		KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	40.050.255	0
31/07	KC-000006		KC chi phí quản lý nhân viên	64221	50.988.800	0
31/07	KC-000007		KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	546.632	0
31/07	KC-000008		KC chi phí ngân hàng	64225	566.335	0
31/07	KC-000009		KC chi phí bằng tiền khác	64227	56.084.456	0
31/07	KC-000010		KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	34.506.948
31/08	KC-000001		KC chi phí tài chính	635	27.120.205	0
31/08	KC-000002		KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	3.200.000
31/08	KC-000003		KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	49.240.740

31/08	KC-000003		KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	49.240.740
31/08	KC-000004		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	5.377
31/08	KC-000005		KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	888.889	0
31/08	KC-000006		KC chi phí quản lý nhân viên	64221	68.938.800	0
31/08	KC-000007		KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	494.060	0
31/08	KC-000008		KC chi phí ngân hàng	64225	270.391	0
31/08	KC-000009		KC chi phí bằng tiền khác	64227	32.475.559	0
31/08	KC-000010		KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	77.741.787
30/09	KC-000001		KC chi phí tài chính	635	35.325.609	0
30/09	KC-000002		KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	450.000
30/09	KC-000003		KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	1.135.518.518
30/09	KC-000004		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	18.025
30/09	KC-000005		KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	1.049.722.224	0
30/09	KC-000006		KC chi phí quản lý nhân viên	64221	68.313.800	0
30/09	KC-000007		KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	44.864	0
30/09	KC-000008		KC chi phí ngân hàng	64225	320.900	0
30/09	KC-000009		KC chi phí phân bổ, khấu hao	64226	43.569.327	0
30/09	KC-000010		KC chi phí bằng tiền khác	64227	31.915.278	0
30/09	KC-000011		KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	93.225.459
31/10	KC-000001		KC chi phí tài chính	635	46.192.752	0
31/10	KC-000002		KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	21.750.000
31/10	KC-000003		KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	188.459.259
31/10	KC-000004		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	28.597
31/10	KC-000005		KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	56.411.344	0
31/10	KC-000006		KC chi phí quản lý nhân viên	64221	3.938.800	0
31/10	KC-000007		KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	444.444	0
31/10	KC-000008		KC chi phí ngân hàng	64225	422.396	0
31/10	KC-000009		KC chi phí bằng tiền khác	64227	104.752.475	0
31/10	KC-000010		KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	1.924.355
30/11	KC-000001		KC chi phí tài chính	635	39.799.646	0
30/11	KC-000002		KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	47.148.148
30/11	KC-000003		KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	61.640.740
30/11	KC-000004		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	21.471
30/11	KC-000005		KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	35.555.556	0
30/11	KC-000006		KC chi phí quản lý nhân viên	64221	3.938.800	0
30/11	KC-000007		KC chi phí điện, nước, Đt...	64223	512.837	0
30/11	KC-000008		KC chi phí ngân hàng	64225	368.100	0

30/11	KC-000009			KC chi phí bằng tiền khác	64227	66.023.493	0
30/11	KC-000010			KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	37.388.073
31/12	KC-000001			KC chi phí tài chính	635	40.415.837	0
31/12	KC-000002			KC Thu nhập hoạt động khác vào KQ SXKD	711	0	779.000
31/12	KC-000003			KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	63.983.334
31/12	KC-000004			KC Doanh Thu gia công sang KQSXKD	5113	0	1.763.738.888
31/12	KC-000005			KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	11.484
31/12	KC-000006			KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	873.002.259	0
31/12	KC-000007			KC chi phí quản lý nhân viên	64221	3.938.800	0
31/12	KC-000008			KC chi phí VPP	64222	3.026.667	0
31/12	KC-000009			KC chi phí ngân hàng	64225	818.652	0
31/12	KC-000010			KC chi phí phân bổ, khấu hao	64226	43.885.685	0
31/12	KC-000011			KC chi phí bằng tiền khác	64227	114.906.617	0
31/12	KC-000012			KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	748.518.189	0
				Tổng cộng phát sinh		5.375.577.144	5.375.577.144
				Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		5.375.577.144	5.375.577.144
				Số dư cuối kỳ		0	0

Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Phan Văn Minh

Phụ lục 21: Sổ chi tiết tài khoản 911